

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM VÀ CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ.**

# **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU**

## **CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ**



**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Số 16, Phố Võ Văn Kiệt, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38217713 Fax: (84.8) 38217452

### **TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**



**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 58, đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38485383 Fax: (84.8) 38445127

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Tầng 10 - Tháp BIDV, Số 35, Phố Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Chi nhánh Lầu 9, Số 146, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (84.8) 39142956 Fax: (84.8) 38218510

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN BÁN ĐẤU GIÁ VÀ CÁC ĐẠI LÝ ĐẤU GIÁ THEO QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ.**

# Mục lục

<b>PHẦN I: LỜI NÓI ĐẦU</b>	<b>4</b>
<b>PHẦN 2: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM</b>	<b>5</b>
1. Thông tin về đợt chào bán	5
2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	6
<b>PHẦN 3. THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ</b>	<b>7</b>
1. <b>CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ</b>	<b>7</b>
1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước	7
1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	7
2. <b>CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN</b>	<b>9</b>
2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần	9
2.2. Tổ chức phát hành	9
2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước	9
3. <b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>10</b>
3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	10
3.2. Đại diện Tổ chức phát hành	10
3.3. Tổ chức tư vấn	10
4. <b>CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>11</b>
5. <b>CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI</b>	<b>14</b>
6. <b>NGUỒN DỮ LIỆU VÀ VIỆC LÀM TRÒN SỐ LIỆU TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>15</b>
<b>PHẦN 4. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>16</b>
1. <b>THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>16</b>
1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa	16
1.2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh	16
1.3. Quá trình hình thành và phát triển	17
2. <b>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>19</b>
2.1. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	19
2.2. Chi phí sản xuất kinh doanh	31
2.3. Trình độ công nghệ	32
2.4. Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không	33
2.5. Nhãn hiệu thương mại, bản quyền:	35
2.6. Các hợp đồng lớn đang triển khai	36
2.7. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam	



trong 03 năm 2012-2014 và tại thời điểm 30/06/2015	45
2.8. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của ACV trong giai đoạn 2012 - 2015	49
2.9. Vị thế và năng lực hoạt động của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không	51
<b>3. TÓM LƯỢC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CON CỦA TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>55</b>
3.1. Tổng quan về kết quả hoạt động kinh doanh	55
3.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - con Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trong 03 năm 2012-2014	57
<b>4. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>	<b>58</b>
4.1. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	58
4.2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	74
4.3. Thực trạng sử dụng đất	76
<b>PHẦN 5. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>78</b>
<b>1. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP HÌNH THÀNH SAU CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>78</b>
1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản	78
1.2. Ngành nghề kinh doanh	78
1.3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến	79
1.4. Mô hình tổ chức hoạt động dự kiến	80
1.5. Danh sách công ty con của ACV	83
1.6. Danh sách công ty liên kết của ACV	84
1.7. Góp vốn đầu tư dài hạn từ thời điểm 30/06/2015 đến thời điểm công bố thông tin	85
1.8. Thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết từ thời điểm 30/06/2015 đến thời điểm công bố thông tin	85
1.9. Các dự án xã hội hóa Cảng hàng không chuẩn bị triển khai	85
<b>2. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>87</b>
<b>3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>89</b>
<b>4. KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>90</b>
4.1. Định hướng phát triển của ACV	90
4.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ	96
4.3. Dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020	97
4.4. Kế hoạch trả cổ tức	98
<b>5. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, VẬN HÀNH TÀI SẢN TRONG KHU BAY</b>	<b>99</b>
<b>6. NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN</b>	<b>100</b>
<b>PHẦN 6. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN</b>	<b>101</b>
<b>1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN</b>	<b>101</b>
1.1. Rủi ro trong chính sách pháp luật	101
1.2. Rủi ro địa chính trị	101
1.3. Rủi ro kinh tế và tài chính	102

11  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHÍNH  
TRỊ  
VIỆT  
NAM

1.4.	Rủi ro đặc thù	102
1.5.	Rủi ro của đợt chào bán	103
1.6.	Rủi ro khác	103
<b>2.</b>	<b>PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN</b>	<b>104</b>
2.1.	Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO)	104
2.2.	Chào bán cổ phần cho người lao động	105
2.3.	Bán cổ phần cho tổ chức công đoàn	107
2.4.	Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược	107
<b>3.</b>	<b>KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA</b>	<b>107</b>
	<b>PHẦN 7. KẾT LUẬN</b>	<b>109</b>
	<b>PHẦN 8. PHỤ LỤC</b>	<b>110</b>
<b>1.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON</b>	<b>110</b>
1.1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO)	110
1.2.	Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn (SAGS)	111
1.3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu hàng không Nội Bài (NAFSC)	112
<b>2.</b>	<b>DANH MỤC ĐẤT ACV ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG</b>	<b>113</b>

10/10/2023

## PHẦN I: LỜI NÓI ĐẦU

Bản Công bố thông tin này nhằm mục đích công bố thông tin phục vụ việc bán đấu giá cổ phần lần đầu theo hình thức đấu giá công khai, là một nội dung của quá trình cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Với tư cách là tổ chức công bố thông tin và tổ chức phát hành cổ phần theo Bản công bố thông tin này, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam xin lưu ý rằng các nhà đầu tư nên dựa vào các thông tin được trình bày trong (i) Bản công bố thông tin này, (ii) mẫu Đơn đăng ký đấu giá cổ phần và (iii) Quy chế đấu giá do Tổ chức thực hiện đấu giá ban hành để đưa ra quyết định đầu tư của mình. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam chưa ủy quyền cho bất cứ tổ chức/cá nhân nào cung cấp cho nhà đầu tư bất kỳ thông tin nào khác ngoài các thông tin được trình bày trong Bản công bố thông tin này. Ngoài ra, nếu các nhà đầu tư chưa hiểu rõ về bất kỳ nội dung hay thông tin nào được trình bày trong Bản công bố thông tin này, các nhà đầu tư nên hỏi ý kiến tư vấn của các tổ chức tư vấn độc lập.

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam hiện thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước và đang trong quá trình thực hiện cổ phần hóa theo hình thức kết hợp bán bớt phần vốn Nhà nước hiện có và phát hành thêm cổ phần để huy động vốn, từ đó giảm tỷ lệ sở hữu của Nhà nước xuống 75% sau cổ phần hóa.

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP được thành lập sau khi cổ phần hóa sẽ kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam hiện nay theo quy định của pháp luật. Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP sẽ có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có con dấu riêng, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật, được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Việc phát hành cổ phần theo hình thức đấu giá theo Bản công bố thông tin này là một phần của quá trình cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, góp phần hình thành Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP. Cổ phần được phát hành theo Bản công bố thông tin này là cổ phần của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP. Các nhà đầu tư mua cổ phần theo Bản công bố thông tin này sẽ trở thành cổ đông của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP và quy định của pháp luật.

1 -  
GT  
HÀ  
KH  
GD  
[ TI  
NAI  
1 -

**PHẦN 2: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY  
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**1. Thông tin về đợt chào bán**

Số lượng cổ phần bán đấu giá .....	77.804.122 cổ phần
Loại cổ phần .....	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá .....	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm .....	11.800 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu	100 cổ phần
Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được mua tối đa .....	77.804.122 cổ phần
Phương thức đấu giá .....	Đấu giá theo mô hình đấu giá hai cấp tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Đối tượng tham gia .....	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin đấu giá .....	Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế đấu giá. Bản công bố thông tin còn được chuyển tải trên website <a href="http://www.hsx.vn">http://www.hsx.vn</a> ; <a href="http://bsc.com.vn">http://bsc.com.vn</a> ; <a href="http://vietnamairport.vn">http://vietnamairport.vn</a> và website của các đại lý đấu giá.
Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá .....	Tại các đại lý đấu giá được công bố trong Quy chế đấu giá.
Thời gian nộp đơn đăng ký tham dự, nộp tiền đặt cọc và nhận Phiếu đấu giá .....	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
Quy định về nộp tiền đặt cọc .....	Đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm.

Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá .....	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
Địa điểm tổ chức đấu giá .....	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc do không mua được cổ phần ..	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

## 2. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần (cổ phần)</u>	<u>Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà nước .....	1.682.323.878	16.823.238.780.000	75,00%
CBCNV .....	31.347.800	313.478.000.000	1,40%
<i>Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên công tác .....</i>	<i>9.220.000</i>	<i>92.200.000.000</i>	<i>0,41%</i>
<i>Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần .....</i>	<i>22.127.800</i>	<i>221.278.000.000</i>	<i>0,99%</i>
Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức công đoàn .....	3.003.003	30.030.030.000	0,13%
Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược .....	448.619.701	4.486.197.010.000	20,00%
Cổ phần bán đấu giá công khai .....	77.804.122	778.041.220.000	3,47%
<b>Tổng .....</b>	<b>2.243.098.504</b>	<b>22.430.985.040.000</b>	<b>100%</b>

### **PHẦN 3. THÔNG TIN CHUNG LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

#### **1. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ**

##### **1.1. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước**

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ về Quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 26/2013/TT-BTNMT ngày 26/9/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty nhà nước;
- Thông tư 10/2013/TT-BTC ngày 18/01/2013 hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ-Công ty con.
- Và các văn bản liên quan khác.

##### **1.2. Cơ sở pháp lý về cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam**

- Công văn số 3160/VPCP-ĐMDN ngày 07/05/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 1827/QĐ-BGTVT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp cổ phần hóa;



- Quyết định số 837/QĐ-BGTVT ngày 24/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 4839/QĐ-BGTVT ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
- Công văn số 6757/BGTVT-QLDN ngày 10/06/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
- Công văn số 16839/BGTVT-QLDN ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải về việc xử lý tài chính khi cổ phần hóa Công ty mẹ - ACV;
- Quyết định số 5114/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
- Quyết định số 1710/QĐ-TTg ngày 06/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hóa công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam;
- Công văn số 14222/BGTVT-QLDN ngày 26/10/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc cập nhật các nội dung bổ sung, sửa đổi trong phương án cổ phần hóa;
- Quyết định số 3787/QĐ-BGTVT ngày 26/10/2015 về mức giá khởi điểm bán đấu giá cổ phần lần đầu để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

11/03/2016

## **2. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**

### **2.1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần**

Tên tiếng Việt: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
Tên Tiếng Anh: Hochiminh Stock Exchange  
Trụ sở: Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.8) 38217713  
Fax: (84.8) 38217452  
Website: www.hsx.vn

### **2.2. Tổ chức phát hành**

Tên tiếng Việt: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam  
Tên Tiếng Anh: Airports Corporation of Vietnam  
Tên viết tắt: ACV  
Trụ sở: 58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM  
Điện thoại: (84.8) 38485383  
Fax: (84.8) 38445127  
Website: www.vietnamairport.vn

### **2.3. Tổ chức tư vấn bán đấu giá trong nước**

Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam  
Trụ sở: Tầng 10, 11, Tháp BIDV, Số 35, Phố Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (84.4) 39352722  
Fax: (84.4) 22200669  
Website: www.bsc.com.vn

### **3. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA**

#### **3.1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam**

Ông Nguyễn Nguyên Hùng ..... Chủ tịch HĐQT Tổng công ty – Trưởng ban

#### **3.2. Đại diện Tổ chức phát hành**

Ông Nguyễn Nguyên Hùng ..... Chủ tịch HĐQT Tổng công ty

Những người có tên được nêu trên đây đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

#### **3.3. Tổ chức tư vấn**

Ông Đỗ Huy Hoài ..... Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC) thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam cung cấp. Chúng tôi đã thực hiện các bước xây dựng nội dung Bản công bố thông tin tuân thủ đúng trình tự bắt buộc theo quy định của pháp luật nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán.

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20

#### 4. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

##### Các khái niệm và từ viết tắt liên quan đến hoạt động của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

“ACV”, “Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam”, “TCTCHKVN”, “Tổng công ty”, “TCT” ...	Là Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, đơn vị thực hiện công bố thông tin
“Nghị định 189” .....	Nghị định số 189/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 20/11/2013 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Nghị định 59” .....	Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
“Quyết định 1992” .....	Quyết định 1992/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 15/08/2014 ban hành mức giá, khung giá một số dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay Việt Nam
“Quyết định 09” .....	Quyết định 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước, trong đó yêu cầu về trình tự, thủ tục báo cáo kê khai đất do doanh nghiệp nhà nước trực tiếp sử dụng
ALC2 .....	Công ty Cho thuê Tài chính II
ANHK .....	An ninh Hàng không
CAPA .....	Trung tâm Hàng không Châu Á Thái Bình Dương
CBCNV .....	Cán bộ công nhân viên
CHK .....	Cảng hàng không
CHKQT .....	Cảng hàng không Quốc tế
CLMV .....	Tiểu vùng Cambodia, Lào, Myanmar, Việt Nam
CPH .....	Cổ phần hóa
DTT .....	Doanh thu thuần
HCC .....	Hạ cất cánh
HĐTV .....	Hội đồng Thành Viên
Hệ số PCN .....	Hệ số chịu tải đường băng/Pavement Classification Number, là hệ số về thông số chịu tải và kết cấu của đường băng
HKDD .....	Hàng không Dân dụng
HKQT .....	Hàng không Quốc tế
HKVN .....	Hàng không Việt Nam

1  
 2  
 3  
 4  
 5  
 6  
 7  
 8  
 9  
 10  
 11  
 12  
 13  
 14  
 15  
 16  
 17  
 18  
 19  
 20  
 21  
 22  
 23  
 24  
 25  
 26  
 27  
 28  
 29  
 30  
 31  
 32  
 33  
 34  
 35  
 36  
 37  
 38  
 39  
 40  
 41  
 42  
 43  
 44  
 45  
 46  
 47  
 48  
 49  
 50  
 51  
 52  
 53  
 54  
 55  
 56  
 57  
 58  
 59  
 60  
 61  
 62  
 63  
 64  
 65  
 66  
 67  
 68  
 69  
 70  
 71  
 72  
 73  
 74  
 75  
 76  
 77  
 78  
 79  
 80  
 81  
 82  
 83  
 84  
 85  
 86  
 87  
 88  
 89  
 90  
 91  
 92  
 93  
 94  
 95  
 96  
 97  
 98  
 99  
 100

IATA .....	International Air Transport Association – Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế
ICAO .....	International Civil Aviation Organization – Tổ chức Hàng không dân dụng Quốc tế
ILS .....	Instrument Landing System – Hệ thống hạ cất cánh chính xác
Tài sản trong khu bay .....	Là tập hợp tài sản trong khu bay được xác định theo Công văn số 595/HĐTV ngày 22/12/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam được Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 1100/VPCP-ĐMDN ngày 11/02/2015.
LNST .....	Lợi nhuận sau thuế
LNSTT .....	Lợi nhuận trước thuế
NĐT .....	Nhà đầu tư
NVL .....	Nguyên vật liệu
PBN .....	Performance Based Navigation – Dẫn đường dựa vào tính năng tàu bay
PCCC .....	Phòng cháy chữa cháy
ROA .....	Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE .....	Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
TCKT .....	Tài chính kế toán
TNHH .....	Trách nhiệm hữu hạn

#### **Danh mục mã ICAO của các cảng hàng không trong nước**

BMV .....	Cảng hàng không Buôn Ma Thuột
CXR .....	Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh
DAD .....	Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng
HAN .....	Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
HPH .....	Cảng hàng không Cát Bi
HUI .....	Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài
PQC .....	Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc
SGN .....	Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất
UIH .....	Cảng hàng không Phù Cát
VCA .....	Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ
VII .....	Cảng hàng không Vinh

#### **Danh mục mã ICAO của các Cảng hàng không nước ngoài**

BKK .....	Cảng hàng không Suvarnabhumi – Thái Lan
-----------	---

CAN .....	Cảng hàng không quốc tế Bạch Vân Quảng Châu – Trung Quốc
HKG .....	Cảng hàng không Chek Lap Kok – Hongkong
ICN .....	Cảng hàng không Incheon – Hàn Quốc
KUL .....	Cảng hàng không Kuala Lumpur – Malaysia
PVG .....	Cảng hàng không quốc tế Phố Đông – Thượng Hải
SIN .....	Cảng hàng không Changi – Singapore
SZX .....	Cảng hàng không Bảo An Thẩm Quyển – Trung Quốc
TPE .....	Cảng hàng không Taoyuan – Đài Loan
VTE .....	Cảng hàng không Vientianne – Lào

**Ký hiệu tiền tệ**

USD .....	Dollar Mỹ
JPY .....	Yên Nhật
VND .....	Việt Nam Đồng



## 5. CÁC TUYÊN BỐ CÓ TÍNH CHẤT TƯƠNG LAI

Bản công bố thông tin này trình bày một số tuyên bố có tính chất tương lai liên quan đến các kế hoạch, ý định, sự tin tưởng, dự kiến và các dự đoán của ACV về tương lai, đặc biệt trong Phần “Phương hướng phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hóa”. Về bản chất, các tuyên bố có tính chất tương lai đó hàm chứa yếu tố rủi ro và có thể sẽ không chắc chắn chính xác trong tương lai.

Ngoài những nội dung khác, các tuyên bố có tính chất tương lai trình bày trong Bản công bố thông tin này bao gồm các tuyên bố liên quan đến:

- Cơ cấu tổ chức của ACV sau cổ phần hóa;
- Môi trường pháp lý và triển vọng chung của ngành hàng không và lĩnh vực cung cấp dịch vụ cảng hàng không tại Việt Nam;
- Chiến lược phát triển kinh doanh của ACV và các kế hoạch để thực thi chiến lược này;
- Kế hoạch kinh doanh của ACV giai đoạn 2016-2020;
- Sự hợp tác và quan hệ của ACV với các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và khả năng của các nhà đầu tư chiến lược nước ngoài hỗ trợ ACV phát triển hoạt động kinh doanh và thực hiện các cải cách về quản trị doanh nghiệp.

Ngoài ra, các tuyên bố về tình hình tài chính, mục tiêu và chiến lược, tái cơ cấu mô hình tổ chức hoạt động, bộ máy quản lý điều hành, định hướng kinh doanh sau cổ phần hóa, kế hoạch và giải pháp thực hiện của ACV cũng là các tuyên bố có tính chất tương lai. Trong một số trường hợp, ACV sử dụng các từ như “sẽ”, “tin tưởng”, “dự đoán”, “dự kiến”, “dự định”, “có thể”, “kế hoạch”, “khả năng”, “rủi ro”, “nên”, “có thể sẽ” và các từ tương tự khác để xác định các tuyên bố có tính chất tương lai. Mặc dù ACV tin tưởng rằng các dự kiến được phản ánh trong các tuyên bố có tính chất tương lai là hợp lý nhưng ACV không thể đảm bảo rằng các dự kiến đó sẽ được chứng minh là chính xác và ACV xin lưu ý các nhà đầu tư không nên tin tưởng quá mức vào các tuyên bố đó.

Ngoài trừ trường hợp bắt buộc phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần, công ty đại chúng và doanh nghiệp niêm yết sau này, ACV không có nghĩa vụ phải cập nhật, công khai hoặc sửa đổi các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin này, dù xuất phát từ nguyên nhân có các thông tin mới, các sự kiện xảy ra trong tương lai hoặc do các nguyên nhân khác hay không. Các nhà đầu tư cần lưu ý đến tuyên bố có tính chất cảnh báo này khi xem xét các tuyên bố có tính chất tương lai được trình bày trong Bản công bố thông tin.

## **6. NGUỒN DỮ LIỆU VÀ VIỆC LÀM TRÒN SỐ LIỆU TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Toàn bộ nguồn dữ liệu trong Bản công bố thông tin này, trừ trường hợp có chú thích khác, được tổng hợp từ số liệu nội bộ của doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin. Nguồn số liệu này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, các số liệu trong báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động định kỳ, và các báo cáo hoạt động khác của doanh nghiệp. Một số dữ liệu trong bản công bố thông tin đã được thể hiện dưới hình thức làm tròn, tuy nhiên việc làm tròn các dữ liệu này được đánh giá là không gây ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng nhận định, đánh giá giá trị tiềm năng của chứng khoán được chào bán cho nhà đầu tư.



## PHẦN 4. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

### 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

#### 1.1. Giới thiệu chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

Tên Tiếng Việt .....	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam
Tên Tiếng Anh .....	Airports Corporation of Vietnam
Tên giao dịch quốc tế .....	Airports Corporation of Vietnam
Tên viết tắt .....	ACV
Loại hình doanh nghiệp .....	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
Trụ sở chính .....	58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại .....	(84.8) 38485383
Website .....	<a href="http://www.vietnamairport.vn/">http://www.vietnamairport.vn/</a>
Mã số thuế .....	0311638525
Biểu tượng (logo) .....	



#### 1.2. Ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311638525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27/5/2015, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam đăng ký hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay; Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không & sân bay; Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng), và xăng dầu tại các Cảng hàng không, sân bay, các dịch vụ hàng không, dịch vụ công cộng khác tại các Cảng hàng không, sân bay;
- Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;
- Xây dựng, tư vấn xây dựng, sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các công trình xây dựng, các trang thiết bị, điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng.

### **1.3. Quá trình hình thành và phát triển**

#### **1.3.1 Giai đoạn từ năm 1975 đến tháng 3/1993**

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước hòa bình và bước vào công cuộc khôi phục kinh tế, ngày 11/02/1976, Chính phủ đã ra Nghị định số 28/CP về việc thành lập Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam trên cơ sở Cục Hàng không dân dụng được tổ chức theo Nghị định 666/TTg ngày 15/11/1956 của Chính phủ. Với mục đích bắt nhịp nhiệm vụ của thời bình, đáp ứng nhu cầu vận chuyển bằng đường hàng không, 03 sân bay Nội Bài, Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất đã được sửa chữa, nâng cấp để trở thành các sân bay quốc tế tại 03 miền đất nước. Thời điểm này, các sân bay trực tiếp thuộc sự quản lý của Tổng Cục hàng không dân dụng Việt Nam.

#### **1.3.2 Giai đoạn từ tháng 4/1993 đến tháng 6/1998**

Chính sách “Đổi Mới” của Đảng đã từng bước giúp nền kinh tế đất nước ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao, thị trường hàng không đã có dấu hiệu khởi sắc. Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng cường quản lý các sân bay có hoạt động khai thác hàng không dân dụng, Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam đã ký Quyết định số 202/CAAV, 203/CAAV và 204/CAAV ngày 02/04/1993 về việc thành lập Cục cảng hàng không sân bay miền Bắc, miền Trung, miền Nam, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu, trực thuộc Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. Giai đoạn này, các Cục cảng hàng không khu vực cũng là đơn vị thực hiện một số chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành tại Cảng hàng không – Sân bay.

#### **1.3.3 Giai đoạn từ tháng 7/1998 đến 2006**

Ngày 31/12/1998, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 113/1998/QĐ-TTg chuyển đổi các Cục cảng hàng không sân bay miền Bắc, Trung, Nam thành doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích và đổi tên thành ba Cục cảng Hàng không miền Bắc – Trung – Nam. Các Cục cảng hàng không khu vực vẫn tiếp tục vừa thực hiện chức năng kinh doanh, cung cấp các dịch vụ công ích, vừa thực hiện chức năng quản lý Nhà nước tại các cảng hàng không – sân bay.

#### **1.3.4 Giai đoạn từ năm 2007 đến 2012**

Quá trình hội nhập kinh tế của đất nước được đánh dấu bằng sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Luật Hàng không dân dụng 2006 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 đã phản ánh đầy đủ các chuyên biến về cơ chế quản lý của ngành Hàng không nói chung và các doanh nghiệp cảng hàng không nói riêng. Năm 2007, Bộ Giao thông Vận tải đã quyết định thành lập các Tổng công ty Cảng hàng không miền Bắc, Trung và Nam. Đồng thời, ba Cảng vụ hàng không miền Bắc, Trung, Nam được thành lập từ một bộ phận của ba Tổng công ty cảng, trực thuộc Cục Hàng không Việt Nam, có nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng không tại các cảng hàng không, sân bay.

Từ tháng 7/2010, ba Tổng công ty Cảng hàng không miền Bắc, Trung, Nam tiếp tục được chuyển đổi theo mô hình các công ty TNHH Nhà nước một thành viên, hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

#### **1.3.5 Giai đoạn từ năm 2012 đến nay**

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (Airports Corporation of Vietnam – ACV) được thành lập theo Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 08/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải trên cơ sở

hợp nhất ba Tổng công ty: Tổng công ty Cảng hàng không miền Bắc, Tổng công ty Cảng hàng không miền Trung và Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam.

Mục tiêu thành lập Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam nhằm tập trung nguồn lực, trí tuệ, thực hiện nhất quán chiến lược phát triển Tổng công ty thành doanh nghiệp mạnh trong ngành hàng không khu vực và thế giới, bảo đảm an ninh an toàn, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển nhanh và bền vững, góp phần củng cố an ninh quốc phòng, đóng góp quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hội nhập với khu vực và thế giới.

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, hiện đang quản lý 22 cảng hàng không trên cả nước trong đó có 21 cảng hàng không đang khai thác, đồng thời góp vốn đầu tư vào 03 công ty con và các công ty liên kết.

ACV đã đầu tư hàng chục ngàn tỷ đồng để mở rộng, nâng cấp hoàn chỉnh và đồng bộ kết cấu hạ tầng, tạo thành hệ thống các Cảng hàng không hiện đại theo tiêu chuẩn ICAO; thực hiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa trong giao tiếp và ứng xử với khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của hành khách; hội nhập tốt với khu vực và thế giới.

WORLDWIDE

## 2. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 03 NĂM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

### 2.1. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam

#### 2.1.1 Tổng quan về hoạt động kinh doanh

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam là đơn vị quản lý, điều phối hoạt động và đầu tư khai thác toàn bộ hệ thống 22 Cảng hàng không – Sân bay quốc tế và quốc nội trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có thể được phân tách thành ba lĩnh vực chính: Dịch vụ hàng không, Dịch vụ phi hàng không và Bán hàng. Cơ cấu các nguồn doanh thu từ 03 hoạt động kinh doanh chính nêu trên của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trong các năm tài chính 2012, 2013 và 2014 được tóm lược trong bảng sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm					
	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
<b>Giá trị (tỷ đồng)</b>						
Bán hàng & cung cấp dịch vụ .	6.203,01	100,00%	7.525,99	100,00%	7.998,75	100,00%
Dịch vụ hàng không . . . . .	5.045,44	81,34%	6.062,22	80,55%	6.409,23	80,13%
Dịch vụ phi hàng không . .	752,74	12,14%	828,36	11,01%	924,23	11,55%
Bán hàng . . . . .	404,83	6,53%	635,40	8,44%	665,29	8,32%

*Nguồn: BCTC được kiểm toán năm 2012 – 2014 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam*

Phần lớn doanh thu của Tổng công ty được hình thành từ hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không (chiếm lần lượt 81,34%, 80,55% và 80,13% Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong ba năm 2012, 2013 và 2014). Động lực tăng trưởng của nguồn doanh thu này xuất phát chủ yếu từ tốc độ tăng trưởng khối lượng vận chuyển hành khách qua cảng, khối lượng vận chuyển hàng hóa qua cảng và số lượt máy bay hạ cất cánh tại các cảng hàng không do Tổng công ty quản lý và khai thác.

Do có vai trò quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế xã hội, các hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không tại Tổng công ty đặt ra yêu cầu tuân thủ về mức giá<sup>1</sup> và khung giá<sup>2</sup> dịch vụ quy định bởi Bộ Tài chính, trong đó, văn bản có hiệu lực tại thời điểm công bố thông tin là Quyết định 1992/QĐ-BTC ngày 15/08/2014.

Đóng góp một phần không nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Tổng công ty là nguồn doanh thu từ dịch vụ phi hàng không (chiếm lần lượt 12,14%, 11,01% và 11,55% trong tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong các năm 2012, 2013 và 2014). Nguồn doanh thu từ dịch vụ phi hàng không được hình thành chủ yếu từ hoạt động khai thác không gian và diện tích mặt bằng trong nhà ga dưới sự quản lý của ACV, bao gồm các dịch vụ như cho thuê mặt bằng, cho thuê văn phòng, cho thuê mặt bằng quảng cáo, phí bến bãi giữ xe và các dịch vụ khác. Hoạt động thương mại phi hàng không không chịu sự quản lý về mức giá của Bộ Tài chính. Triển vọng tăng trưởng của nguồn doanh thu này sẽ bắt nguồn từ

<sup>1</sup> Mức giá: Là giá cố định cho từng loại dịch vụ theo Quyết định 1992/QĐ-BTC ban hành ngày 15/08/2014

<sup>2</sup> Khung giá: Là giá tối đa và tối thiểu cho từng loại dịch vụ theo Quyết định 1992/QĐ-BTC ban hành ngày 15/08/2014

tốc độ tăng trưởng lưu lượng khách qua cảng, diện tích sử dụng cho hoạt động thương mại trong cảng hàng không và cơ cấu hoạt động thương mại nội cảng.

Bên cạnh hai nguồn doanh thu chính trên, Tổng công ty có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh hàng hóa trực tiếp tại một số cảng hàng không (Nội Bài, Đà Nẵng, Phú Quốc...), chiếm lần lượt 6,53%, 8,44% và 8,32% tỷ trọng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty trong năm 2012, 2013 và 2014. Nguồn doanh thu này chủ yếu xuất phát từ hoạt động bán hàng miễn thuế, đồ lưu niệm, dịch vụ ăn uống và kinh doanh các sản phẩm tiện ích khác trong cảng hàng không.

### 2.1.2 Sản lượng vận chuyển

Sản lượng vận chuyển và tốc độ tăng trưởng hành khách, hàng hóa – bưu kiện và hạ cất cánh trong 03 năm 2012 – 2014 được tổng hợp trong bảng sau:

<b>Sản lượng vận chuyển</b>	<b>2012</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Hành khách (triệu khách) .....	37,62	44,16	50,82
Quốc tế (triệu khách).....	13,51	15,30	16,14
Trong nước (triệu khách).....	24,11	28,86	34,68
Hàng hóa & bưu kiện (nghìn tấn) .....	654,31	760,64	869,65
Quốc tế (nghìn tấn) .....	402,77	489,14	548,47
Trong nước (nghìn tấn) .....	251,54	271,50	321,18
Hạ cất cánh thương mại (lượt) .....	307.248	328.323	371.256
Quốc tế (lượt) .....	99.312	110.311	119.829
Trong nước (lượt) .....	207.936	218.012	251.427
<b>Tốc độ tăng trưởng</b>		<b>2013</b>	<b>2014</b>
Hành khách .....		17,38%	15,08%
Quốc tế .....		13,25%	5,49%
Trong nước .....		19,70%	20,17%
Hàng hóa & bưu kiện .....		16,25%	14,33%
Quốc tế .....		21,44%	12,13%
Trong nước .....		7,94%	18,30%
Hạ cất cánh .....		6,86%	13,08%
Quốc tế .....		11,08%	8,63%
Trong nước .....		4,85%	15,33%

Trong cơ cấu hành khách vận chuyển, phần lớn lượng khách qua cảng trong giai đoạn 2012 – 2014 là hành khách trong nước. Cụ thể, lượng khách quốc nội chiếm lần lượt 64,09%, 65,35% và 68,24% trong cơ cấu hành khách qua cảng các năm 2012, 2013 và 2014, trong khi đó lượng khách quốc tế chiếm lần lượt 35,91%, 34,65% và 31,76% cơ cấu hành khách cùng kỳ. Tuy nhiên, khách quốc tế và chuyến bay quốc tế vẫn đóng góp phần lớn tỷ trọng doanh thu do mức phí dịch vụ luôn ở mức cao hơn nhiều lần so với khách quốc nội và chuyến bay quốc nội.

Phân khúc khách quốc nội trong thời kỳ 2012 – 2014 đã có sự tăng trưởng xấp xỉ 20%. Đây là kết quả của sự phát triển đồng đều của ngành Hàng không trên cả hai phương diện thị trường vận tải hàng không dân dụng và cơ sở hạ tầng hàng không. Trong năm 2012, thị trường vận tải hàng không dân dụng đã chứng kiến sự tham gia của hãng hàng không giá rẻ VietJet Air, đáp ứng thêm nhu cầu đi lại tiềm năng của một bộ phận khách hàng trung lưu và thu nhập thấp, cũng như thay đổi thói quen sử dụng dịch vụ vận tải hàng không của người dân. Đồng thời, nhiều công trình đầu tư nhằm cải tạo và hoàn thiện năng lực cung cấp dịch vụ cảng hàng không trong thời kỳ trên cũng đã đi vào hoạt động ổn định, điển hình là các dự án đầu tư tại Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc và các Cảng hàng không Tuy Hòa, Thọ Xuân. Riêng trong năm 2014, sản lượng vận tải hành khách nội địa tăng 20,17% so với năm 2013, cụ thể là do các hãng hàng không trong nước (Vietnam Airlines, Vietjet, Jetstar Pacific) đã tăng tần suất khai thác hoặc mở mới các đường bay mới như các tuyến SGN – HUI (Jetstar), SGN – THD (VietJet), SGN – UIH (VietJet), DAD – VCA (VietJet).

Tốc độ tăng trưởng lượng hành khách quốc tế trong năm 2014 đạt 5,49% so với 13,25% năm 2013 do chịu ảnh hưởng lớn của tình hình căng thẳng biển Đông giữa Việt Nam – Trung Quốc và tình hình suy thoái kinh tế Nga.

Bảng tổng hợp sản lượng vận chuyển cho thấy hoạt động vận tải hàng hóa có tốc độ tăng trưởng và cơ cấu tương tự so với tốc độ tăng trưởng và cơ cấu lượt khách.

### 2.1.3 Dịch vụ hàng không

Doanh thu từ hoạt động hàng không của Tổng công ty chủ yếu bắt nguồn từ (i) Dịch vụ phục vụ hành khách, (ii) Dịch vụ hạ cất cánh, (iii) Dịch vụ phục vụ mặt đất và (iv) Dịch vụ soi chiếu an ninh tại các cảng hàng không của ACV. Bốn dịch vụ trên chiếm tổng cộng 85,85% cơ cấu doanh thu dịch vụ hàng không của ACV trong năm 2014. Doanh thu và cơ cấu đóng góp theo các dịch vụ hàng không trọng yếu trong hoạt động cung cấp Dịch vụ hàng không cho các năm tài chính 2012, 2013 và 2014 được tổng hợp trong bảng sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm					
	2012		2013		2014	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
<b>Doanh thu dịch vụ hàng không</b>	(tỷ đồng)					
Tổng doanh thu dịch vụ hàng không . . .	5.045,44	100,00%	6.062,22	100,00%	6.409,23	100,00%
Doanh thu phục vụ hành khách . . . . .	2.553,33	50,61%	3.343,96	55,16%	3.733,32	58,25%
Doanh thu hạ cất cánh . . . . .	917,60	18,19%	1.023,68	16,89%	1.038,70	16,21%
Doanh thu phục vụ mặt đất . . . . .	678,90	13,46%	764,76	12,62%	471,52	7,36%
<i>Doanh thu phục vụ mặt đất nhóm A.</i>	598,17	11,86%	714,69	11,79%	414,66	6,47%
<i>Doanh thu phục vụ mặt đất nhóm B.</i>	80,73	1,60%	50,07	0,83%	56,86	0,89%
Doanh thu soi chiếu ANHK . . . . .	163,79	3,25%	191,14	3,15%	258,93	4,04%
Doanh thu dịch vụ hàng không khác . . .	731,82	14,50%	738,68	12,18%	906,76	14,15%

<b>Tốc độ tăng trưởng doanh thu</b>	<b>2013</b>	<b>2014</b>
Tổng doanh thu dịch vụ hàng không	20,15%	5,72%
Doanh thu phục vụ hành khách .....	30,96%	11,64%
Doanh thu hạ cất cánh .....	11,56%	1,47%
Doanh thu phục vụ mặt đất .....	12,65%	-38,34%
<i>Doanh thu phục vụ mặt đất nhóm A</i> .....	19,48%	-41,98%
<i>Doanh thu phục vụ mặt đất nhóm B</i> .....	-37,98%	13,56%
Doanh thu soi chiếu ANHK .....	16,70%	35,47%
Doanh thu dịch vụ hàng không khác .....	0,94%	22,75%

Tốc độ tăng trưởng doanh thu của dịch vụ Hạ cất cánh đạt 1,47% so với cùng kỳ do ACV đã thực hiện triển khai chính sách giảm mức giá dịch vụ cho một số hãng hàng không nhằm kích cầu và duy trì các đường bay đang khai thác trong bối cảnh cạnh tranh tại biển Đông và các yếu tố khách quan trong thời gian qua.

Doanh thu phục vụ mặt đất giảm 38,34% trong năm 2014 do ACV đã tiến hành chuyển mô hình hoạt động của Chi nhánh Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SAGS) từ chi nhánh sang Công ty TNHH Một thành viên do ACV sở hữu. Theo đó doanh thu phục vụ mặt đất của SAGS không nằm trong cơ cấu doanh thu của ACV kể từ năm 2014.

#### **a. Doanh thu Phục vụ hành khách**

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam thu phí phục vụ hành khách trên mỗi đầu khách đi qua cảng, trong đó loại trừ hoặc giảm phí với một số hành khách đặc biệt như khách ngoại giao, trẻ em, khách trên các chuyến bay phải hạ cánh vì lý do kỹ thuật... Nguồn doanh thu này ACV không trực tiếp thu từ hành khách mà thu gián tiếp trên giá vé máy bay của hãng hàng không. Tổng phí phải thu được tính toán trên cơ sở lượng khách thực tế qua cảng hàng tháng.

Trong năm 2013 và 2014, doanh thu phục vụ hành khách lần lượt chiếm 55,16% và 58,25% doanh thu dịch vụ hàng không, tương ứng với 44,43% và 46,67% trên tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Doanh thu phục vụ hành khách trong năm 2014 đạt mức 3.733,32 tỷ đồng, tăng 11,64% so với năm 2013.

Mức giá dịch vụ phục vụ hành khách trong những năm qua có sự thay đổi về cơ chế thu phí theo quy định về mức giá, khung giá của Bộ Tài chính, trên cơ sở phương án giá do ACV xây dựng và đề xuất. Tóm lược các thay đổi đơn giá phí phục vụ hành khách tại một số cảng hàng không trong hai lần điều chỉnh gần đây nhất (năm 2012 và 2014) như sau:

	Quyết định 3031/QĐ-BTC ngày 27/11/2012	Quyết định 1992/QĐ-BTC ngày 15/08/2014	
	Mức phí	Tối thiểu	Tối đa
<b>Chuyến bay quốc tế (USD/khách)</b>			
Tân Sơn nhất .....	20	10	20
Phú Quốc .....	18	9	18
Đà Nẵng, Cần Thơ .....	16	8	16
Nội Bài .....			
Nhà ga T1 .....	16	8	16
Nhà ga T2 .....		13	25
Liên Khương, Cam Ranh .....	14	7	14
Cảng hàng không khác .....	8	4	8
<b>Chuyến bay nội địa (VND/khách)</b>			
Cảng hàng không nhóm A .....	54.545	31.818	63.636
Cảng hàng không nhóm B .....	45.455	27.272	54.545

**b. Doanh thu Hạ cất cánh**

Đây là hoạt động kinh doanh trong đó ACV cung cấp cơ sở vật chất như đường băng, đường lăn, hệ thống chiếu sáng và các hệ thống hỗ trợ khác như nhà khí tượng, hệ thống hạ cất cánh chính xác (ILS)... nhằm đảm bảo cho hoạt động hạ cất cánh an toàn của các hãng hàng không, đồng thời thu phí trên mỗi lần hạ cất cánh. Doanh thu hạ cất cánh được tính toán trên cơ sở trọng lượng máy bay (Trọng tải cất cánh tối đa – Maximum Take Off Weight), và mục đích khai thác của chuyến bay (quốc tế – nội địa).

Trong năm 2013 và 2014, doanh thu dịch vụ hạ cất cánh lần lượt chiếm 16,89% và 16,21% doanh thu dịch vụ hàng không, tương ứng với 13,60% và 12,99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng công ty. Doanh thu hạ cất cánh trong năm 2014 đạt 1.038,70 tỷ đồng, tăng 1,47% so với năm 2013.

Trong các năm gần đây, đơn giá của dịch vụ hạ cất cánh quốc tế đã có sự thay đổi, tăng xấp xỉ 5% tùy theo trọng tải chuyến bay. Chi tiết mức phí dịch vụ hạ cất cánh tại các Cảng Hàng không nhóm A trong hai lần điều chỉnh gần đây nhất được tổng hợp trong bảng sau:



Chuyến bay quốc tế	Quyết định số 426/QĐ-BTC ngày 25/02/2010		Quyết định 1992/QĐ-BTC ngày 15/08/2014	
	Mức giá ban đầu (USD/lần)	Giá 1 tấn trên mức ban đầu (USD/Tấn)	Mức giá ban đầu (USD/lần)	Giá 1 tấn trên mức ban đầu (USD/Tấn)
Dưới 20 tấn . . . . .	80		84	
Từ 20 – dưới 50 tấn . . . . .	80	3,5	84	3,7
Từ 50 – dưới 150 tấn . . . . .	185	5,0	195	5,3
Từ 150 – dưới 250 tấn . . . . .	685	5,5	725	5,7
Từ 250 tấn trở lên . . . . .	1.235	6,0	1.295	6,3

Chuyến bay nội địa	Quyết định 2604/QĐ-BTC ngày 31/10/2011		Quyết định 1992/QĐ-BTC ngày 15/08/2014	
	Mức giá ban đầu (VND/lần)	Giá 1 tấn trên mức ban đầu (VND/Tấn)	Mức giá ban đầu (VND/lần)	Giá 1 tấn trên mức ban đầu (VND/Tấn)
Dưới 20 tấn . . . . .	665.000		665.000	
Từ 20 – dưới 50 tấn . . . . .	665.000	28.000	665.000	28.000
Từ 50 – dưới 150 tấn . . . . .	1.520.000	41.000	1.520.000	41.000
Từ 150 – dưới 250 tấn . . . . .	5.620.000	45.000	5.620.000	45.000
Từ 250 tấn trở lên . . . . .	10.170.000	51.000	10.170.000	51.000

**c. Doanh thu Phục vụ mặt đất (Kỹ thuật thương mại mặt đất – Ground handling)**

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam thực hiện cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất theo danh mục các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn của Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế (IATA) chủ yếu thông qua Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn (SAGS) và Công ty Phục vụ mặt đất Hà Nội (HGS)<sup>3</sup>. Tổng doanh thu phục vụ mặt đất tại các cảng hàng không nhóm A và nhóm B chiếm lần lượt 12,62% và 7,36% doanh thu từ dịch vụ hàng không của ACV trong các năm 2013 và 2014, đồng thời chiếm 10,16% và 5,89% doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cùng kỳ.

Trong năm tài chính 2014, doanh thu phục vụ mặt đất của Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn (SAGS) không còn được duy trì trên báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty. Điều này là do từ thời điểm 06/01/2014 ACV đã tiến hành chuyển mô hình hoạt động của SAGS từ chi nhánh sang công ty TNHH một thành viên trong đó ACV sở hữu 100% vốn điều lệ. Doanh thu phục vụ mặt đất của SAGS trong năm 2014 (đạt 472,86 tỷ đồng) sẽ được phản ánh cùng với doanh thu phục vụ mặt đất của ACV (đạt 471,52 tỷ đồng) trên báo cáo tài chính hợp nhất của ACV.

Dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (ground handling) được thực hiện theo hợp đồng chuẩn của IATA, chủ yếu bao gồm những nội dung sau:

- Dịch vụ phục vụ kỹ thuật sân đỗ máy bay, bao gồm các hoạt động: bốc dỡ, chất xếp và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện từ máy bay đến nhà ga hành khách/hàng hóa và ngược

<sup>3</sup> Từ 02/04/2015 HGS đã chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần do ACV sở hữu 20% vốn điều lệ.

lại bằng trang thiết bị chuyên dùng; điều phối chuyến bay; cân bằng trọng tải chuyến bay; hướng dẫn chất xếp chuyến bay; dịch vụ chuyên chờ hành khách, tổ bay từ máy bay đến nhà ga;

- Dịch vụ phục vụ hành khách, bao gồm dịch vụ thủ tục hàng không cho khách đi, đến và chuyển tiếp; dịch vụ thu tiền hành lý quá cước và bán vé giờ chót tại sân bay; dịch vụ kiểm soát, hướng dẫn hành khách tại cửa khởi hành; dịch vụ hỗ trợ cho các hành khách cần sự giúp đỡ đặc biệt, hành khách VIP/CIP;
- Dịch vụ phục vụ hành lý, bao gồm dịch vụ hành lý đi, đến và chuyển tiếp; dịch vụ hành lý thất lạc;
- Dịch vụ cung cấp xe cấp điện, cấp khí...

Theo Quyết định 1992/QĐ-BTC, cơ chế thu phí phục vụ mặt đất được phân tách theo cấp cảng nhóm A và nhóm B. Tại các cảng nhóm A, các hãng hàng không tự lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ mặt đất, trong đó bao gồm các đơn vị phục vụ mặt đất trực thuộc ACV như SAGS tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất và HGS tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài. Doanh thu phục vụ mặt đất tại các cảng hàng không nhóm A không nằm trong quy định về khung giá và mức giá của Bộ Tài chính. Đơn giá phục vụ mặt đất tại các cảng hàng không nhóm A được đưa ra dựa trên năng lực cạnh tranh thương mại của các đơn vị cung cấp dịch vụ.

Tại các cảng nhóm B, doanh thu phục vụ mặt đất được thu trọn gói theo quy định của Bộ Tài chính tại Quyết định 1992/QĐ-BTC. Trong 3 năm qua mức phí này có sự thay đổi, trong đó mức phí tối đa tăng 20%. Thông tin cụ thể về diễn biến mức phí phục vụ mặt đất tại các cảng hàng không nhóm B được tổng hợp trong bảng sau:

<b>Trọng tải cất cánh tối đa (MTOW)</b>	<b>Quyết định số 426/QĐ-BTC ngày 25/02/2010</b>		<b>Quyết định 1992/QĐ-BTC ngày 15/08/2014</b>	
	<b>Tối thiểu (VND)</b>	<b>Tối đa (VND)</b>	<b>Tối thiểu (VND)</b>	<b>Tối đa (VND)</b>
Dưới 20 tấn .....	1.400.000	2.000.000	1.400.000	2.400.000
Từ 20 đến dưới 50 tấn .....	2.100.000	3.000.000	2.100.000	3.600.000
Từ 50 đến dưới 100 tấn .....	2.800.000	4.000.000	2.800.000	4.800.000
Từ 100 tấn trở lên .....	3.500.000	5.000.000	3.500.000	6.000.000

Mức phí trọn gói trên đã bao gồm các dịch vụ:

- Giá phục vụ hạ cất cánh; giá dẫn tàu bay (nếu có);
- Phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất trên cơ sở đảm bảo nhu cầu tối thiểu của chuyến bay và năng lực thực tế của từng cảng hàng không;
- Dịch vụ sử dụng phương tiện nhà ga có liên quan trực tiếp tới việc phục vụ các chuyến bay và tiền thuê văn phòng đại diện hãng vận chuyển (không bao gồm sân đỗ ô tô);
- Đảm bảo an ninh chung, soi chiếu kiểm tra an ninh hành lý, hành khách cho chuyến bay;

- Sân đậu máy bay trong thời gian đầu tiên đậu lại không thu tiền.

**d. Doanh thu Soi chiếu an ninh hàng không**

ACV cung cấp dịch vụ soi chiếu hành khách, hành lý, hàng hóa qua việc sử dụng các thiết bị chuyên dụng (máy chiếu tia X, máy phát hiện kim loại và các trang thiết bị an ninh khác), đồng thời thu phí soi chiếu an ninh hàng không trên mỗi đầu khách (ngoại trừ trẻ em từ 2 đến 12 tuổi được miễn giảm 50% mức phí) hoặc mỗi tấn hàng hóa vận chuyển từ ngày 1/10/2014. Trước thời điểm 1/10/2014, phí dịch vụ soi chiếu an ninh hàng không được xác định theo loại máy bay và hành trình. Phí dịch vụ Soi chiếu an ninh hàng không được các hãng hàng không thu hộ trên giá vé máy bay kể từ ngày 01/10/2014.

Trong năm 2013 và 2014, doanh thu soi chiếu an ninh hàng không lần lượt chiếm 3,15% và 4,04% doanh thu dịch vụ hàng không, đồng thời chiếm 2,54% và 3,24% trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Doanh thu soi chiếu an ninh hàng không trong năm 2014 đạt mức 258,93 tỷ đồng, tăng 35,47% so với năm 2013. Nguyên nhân của sự tăng trưởng đột biến này là do cơ chế thu phí dịch vụ trong năm 2014 đã có sự thay đổi, chuyển đổi từ việc tính phí theo loại tàu bay sang thu phí trên đầu khách đi, phù hợp với cơ chế thu phí dịch vụ soi chiếu trên thế giới.

Đơn giá soi chiếu an ninh hàng không tại hai thời điểm điều chỉnh gần nhất được tổng kết trong bảng sau:

	<b>Quyết định số 426/QĐ-BTC ngày 25/02/2010, áp dụng từ 1/4/2010 (doanh thu tính theo chuyến)</b>		<b>Quyết định 1992/QĐ – BTC ngày 15/08/2014, áp dụng từ 1/10/2014 (doanh thu tính trên đầu khách)</b>	
<b>Hành khách</b>				
Quốc tế (USD) . . . . .	Tàu bay ≤ 100 ghế	30	1,5 USD	
	Tàu bay từ 101 – 200 ghế	50		
	Tàu bay từ 201 – 300 ghế	90		
	Tàu bay từ 301 – 400 ghế	110		
	Trên 400 ghế	170		
Quốc nội (VND) . . . . .	Tàu bay ≤ 100 ghế	240.000	9.090 VND	
	Tàu bay từ 101 – 200 ghế	400.000		
	Tàu bay từ 201 – 300 ghế	720.000		
	Tàu bay từ 301 – 400 ghế	880.000		
	Trên 400 ghế	1.360.000		
	<b>Cảng nhóm A</b>	<b>Cảng nhóm B</b>	<b>Cảng nhóm A</b>	<b>Cảng nhóm B</b>
<b>Hàng hóa</b>				
Quốc tế (USD/tấn) . . .	17,0	10,2	17,0	10,2
Quốc nội (VND/tấn) . .	140.000	84.000	140.000	84.000

Hoạt động soi chiếu, đảm bảo an ninh hàng không của Tổng công ty là hoạt động đặc thù, cần đạt yêu cầu tuân thủ của các cơ quan chủ quản trong nước (Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng không Việt Nam) cũng như quốc tế (Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO), đồng thời cần có sự phối hợp toàn diện,

chặt chẽ với các cơ quan an ninh. Tổng công ty đã chủ động tăng cường hoạt động quản lý an ninh, an toàn trong các cảng hàng không trong những năm qua bằng các biện pháp:

- Thường xuyên cập nhật, bổ sung chương trình an ninh, kế hoạch khẩn nguy cũng như quy định về nhiệm vụ và trách nhiệm của lực lượng an ninh và bộ phận kiểm soát hoạt động an ninh, đặc biệt tại các cảng hàng không có lưu lượng khách lớn, các cảng hàng không quốc tế;
- Ngày càng hoàn thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ soi chiếu bằng việc sử dụng các máy soi, máy chiếu và máy phát hiện kim loại có độ nhạy cao;
- Cải tiến quy trình và phương pháp sử dụng nhân sự tại bộ phận soi chiếu;
- Phân tách dòng khách đi và khách đến trong các cảng hàng không;
- Tăng cường phối hợp với các cơ quan an ninh địa phương, quốc gia và quốc tế.

#### e. Doanh thu dịch vụ hàng không khác

Doanh thu dịch vụ hàng không khác bao gồm các dịch vụ cho thuê sân đậu, dẫn tàu bay, cho thuê quầy thủ tục, cho thuê thang ống, canh gác tàu bay, kéo đẩy máy bay... chiếm tỷ lệ khoảng 14% trong tổng doanh thu dịch vụ hàng không của ACV.

#### 2.1.4 Dịch vụ phi hàng không

Doanh thu từ hoạt động phi hàng không của Tổng công ty chủ yếu bắt nguồn từ hoạt động khai thác mặt bằng và không gian thương mại trong các cảng hàng không do ACV quản lý. Doanh thu và cơ cấu đóng góp của một số nguồn doanh thu trọng yếu trong hoạt động cung cấp Dịch vụ phi hàng không trong các năm tài chính 2012, 2013 và 2014 được tổng hợp trong bảng sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm					
	2012		2013		2014	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
<b>Giá trị (tỷ đồng)</b>						
Tổng doanh thu dịch vụ phi hàng không ..	752,74	100,00%	828,36	100,00%	924,23	100,00%
Doanh thu cho thuê mặt bằng .....	282,23	37,49%	285,40	34,45%	316,54	34,25%
Doanh thu phí bến bãi, giữ xe .....	151,08	20,07%	197,62	23,86%	235,96	25,53%
Doanh thu dịch vụ quảng cáo .....	78,92	10,48%	93,04	11,23%	87,37	9,45%
Doanh thu cho thuê văn phòng .....	62,01	8,24%	64,81	7,82%	76,85	8,32%
Doanh thu phục vụ khách VIP, F, C .....	35,43	4,71%	47,55	5,74%	56,55	6,12%
Doanh thu dịch vụ phi hàng không khác ..	143,07	19,01%	139,94	16,89%	150,96	16,33%
<b>Tốc độ tăng trưởng hàng năm (%)</b>			<b>2013</b>		<b>2014</b>	
Tổng doanh thu dịch vụ phi hàng không ..			10,05%		11,57%	
Doanh thu cho thuê mặt bằng .....			1,12%		10,91%	
Doanh thu phí bến bãi, giữ xe .....			30,80%		19,40%	
Doanh thu dịch vụ quảng cáo .....			17,90%		-6,09%	
Doanh thu cho thuê văn phòng .....			4,52%		18,58%	



Doanh thu phục vụ khách VIP, F, C . . . . .	34,22%	18,94%
Doanh thu dịch vụ phi hàng không khác . .	-2,19%	7,87%

Doanh thu phi hàng không trong những năm qua chiếm tỷ trọng nhỏ so với doanh thu từ dịch vụ hàng không trong cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của ACV. Tuy nhiên, tỷ lệ này đã có xu hướng tăng nhẹ trong những năm gần đây, từ 11,01% trong năm 2013 lên 11,55% trong năm 2014. Chiến lược đẩy mạnh mảng hoạt động kinh doanh thương mại nội cảng, tăng tỷ lệ doanh thu trên diện tích khai thác luôn được ACV quan tâm và đã trở thành một cấu phần thiết yếu trong khâu thiết kế, xây dựng và mở rộng nhà ga. Đây cũng là chiến lược phát triển phù hợp với mô hình kinh doanh của các đơn vị cung cấp dịch vụ cảng hàng không trên thế giới.

Các yếu tố thúc đẩy tốc độ tăng trưởng nguồn doanh thu từ dịch vụ phi hàng không trong những năm qua chủ yếu là lưu lượng khách qua cảng, thời gian và khả năng tiếp cận dịch vụ của khách qua cảng, thiết kế nhà ga, mục đích sử dụng khu vực thương mại của các đối tác cung cấp dịch vụ trong cảng và mức phí tương ứng của ACV thu được từ các dịch vụ này. Tóm lược hoạt động của một số dịch vụ phi hàng không của ACV như sau:

*Cho thuê mặt bằng* – Là nguồn doanh thu từ việc cho thuê sử dụng diện tích mặt bằng trong nhà ga cho các đơn vị kinh doanh những hoạt động thương mại phụ trợ như dịch vụ ăn uống, kinh doanh hàng hóa cao cấp và đồ lưu niệm. Trong những năm qua, Tổng công ty đã hoàn thành kế hoạch xây mới, trùng tu, mở rộng mặt bằng một số nhà ga trọng điểm, đi kèm với đó là quá trình thiết kế lại khu vực thương mại trong nhà ga nhằm tăng năng lực khai thác thương mại. Đến thời điểm hiện tại, các đơn vị thuê diện tích trong các cảng hàng không trọng điểm đã kinh doanh nhiều thương hiệu có uy tín tầm cỡ quốc tế như Hermes, Mont Blanc, Swatch, Christian Dior, Lancome, L’Oreal, Swarovski và Lacoste,...

*Phí bến bãi giữ xe* – Là nguồn thu từ bến bãi đậu xe sử dụng bởi các hãng taxi, các đơn vị vận chuyển hành khách trong sân bay và các tổ chức khác, cũng như phí giữ xe hai bánh.

*Dịch vụ quảng cáo* – Là nguồn thu từ hoạt động cho thuê không gian trong sân bay cho mục đích quảng bá thương hiệu. Bộ phận phụ trách kinh doanh tại các cảng hàng không đã phát triển thêm các vị trí, không gian quảng cáo chiến lược, dễ tiếp cận hơn trong sân bay dưới các hình thức bảng billboard và bảng điện tử, đồng thời đẩy mạnh tiếp thị dịch vụ này đến các đơn vị có nhu cầu.

*Dịch vụ cho thuê văn phòng* – Là nguồn thu từ việc cho các hãng hàng không và các đơn vị cung cấp dịch vụ thuê văn phòng tại cảng, thực hiện các hoạt động điều phối, điều hành hoạt động kinh doanh của các đơn vị này tại cảng.

### **2.1.5 Doanh thu bán hàng**

Một phần nhỏ trong cơ cấu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của ACV (8,44% năm 2013, 8,32% năm 2014) bắt nguồn từ hoạt động kinh doanh trực tiếp hàng hóa tại một số cảng như Nội Bài, Đà Nẵng, Phú Quốc. Nguồn doanh thu bán hàng được cấu thành từ hai mảng dịch vụ chính là kinh doanh hàng bách hóa, đồ lưu niệm, đồ ăn và kinh doanh hàng miễn thuế, với quy mô và cơ cấu doanh thu cụ thể như sau:

11/01/2015 09:22:11

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm**

	2012		2013		2014	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
<b>Giá trị (tỷ đồng)</b>						
Doanh thu bán hàng bách hóa, lưu niệm, ăn uống .....	163,48	40,38%	142,21	22,38%	161,17	24,23%
Doanh thu đại lý bán hàng .....	0,68	0,17%	-	-	-	-
Doanh thu bán hàng miễn thuế .....	213,22	52,67%	462,63	72,81%	470,05	70,65%
Doanh thu bán điện .....	23,78	5,87%	25,87	4,07%	26,80	4,03%
Doanh thu bán nước .....	3,67	0,91%	4,68	0,74%	7,28	1,09%
<b>Tổng doanh thu bán hàng .....</b>	<b>404,83</b>	<b>100,00%</b>	<b>635,40</b>	<b>100,00%</b>	<b>665,29</b>	<b>100,00%</b>
<b>Tốc độ tăng trưởng hàng năm (%)</b>						
			<b>2013</b>		<b>2014</b>	
Doanh thu bán hàng bách hóa, lưu niệm, ăn uống .....			-13,01%		13,33%	
Doanh thu bán hàng miễn thuế .....			116,97%		1,60%	
Doanh thu bán điện .....			8,80%		3,57%	
Doanh thu bán nước .....			27,54%		55,43%	
<b>Tổng doanh thu bán hàng .....</b>			<b>56,95%</b>		<b>4,70%</b>	

Nhằm tăng tỷ lệ lấp đầy diện tích sử dụng tại các nhà ga mới xây dựng, đẩy mạnh tính tiện ích của hoạt động thương mại trong nhà ga, ACV đã chủ động triển khai các hình thức hợp tác kinh doanh mới. Trong mô hình này, ACV là đơn vị cung cấp nguồn nhân lực và khu vực khai thác trong cảng hàng không, đồng thời hưởng tỷ lệ hoa hồng trên doanh thu, đơn vị kinh doanh cung cấp hàng hóa và thiết kế mặt bằng kinh doanh. Mô hình này đang được triển khai tại các CHKQT Nội Bài, Đà Nẵng và Phú Quốc.

**a. Kinh doanh bán hàng bách hóa**

Cửa hàng lưu niệm, hàng bách hóa trong nhà ga tại các cảng hàng không do ACV quản lý hiện kinh doanh các sản phẩm thích hợp làm quà tặng, quà lưu niệm hướng tới đối tượng hành khách xuất cảnh, qua cảnh. Hàng hóa tại các cửa hàng lưu niệm của ACV hầu hết là các loại hàng tiêu dùng được cung cấp từ các nhà sản xuất có thương hiệu tại Việt Nam và thế giới. Danh mục hàng hóa kinh doanh của ACV tại các cảng hàng không bao gồm:

- Các sản phẩm thủ công và mỹ nghệ của Việt Nam, được chế tác từ các kim loại quý (vàng, bạc...) hoặc các nguyên liệu tự nhiên (gỗ, đá quý, mây tre, sành sứ...), bằng các phương pháp chế tạo như điêu khắc, chạm, khảm, đan, thêu, ren;
- Các sản phẩm dệt may theo phong cách truyền thống của Việt Nam;
- Các loại mỹ phẩm, nước hoa cao cấp sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu với các thương hiệu nổi tiếng;
- Các loại đồng hồ, kính mắt, hàng da và giả da cao cấp;
- Hàng bách hóa, đồ uống, bánh kẹo, thực phẩm cao cấp sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu.

## b. Kinh doanh hàng miễn thuế

ACV tổ chức bán hàng tại các quầy hàng miễn thuế (Duty-free shop) tại một số Cảng hàng không Quốc tế như Nội Bài, Đà Nẵng, phục vụ hành khách nhập/xuất cảnh và quá cảnh. Tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, việc tổ chức bán hàng miễn thuế do các công ty con của ACV thực hiện.

Cũng như hầu hết các cửa hàng/khu vực bán hàng miễn thuế có uy tín trên thế giới, các cửa hàng miễn thuế của ACV kinh doanh các loại hàng tiêu dùng được cung cấp từ các nhà sản xuất có thương hiệu nổi tiếng cho mục đích tiêu dùng cá nhân và làm quà tặng. Danh mục hàng miễn thuế kinh doanh của ACV bao gồm:

- Các chủng loại rượu nhập khẩu như Cognac, Whisky, Vodka, Gin, Rum, rượu vang nhập khẩu từ Pháp, Ý, Scotland, Canada với các hãng sản xuất có thương hiệu như Rémy Martin, Hennessy, Martell, Camus, Chivas, Ballantines, Johnnie Walker, Smirnoff, Malibu,...
- Mỹ phẩm, nước hoa cao cấp nhập khẩu từ Pháp, Ý với các thương hiệu nổi tiếng như Dior, Armani, Lancôme, Moschino, Estee Lauder, Lacoste,...
- Hàng lưu niệm, đồng hồ, hàng da và giả da cao cấp nhập khẩu với các thương hiệu thời trang như Pierre Cardin, Lacoste, Swiss, Tommy Hilfiger, Adidas, Dunhill,...
- Hàng bách hóa, bánh kẹo và thực phẩm cao cấp nhập khẩu.

Các loại hàng hóa miễn thuế đều được kiểm soát và giám sát chặt chẽ về chất lượng và nguồn gốc xuất xứ, phù hợp với các quy định Pháp luật Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế. Hành khách xuất cảnh, quá cảnh Việt Nam có thể thanh toán hàng miễn thuế bằng ngoại tệ (USD, Euro... ) và tiền Việt Nam.

### 2.1.6 Doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính của Tổng công ty chủ yếu là nguồn thu từ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện. Bên cạnh hai nguồn doanh thu trên, doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Cơ cấu nguồn doanh thu tài chính của ACV trong các năm tài chính 2012, 2013 và 2014 được tổng hợp trong bảng sau:

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm					
	2012		2013		2014	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
<b>Giá trị (tỷ đồng)</b>						
Lãi tiền gửi, tiền cho vay .....	947,13	56,28%	885,45	33,05%	855,05	34,09%
Cổ tức, lợi nhuận được chia .....	37,43	2,22%	36,04	1,35%	121,45	4,84%
Doanh thu chênh lệch tỷ giá đã thực hiện ...	39,93	2,37%	92,33	3,45%	47,51	1,89%
Doanh thu chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	658,25	39,12%	1.665,45	62,16%	1.482,60	59,10%
Doanh thu tài chính khác .....	-	-	-	-	1,85	0,07%
Tổng doanh thu tài chính .....	1.682,74	100,00%	2.679,26	100,00%	2.508,46	100,00%

Tốc độ tăng trưởng hàng năm (%)	2013	2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay .....	-6,51%	-3,43%
Cổ tức, lợi nhuận được chia .....	-3,71%	236,99%
Doanh thu chênh lệch tỷ giá đã thực hiện .	131,24%	-48,54%
Doanh thu chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	153,01%	-10,98%
Tổng doanh thu tài chính .....	59,22%	-6,37%

Về doanh thu lãi tiền gửi, Tổng công ty thực hiện tối đa hóa doanh thu bằng việc đầu tư ngắn hạn các khoản vốn chưa sử dụng tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

Trong giai đoạn 2012-2014, Tổng công ty có lợi nhuận chênh lệch tỷ giá phát sinh từ hợp đồng vay ODA tài trợ cho các dự án của ACV. Các hợp đồng này chủ yếu được thực hiện bằng đồng Yên Nhật. Khi xác định giá trị lợi thế kinh doanh của Tổng công ty để cổ phần hóa, nhằm phản ánh đúng kết quả từ hoạt động kinh doanh lõi, ACV đã loại trừ các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện để phù hợp với thực tế hoạt động.

## 2.2. Chi phí sản xuất kinh doanh

### 2.2.1 Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh

Trong giai đoạn 2012 – 2014, tổng chi phí của ACV bằng xấp xỉ 70% tổng doanh thu của cùng giai đoạn và ổn định ở mức trên 7.000 tỷ đồng mỗi năm. Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam được hình thành trên cơ sở hợp nhất 03 Tổng công ty cảng hàng không miền Bắc, Trung, Nam và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 22/03/2012. Vì vậy, tổng chi phí năm 2012 của ACV chỉ bao gồm các chi phí phát sinh trong giai đoạn từ 22/03/2012 đến 31/12/2012, tổng cộng 5.948 tỷ đồng.

Giá trị và cơ cấu nguồn chi phí của ACV trong các năm tài chính 2012, 2013 và 2014 được tổng hợp trong bảng sau:

Giá trị (tỷ đồng)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm					
	2012		2013		2014	
	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu	Giá trị	Cơ cấu
Chi phí nhân công .....	1.478	24,85%	1.704	23,88%	1.918	25,94%
Khấu hao TSCĐ .....	1.870	31,44%	2.037	28,54%	2.073	28,04%
Chi phí sửa chữa tài sản ...	1.352	22,72%	1.570	21,99%	1.102	14,90%
Chi phí dịch vụ .....	463	7,78%	563	7,89%	602	8,15%
Giá vốn hàng bán <sup>4</sup> .....	277	4,66%	462	6,47%	483	6,53%
Thuế, phí và lệ phí .....	24	0,41%	375	5,26%	431	5,82%
Chi phí tài chính .....	103	1,72%	90	1,26%	463	6,26%
Chi phí NVL, công cụ .....	76	1,28%	126	1,77%	104	1,41%
Các chi phí khác .....	305	5,13%	210	2,95%	218	2,95%
<b>Tổng chi phí .....</b>	<b>5.948</b>	<b>100,00%</b>	<b>7.138</b>	<b>100,00%</b>	<b>7.395</b>	<b>100,00%</b>

<sup>4</sup> Là giá vốn các mặt hàng kinh doanh trong dịch vụ bán hàng



Cơ cấu chi phí hàng năm của ACV phù hợp với đặc trưng hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hạ tầng cảng hàng không với các chi phí nhân công, khấu hao TSCĐ và chi phí sửa chữa tài sản chiếm phần lớn tỷ trọng trong tổng chi phí của ACV (từ 69% đến 79%). Cụ thể như sau:

**a. Chi phí nhân công**

Các chi phí nhân công của ACV chủ yếu là lương, các khoản chi bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và một số khoản chi phí trích theo lương theo các quy định, hướng dẫn hiện hành về luật lao động. Do lĩnh vực hoạt động chính là quản lý và cung cấp các dịch vụ tại 22 cảng hàng không trên toàn quốc, ACV có lực lượng lao động lớn và ổn định. Tương ứng với đặc thù này, chi phí nhân công hàng năm của ACV chiếm tỷ trọng từ 24-26% trong tổng chi phí và ổn định qua các năm.

**b. Chi phí khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định chủ yếu của ACV bao gồm các công trình hạ tầng nhà ga, cảng hàng không, các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các thiết bị dụng cụ quản lý phục vụ cho các hoạt động tại các cảng hàng không, sân bay. Trong đó, hầu hết các máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao nhanh gấp hai lần so với các quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Đối với các công trình nhà ga, cảng hàng không, các công trình kiến trúc kiên cố, các công trình này được ACV khấu hao với khung thời gian từ 25 – 30 năm so với khung từ 25 – 50 năm theo quy định.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định này cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc .....	05 – 30
Máy móc thiết bị .....	05 – 10
Phương tiện vận tải .....	04 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý .....	04 – 06

**c. Chi phí sửa chữa tài sản**

Do ACV là đơn vị quản lý khai thác cơ sở hạ tầng hàng không có quy mô và giá trị lớn, chi phí sửa chữa phát sinh sẽ tác động lớn đến giá thành. Để ổn định giá thành và kết quả hoạt động kinh doanh, ACV thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn theo chu kỳ.

Sau khi cổ phần hóa, các tài sản trong khu bay được Tổng Công ty dự kiến sẽ vận hành theo hình thức thuê hoạt động theo sự chấp thuận của Bộ Giao thông Vận tải là đơn vị đại diện chủ sở hữu đối với các tài sản này. Cơ chế quản lý, vận hành tài sản trong khu bay cụ thể sẽ do Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng.

**2.3. Trình độ công nghệ**

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị, thống nhất quản lý, kết nối thường xuyên, liên tục, nhanh giữa Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc, ACV luôn tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, tin học tiên tiến. Trong những năm qua, Tổng công ty đã triển khai nhiều hệ thống công nghệ phục vụ cho công tác quản trị như:

- Đầu tư hệ thống MegaWan để kết nối hệ thống của 22 Cảng hàng không với nhau và thành 01 mạng thống nhất nhằm tạo 01 hạ tầng chung, cho phép triển khai các ứng dụng CNTT cho toàn Tổng công ty;
- Phần mềm quản lý sản lượng SMIS: Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý sản lượng SMIS;
- Phần mềm văn thư điện tử: Phần mềm này đã góp phần vào quá trình cải cách thủ tục hành chính đối với công tác văn thư lưu trữ, phát hành văn bản tài liệu của Tổng công ty, đẩy nhanh quá trình chuyển giao tài liệu giữa các đơn vị và giải quyết công việc nhanh chóng hiệu quả;
- Phần mềm nhân sự, tiền lương: Phần mềm nhân sự tiền lương đã triển khai toàn Tổng công ty giúp cho Tổng công ty dễ dàng trong việc quản lý hồ sơ nhân sự trong toàn Tổng công ty, chấm công, tính lương,... nhanh chóng hiệu quả;
- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: Giúp cho công tác giao ban, hội thảo, hội nghị chuyên ngành giữa ACV và các đơn vị nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm chi phí đi lại,...
- Chương trình phần mềm quản lý Tài chính – Kế toán BRAVO: Triển khai áp dụng thống nhất tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc (chi nhánh) trong việc cập nhật và hạch toán số liệu kế toán;
- Phần mềm AMHS: Đã phối hợp với Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam (VATM) triển khai phần mềm AMHS cho toàn Tổng công ty nhằm tăng cường khả năng trao đổi thông tin điện văn giữa các Cảng hàng không;
- Phát triển, bổ sung và hoàn thiện Chương trình phần mềm quản lý Tài chính – Kế toán BRAVO (online), hệ thống quản lý doanh thu kết nối với Phần mềm quản lý sản lượng SMIS.

#### **2.4. Hoạt động quản lý chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không**

Hệ thống quản lý chất lượng của ACV là tổng hợp các quy định, tiêu chuẩn đối với các dịch vụ hàng không cũng như phi hàng không tại các cảng hàng không do ACV quản lý, vận hành nhằm đảm bảo tuân thủ một cách có hệ thống các chuẩn mực quốc tế, tiêu chuẩn của Nhà nước về an ninh, an toàn hàng không tại cảng hàng không và hệ thống các cảng hàng không của ACV. Hệ thống quản lý an ninh, an toàn hàng không của ACV được xây dựng dựa trên cơ sở các hệ thống văn bản quy định trọng yếu sau:

- Các yêu cầu của Tổ chức hàng không quốc tế (ICAO);
- Quy chế an toàn hàng không dân dụng đối với hoạt động của cảng hàng không, sân bay;
- Các yêu cầu về hệ thống quản lý an toàn của Cục Hàng không Việt Nam;
- Các nguyên tắc cơ bản của mô hình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000.

#### **2.4.1 Công tác quản lý An ninh, an toàn**

Hoạt động an ninh an toàn là hoạt động đặc thù của Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam nhằm đảm bảo cho hoạt động an toàn, thông suốt của ngành hàng không nói chung và tại cảng hàng không Việt Nam nói riêng. Hoạt động đảm bảo an ninh, an toàn hiện đang được thực hiện dưới sự kiểm tra, kiểm soát và tham mưu của Ban An ninh – An toàn tại Tổng công ty. Ban An ninh – An toàn là Ban chức năng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, được thành lập theo quyết định số 41/QĐ-HĐTV ngày 28/3/2012 của Hội đồng thành viên. Hoạt động của Ban chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp toàn diện của Tổng giám đốc.

Các chức năng chính của Ban An ninh An toàn bao gồm:

- Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong việc thực hiện các lĩnh vực công tác, đảm bảo an ninh hàng không; an toàn hàng không; công tác khẩn nguy cứu nạn; công tác phòng cháy chữa cháy và phòng chống lụt bão;
- Kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban An ninh – An toàn;
- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Tổng công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn hàng không, khẩn nguy cứu nạn, PCCC và phòng chống bão lụt của Tổng công ty;

Để thực hiện những chức năng trên, trong thời gian qua, Ban An ninh An toàn đã cập nhật, nghiên cứu, lưu trữ tất cả các tài liệu về các quy định của ICAO, IATA, Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng không Việt Nam và các quy định khác của nhà nước có liên quan đến lĩnh vực an ninh hàng không, an toàn hàng không, khẩn nguy cứu nạn, PCCC và phòng chống lụt bão để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc. Ban đã thực hiện kiểm tra giám sát vận hành hệ thống an ninh an toàn SMS, thực hiện quy định về tinh không sân bay của ICAO, Bộ Quốc phòng, Bộ Giao thông Vận tải, Cục Hàng không Việt Nam, đồng thời tham gia cùng các cơ quan, đơn vị trong công tác đánh giá chất lượng, thanh tra, kiểm tra an ninh an toàn tại các cảng hàng không.

Bên cạnh ban hành các quy định cụ thể về chương trình an ninh hàng không có phê duyệt của Cục Hàng không, các chương trình an ninh, an toàn và kế hoạch khẩn nguy, quy định về trang thiết bị, lực lượng, phương tiện, hệ thống thông tin liên lạc để ngăn chặn khủng bố, phá hoại, trường hợp khẩn nguy sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự hỗ trợ, tư vấn của các trung tâm an ninh tại các cảng hàng không, sân bay cụ thể.

#### **2.4.2 Hệ thống nguồn lực phục vụ an ninh an toàn**

Hệ thống nhân sự phục vụ hoạt động an ninh, an toàn được chia làm hai đơn vị chính: Lực lượng an ninh (bao gồm: lực lượng an ninh cơ động và an ninh soi chiếu, lực lượng cơ động) bảo vệ, canh gác các mục tiêu (tàu bay, cổng cửa, nhà ga, sân đỗ, trạm nguồn, trạm phát, đài không lưu liên quan đến cảng...), soi chiếu an ninh (hành lý xách tay, ký gửi, hàng hoá và con người) và Lực lượng giám sát việc thực hiện, triển khai tuân thủ các quy định về an ninh an toàn và phòng cháy chữa cháy cho các trang thiết bị, cơ sở vật chất.

Nhằm phục vụ cho hoạt động bảo đảm an ninh an toàn, năm 2013, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam đã hoàn thiện các điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục trình Cục HKVN phê duyệt, cấp Giấy chứng

nhận Cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ ANHK cho Trung tâm Đào tạo – Huấn luyện Nội Bài và Trung tâm Đào tạo – huấn luyện Đà Nẵng. Đến nay, đã có 03 Trung tâm đào tạo huấn luyện nghiệp vụ Cục Hàng không Việt Nam cấp chứng nhận cơ sở Đào tạo – Huấn luyện nghiệp vụ An toàn hàng không, bao gồm Trung tâm Đào tạo – Huấn luyện Nội Bài, Trung tâm Đào tạo – Huấn luyện Đà Nẵng, Trung tâm Đào tạo – Huấn luyện Tân Sơn Nhất.

Các cảng hàng không đã được đầu tư cơ sở vật chất và đảm bảo kinh phí để duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị an ninh hàng không như: công tử, máy soi tia X, hệ thống camera giám sát an ninh, máy phát hiện chất nổ.... Một số nơi đã được lắp đặt bổ sung trang thiết bị mới, phù hợp với yêu cầu khai thác của các cảng hàng không trong bối cảnh sản lượng hành khách thông qua cảng hàng không ngày càng gia tăng. Tổng công ty đã và đang triển khai hoàn thiện xây dựng hệ thống hàng rào an ninh khép kín tại nhiều cảng hàng không. Tất cả các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ như súng quân dụng, súng bắn hơi cay và cao su, roi điện do Tổng công ty quản lý đều được đăng ký tại công an địa phương theo đúng quy định.

## 2.5. Nhãn hiệu thương mại, bản quyền:

### Nhãn hiệu

Logo Tổng công ty:



### Nơi đăng ký

Được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 234271 cấp ngày 06/11/2012.

2.6. Các hợp đồng lớn đang triển khai

TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
<b>Hợp đồng đầu tư xây dựng</b>					
1	126/15/ACV-LD	12/06/2015 - 01/08/2016	GT3.1: Thi công XDCT và lắp đặt TB - DA: Mở rộng Nhà ga quốc tế T2-cảng HKQT TSN	- Công ty cổ phần Dịch Vụ và Kỹ Thuật cơ điện lạnh REE - Công ty TNHH Xây dựng Lưu Nguyễn - CTCP cơ điện Đoàn Nhất - Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế Hòa Bình	1.048.694.741.158
2	07-4/HĐXD/ACV-ACC&EAI	10/04/2015 - 10/02/2016	Gói 5"TCXDCT & TKBVTC". DA "Sửa chữa, Cải tạo và mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng HKQT TSN"	Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC - công ty cổ phần tập đoàn quốc tế Đông Á	503.055.679.000
3	90/2015/ACV-LD	06/04/2015 - 25/03/2016	GT7" TCXD nhà ga, đường tằng và các HM phụ trợ; TKBVTC" DA "Nhà ga HK CHK Cát Bij"	CTCP đầu tư xây lắp dầu khí IMICO - Công ty cổ phần công nghiệp Châu Á - Công ty cổ phần kết cấu thép ATAD - Công ty cổ phần cầu 12 - CIENCO1 - Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng và xây lắp Hòa Bình - Công ty TNHH Xây dựng Lưu Nguyễn - Công ty TNHH Lộc Phúc	662.271.676.000
4	055/2015/ACV-LD-TX	05/05/2015 - 31/01/2016	GT7: TCXD nhà ga, các hạng mục phụ trợ; TKBVTC - Nhà ga hành khách - CHK Thọ Xuân	Tổng Công ty xây dựng công trình hàng không ACC - Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng và xây lắp Hòa Bình - Công ty TNHH vật tư thiết bị Tuấn Long - Công ty TNHH Xây dựng Lưu Nguyễn - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Thành Đô	148.474.156.000

TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
5	225/2015/ACV-VIC-LP	22/05/2015 - 13/04/2016	Gói 8"CC&LD hệ thống thiết bị M&E; TKBVT"; DA "Nhà ga hành khách - CHK Quốc tế Cát Bi"	Công ty TNHH Liên doanh xây dựng VIC - Công ty TNHH Lộc Phúc	149.978.794.711
6	29-15/ACV-TEC-VJT	30/09/2015 - 30/05/2016	GT4: CC thiết bị hệ thống ILS - DA:HT thiết bị hạ cánh chính xác ILS - CHK Pleiku	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu kỹ thuật-Technimex	36.614.695.484
7	8C-15/ACV-NPT	12/08/2015 - 23/01/2016	GT8C: CC,LD HT thang máy soi chiếu an ninh, công từ.Nhà ga hành khách - CHK Quốc tế Cát Bi	Công ty CP phát triển Thương mại & Công nghệ Sản xuất mới	18.767.100.000
8	28-15/ACV-VTD	20/07/2015 - 20/11/2015	Gói 4" CC thiết bị đèn hiệu"; DA"Hệ thống đèn hiệu - CHK Chu Lai".	Công ty TNHH Phát triển Kỹ thuật Việt Nam	14.328.662.075
9	08-4/HBTVXD/ACV-ITSTS-4/2015	08/04/2015 - 10/02/2016	Gói 7"Giám sát TCXDCT". DA"Sửa chữa, Cải tạo và mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng HKQT TSN"	Phân viện khoa học công nghệ giao thông vận tải phía Nam	4.167.869.204
10	20/5-2015/HĐKT-TVGS	20/05/2015 - 03/11/2015	Gói 6"TVGS TCXDCT". DA "Hệ thống đèn hiệu - CHK Chu Lai"	Phân viện Khoa Học và Công Nghệ Giao thông vận tải Miền Trung	835.152.000
<b>Hợp đồng kinh doanh nhượng quyền thương mại</b>					
1	Hợp đồng số: HD522/2015/CHKNB-KD ngày 28/07/2015	Hiệu lực đến ngày 30/11/2017	Nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng HKQT Nội Bài	Công ty cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 212.344.978 đồng.
2	Hợp đồng số: HD232/2013/CHKNB-KTG ngày 29/03/2013	Hiệu lực đến ngày 31/12/2015	Nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng hóa tại Cảng HKQT Nội Bài	Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh

TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
3	Hợp đồng số: HD107/2013/CHKNB-KTG ngày 06/02/2013	Hiệu lực đến ngày 31/12/2015	Nhượng quyền khai thác và cung cấp xăng dầu hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài	Xí nghiệp xăng dầu hàng không miền Bắc- CN công ty TNHH MTV xăng dầu HKVN	thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 313.012.342 đồng. Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 178.994.421 đồng.
4	Hợp đồng số: HD217/2012/CHKNB-KTG ngày 25/09/2012	Hiệu lực đến ngày 31/12/2016	Nhượng quyền phục vụ kỹ thuật thương mại mật đất tại Cảng HKQT Nội Bài	Vietnam Airlines- CN TCT hàng không VN-CTCP- xí nghiệp thương mại mật đất Nội Bài	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 372.578.347 đồng.
5	Hợp đồng số: HD229/2013/CHKNB-PA ngày 29/03/2013	Hiệu lực đến ngày 31/12/2017	Nhượng quyền khai thác dịch vụ cung cấp xăng dầu hàng không tại Cảng HKQT Nội Bài	Công ty cổ phần nhiên liệu bay PETROLIMEX	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 156.195.463 đồng.
6	Hợp đồng số 09-13/TIA-TIAGS	Không xác định thời hạn	Nhượng quyền khai thác dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mật đất tại CHKQT Tân Sơn Nhất	Xí nghiệp Thương mại mật đất Tân Sơn Nhất (TIAGS)	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 650.000.000 đồng.
7	Hợp đồng số 02-14/TIA-SAGS	Không xác định thời hạn	Nhượng quyền khai thác dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mật đất tại CHKQT Tân Sơn Nhất	Công ty TNHH MTV Phục vụ mật đất Sài Gòn (SAGS) - nay là Công ty CP Phục vụ mật đất Sài Gòn)	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 600.000.000 đồng.
8	Hợp đồng số 1436/TCTCHKMN	Không xác định thời hạn	Nhượng quyền khai thác tra nạp nhiên liệu hàng không tại CHKQT Tân Sơn Nhất	Xí nghiệp xăng dầu Hàng không miền Nam - VINAPCO	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 430.000.000 đồng.
9	Hợp đồng số 2147/TCTCHKMN-PJF		Nhượng quyền khai thác cung cấp xăng dầu hàng	Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh

TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
10	Hợp đồng số 3513/HĐKT/TIA-VACS		không tại CHKQT Tân Sơn Nhất Nhượng quyền khai thác dịch vụ cung cấp suất ăn tại CHKQT Tân Sơn Nhất	Công ty TNHH MTV Suất Ăn Hàng Không Việt Nam	Đã là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 70.000.000 đồng.
<b>Hợp đồng cung cấp dịch vụ hàng không</b>					
1	Hợp đồng số 1538/2012/ACV-VNA ngày 27/08/2012; Hợp đồng số 1537/2012/ACV-VNA ngày 27/08/2012; Hợp đồng số 1536/2012/ACV-VNA ngày 27/08/2012	Có hiệu lực từ ngày 01/07/2012	Cung cấp dịch vụ hàng không hàng không: 1. Thu phục vụ hành khách 2. Hạ cất cánh 3. Sân đậu tàu bay 4. Soi chiếu an ninh 5. Kéo đẩy tàu bay 6. Dẫn tàu bay 7. Cầu ống dẫn khách 8. Dịch vụ phục vụ mặt đất cơ bản 9. Dịch vụ khác theo yêu cầu	Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines)	Đã là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 218 tỷ.
2	Hợp đồng số 1852/2012/ACV-VJC ngày 25/09/2012; Hợp đồng số 1851/2012/ACV-VJC ngày 25/09/2012; Hợp đồng số 1853/2012/ACV-VJC ngày 25/09/2012; Hợp đồng số 1854/2012/ACV-VJC ngày 25/09/2012	Có hiệu lực từ ngày 01/07/2012	Cung cấp dịch vụ hàng không hàng không: 1. Thu phục vụ hành khách 2. Hạ cất cánh 3. Sân đậu tàu bay 4. Soi chiếu an ninh 5. Kéo đẩy tàu bay 6. Dẫn tàu bay 7. Cầu ống dẫn khách 8. Dịch vụ phục vụ mặt đất cơ bản	Công ty cổ phần Hàng không Vietjet	Đã là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 80 tỷ.

Hợp đồng số 3513/HĐKT/TIA-VACS



TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
			9. Dịch vụ khác theo yêu cầu		
3	Hợp đồng số HD30/2013/CHKNB ngày 02/01/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Asiana Airlines	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 10 tỷ.
4	Hợp đồng số HD375/2013/CHKNB ngày 21/05/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Korean Air	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 10,7 tỷ.
5	Hợp đồng số HD687/2013/CHKNB ngày 23/09/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Qatar Airways	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 7,4 tỷ.
6	Hợp đồng số HD24/2013/CHKNB ngày 02/01/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Thai Airways	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 7 tỷ.
7	Hợp đồng số 307/2013/CHKNB ngày 23/04/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách, mặt bằng văn phòng đại diện tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Aeroflot	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 3,7 tỷ.
8	Hợp đồng số 126/2014/CHKNB ngày 13/03/2014	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ	Hãng hàng không All Nippon Airways	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh

TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
			mặt đất, dịch vụ hành khách, mặt bằng văn phòng đại diện tại CHKQT Nội Bài		thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 4,3 tỷ.
9	Hợp đồng số 678/2014/CHKNB ngày 26/11/2014	Hiệu lực đến 31/12/2017	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách, mặt bằng văn phòng đại diện tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Jeju Air	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 3,2 tỷ.
10	Hợp đồng số 01/2014/CHKNB ngày 02/01/2014	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách, mặt bằng văn phòng đại diện tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Japan Airlines	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 4 tỷ.
11	Hợp đồng số 26/2013/CHKNB ngày 02/01/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách, mặt bằng văn phòng đại diện tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không China Airlines	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 7,5 tỷ.
12	Hợp đồng số 429/2013/CHKNB ngày 14/06/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách, mặt bằng văn phòng đại diện tại CHKQT Nội Bài	Hãng hàng không Singapore Airlines	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 5 tỷ.
13	Hợp đồng số 521/2013/CHKNB ngày 15/07/2013 (tàu bay Cargo)	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ		

**Thời gian**  
**TT**   **Hợp đồng**   **Thời gian**   **hiệu lực**   **Nội dung hợp đồng**   **Đối tác**   **Giá trị ước tính (VND)**

				<p>Chung cấp tất cả các dịch vụ hàng không tiêu chuẩn: Dịch vụ hạ cất cánh, dịch vụ hành khách tại CHKQT Tân Sơn Nhất</p>	Hàng hàng không Air Asia	<p>Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 10 tỷ.</p>
14	Hợp đồng số 4014/TIA- AK ngày 01/10/2014	Không xác định thời hạn	<p>Chung cấp tất cả các dịch vụ hàng không tiêu chuẩn: Dịch vụ hạ cất cánh, dịch vụ hành khách tại CHKQT Tân Sơn Nhất</p>	Hàng hàng không Eva Air	<p>Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 10 tỷ.</p>	
15	Hợp đồng số 1014/TIA- BR ngày 01/10/2014	Không xác định thời hạn	<p>Chung cấp tất cả các dịch vụ hàng không tiêu chuẩn: Dịch vụ hạ cất cánh, dịch vụ hành khách tại CHKQT Tân Sơn Nhất</p>	Hàng hàng không Cathay Pacific Airways	<p>Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 9 tỷ.</p>	
16	Hợp đồng số 1414/TIA- CX ngày 01/10/2014	Không xác định thời hạn	<p>Chung cấp tất cả các dịch vụ hàng không tiêu chuẩn: Dịch vụ hạ cất cánh, dịch vụ hành khách tại CHKQT Tân Sơn Nhất</p>	Hàng hàng không Singapore Airlines	<p>Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 9 tỷ.</p>	
17	Hợp đồng số 3814/TIA- SQ ngày 01/10/2014	Không xác định thời hạn	<p>Chung cấp tất cả các dịch vụ hàng không tiêu chuẩn: Dịch vụ hạ cất cánh, dịch vụ hành khách tại CHKQT Tân Sơn Nhất</p>	Hàng hàng không China Airlines	<p>Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 9 tỷ.</p>	
18	Hợp đồng số 3214/TIA- CI ngày 01/10/2014	Không xác định thời hạn	<p>Chung cấp tất cả các dịch vụ hàng không tiêu chuẩn: Dịch vụ hạ cất cánh, dịch vụ hành khách tại CHKQT Tân Sơn Nhất</p>	Hàng hàng không Hongkong Express Airways Limited	<p>Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 9 tỷ.</p>	
19	Hợp đồng số 42/DIA- HKE	Hiệu lực đến ngày 31/03/2017	<p>Thực vụ hành khách</p>		<p>Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 9 tỷ.</p>	

TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
					thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 70.916 USD.
20	Hợp đồng số 43/DIA-HKE	Hiệu lực đến ngày 31/03/2017	Phục vụ bay	Hongkong Express Airways Limited	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 22.755 USD.
21	Hợp đồng số 108/DIA-AIRBUSAN	Hiệu lực đến ngày 30/04/2017	Phục vụ hành khách	Hãng hàng không Air Busan	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 23.676 USD
22	Hợp đồng số 198/ACV-DHT ngày 24/01/2013	Hiệu lực đến 31/12/2015	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách tại CHKQT Cam Ranh	Công ty DHT Brunei (đại diện cho các Hãng hàng không KateKavia, Utair, Sichuan).	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 7 tỷ.
23	Hợp đồng ngày 05/11/2013 giữa ACV và IKAR	Không quy định thời hạn	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách tại CHKQT Cam Ranh	Hãng hàng không IKAR	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 7 tỷ.
24	Hợp đồng số 3400/ACV-KE ngày 25/10/2013	Hiệu lực đến 31/12/2016	Cung cấp tất cả các dịch vụ mặt đất tiêu chuẩn: Dịch vụ cảng, phục vụ mặt đất, dịch vụ hành khách tại CHKQT Cam Ranh	Hãng hàng không Korean	Đây là hợp đồng nguyên tắc, không quy định giá trị cụ thể, được tính theo sản lượng thực tế hàng tháng và đơn giá theo quy định. Doanh thu phát sinh dịch vụ hàng tháng khoảng 2 tỷ.
<b>Các hợp đồng khác</b>					
1	AV/2015/ACV/HD01	01/01/2015 đến 01/01/2016	Bảo hiểm trách nhiệm người điều hành và khai thác Cảng hàng không	TCT bảo hiểm Bảo Việt	4.026.000.000

TT	Hợp đồng	Thời gian hiệu lực	Nội dung hợp đồng	Đối tác	Giá trị ước tính (VND)
2	TCT.D06.F114.HD791	01/10/2014 đến 01/12/2015	Bảo hiểm tài sản	Liên danh TCT bảo hiểm Bảo Việt & Công ty PVI Sài Gòn	13.052.811.369
3	AM0069/15/PA08045	01/06/2015 đến 01/06/2016	Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới (toàn bộ các xe chuyên dùng hoạt động trong sân đậu và khu bay)	Công ty Bảo Minh Sài Gòn	514.956.200

**2.7. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trong 03 năm 2012-2014 và tại thời điểm 30/06/2015**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm			Tại thời điểm
	2012	2013	2014	30/06/2015
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)</b>				
<b>Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</b>				
Tổng tài sản .....	29.421	33.770	41.808	42.557
Tài sản ngắn hạn .....	16.697	17.720	17.784	18.578
<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi<sup>5</sup></i> .....	377	354	299	299 <sup>6</sup>
Tài sản dài hạn .....	12.724	16.050	24.024	23.979
Vốn chủ sở hữu .....	14.777	16.938	19.827	20.257
Nợ phải trả .....	14.644	16.832	21.981	22.301
Nợ ngắn hạn .....	7.141	8.269	9.954	5.379 <sup>7</sup>
<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i> .....	-	-	-	-
Nợ dài hạn .....	7.503	8.563	12.027	16.922
<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i> .....	-	-	-	-
Các khoản phải thu .....	5.835	5.292	3.288	3.900
Phải thu ngắn hạn .....	5.835	5.292	3.288	3.900
Phải thu dài hạn .....	-	-	-	0
<b>Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Tổng doanh thu và thu nhập khác .....	7.880	10.163	10.569	5.918
<i>Doanh thu thuần</i> .....	6.158	7.470	7.973	5.173
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i> .....	1.683	2.679	2.508	569
<i>Thu nhập khác</i> .....	39	14	87	175
Tổng chi phí .....	5.948	7.138	7.395	5.233
Lợi nhuận trước thuế .....	1.932	3.026	3.174	685

<sup>5</sup> Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (30/06/2014), Báo cáo tài chính của ACV đã trích lập 100% các khoản nợ phải thu khó đòi.

Tại Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, ngoại trừ khoản nợ phải thu khó đòi tại ALC2, các khoản phải thu khó đòi khác vẫn được tính vào giá trị doanh nghiệp.

<sup>6</sup> Chi tiết danh mục Nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 30/06/2015 của ACV như sau:

	Giá trị
ALC2 .....	272.400.000.000
Air Mekong .....	25.907.942.217
Khác .....	725.761.596
<b>Tổng</b> .....	<b>299.033.703.813</b>

<sup>7</sup> Một số hạng mục đã được chuyển sang phân loại thành nợ dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm			Tại thời điểm
	2012	2013	2014	30/06/2015
Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện) . . . . .	1.273	1.361	1.693	506
Lợi nhuận sau thuế . . . . .	1.451	2.229	2.437	533
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp . . . . .	656	883	779	151
<b>Một số chỉ tiêu hoạt động khác</b>				
Tổng số lao động (người). . . . .	7.627	8.100	8007	8.126
Tổng quỹ lương (tỷ đồng) . . . . .	1.207	1.378	1.593	n/a
Thu nhập bình quân người/tháng (triệu VND)	16,86	17,88	20,72	n/a
<b>Hệ số hoạt động</b>				
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản . . . . .	0,50	0,50	0,53	0,52
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu . . . . .	0,99	0,99	1,11	1,10
Tỷ suất tự tài trợ . . . . .	0,50	0,50	0,47	0,48
Vốn vay/Vốn chủ sở hữu . . . . .	0,52	0,51	0,61	0,62
Tổng tài sản/Vốn chủ sở hữu . . . . .	1,99	1,99	2,11	2,10
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản</b>				
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản . . . . .	0,57	0,52	0,43	0,44
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản . . . . .	0,43	0,48	0,57	0,56
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán nhanh . . . . .	2,30	2,11	1,76	3,40
Hệ số thanh toán ngắn hạn . . . . .	2,34	2,14	1,79	3,45
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay vốn lưu động . . . . .	0,64	0,79	1,02	0,39
Vòng quay các khoản phải trả (ngày) . . . . .	230	135	88	78,75
Vòng quay các khoản phải thu (ngày) . . . . .	341	255	148	271
Vòng quay hàng tồn kho (ngày) . . . . .	17	15	18	23
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Lợi nhuận biên . . . . .	17,04%	19,56%	27,88%	11,26%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần . . . . .	23,56%	29,84%	30,56%	10,30%
ROE . . . . .	9,82%	13,16%	12,29%	2,63% <sup>8</sup>
ROA . . . . .	4,93%	6,60%	5,83%	1,25% <sup>9</sup>

Nguồn: Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2012 – 2014, Báo cáo tài chính Quý II năm 2015

<sup>8</sup> Xác định tại thời điểm bán niên, chưa được dự phóng cho cả năm 2015

<sup>9</sup> Xác định tại thời điểm bán niên, chưa được dự phóng cho cả năm 2015

**Về tăng trưởng tài sản:** Tổng tài sản tính đến thời điểm cuối năm tài chính 2013 đạt 33.770 tỷ đồng, tại thời điểm cuối năm tài chính 2014 đạt 41.808 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2012-2014, tổng tài sản của ACV tăng trưởng bình quân 19,21%/năm. Nguyên nhân tăng trưởng chủ yếu là do ACV đã tập trung đầu tư, mở rộng hệ thống đường băng, đường lăn và nhà ga do Tổng công ty khai thác. Điều này thể hiện qua việc tài sản ngắn hạn gần như không tăng trưởng, trong khi đó tài sản dài hạn tăng mạnh, tốc độ tăng trưởng trong năm 2013 đạt 26,14%, trong năm 2014 đạt 49,68%. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình tăng trong năm 2012 – 2013, từ 1.104 tỷ lên 4.452 tỷ đồng, và một phần được kết chuyển vào tài sản cố định trong 2014 khiến cho giá trị tài sản cố định hữu hình tăng từ 9.414 tỷ năm 2013 lên 20.590 tỷ năm 2014, gấp 2,19 lần. Đây chủ yếu là tài sản cố định được hình thành trong dự án trọng điểm xây dựng nhà ga quốc tế T2 Nội Bài, hoàn thành cuối năm 2014.

**Về cơ cấu tài sản:** Cơ cấu tài sản trong giai đoạn 2012-2014 thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng tài sản dài hạn, giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn. Tại thời điểm 31/12/2012, tỷ trọng tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn chiếm lần lượt là 43,25% và 56,75% trong quy mô tổng tài sản. Đến thời điểm 31/12/2014, tỷ trọng trên đã có sự thay đổi, lần lượt là 57,46% và 42,54%. Phần lớn sự thay đổi là kết quả của hoạt động đầu tư vào tài sản cố định như đường băng, đường lăn, sân đỗ và nhà ga, gia tăng đòn bẩy hoạt động và năng lực cung cấp dịch vụ của ACV.

**Về cơ cấu nguồn vốn:** Trong cơ cấu nguồn vốn của ACV, tỷ lệ nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tương đối cân bằng. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm 2012 là 49,77% và đến năm 2014 chiếm tỷ lệ 52,58%.

**Về nguồn vốn chủ sở hữu:** Để đáp ứng một phần nhu cầu gia tăng tổng tài sản, vốn điều lệ của ACV cũng được tăng bổ sung trong giai đoạn 2012 – 2014 từ nguồn vốn ngân sách cấp bổ sung và quỹ đầu tư phát triển. Mức tăng trưởng bình quân nguồn vốn chủ sở hữu của cả giai đoạn trung bình đạt 15,83%/năm. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản qua các năm 2012 – 2014 đạt mức bình quân 49,27%.

**Về tình hình vay nợ và sử dụng nguồn vốn vay:** Giai đoạn 2012 – 2014 là thời kỳ cao điểm, tập trung thực hiện chiến lược cải tạo, mở rộng và phát triển cơ sở hạ tầng hàng không của ACV theo Quy hoạch các cảng hàng không đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 do Thủ tướng Chính phủ và chính quyền, cơ quan địa phương phê duyệt. Trên cơ sở đó, ngoài việc tận dụng triệt để các nguồn tài trợ nội tại như quỹ khấu hao tài sản, quỹ đầu tư phát triển, Tổng công ty đã sử dụng nguồn vốn vay ODA dài hạn. Tổng dư nợ các hợp đồng vay ODA của ACV đến thời điểm 31/12/2014 là 67.918.826.037 JPY chủ yếu phục vụ cho mục đích đầu tư 02 công trình trọng điểm, bao gồm Dự án xây dựng Nhà ga hành khách Quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất và Dự án xây dựng Nhà ga Quốc tế T2 Nội Bài. Tình hình các khoản vay ODA dài hạn phân tách theo lãi suất và mục đích sử dụng năm 2014 được tổng hợp như sau:

*Khoản vay tín dụng cho Dự án xây dựng nhà ga hành khách Quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VNLX-2 ngày 29 tháng 3 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC):*

Khoản vay này được thực hiện thông qua Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch II Ngân hàng Phát triển Việt Nam) theo Hợp đồng tín dụng vay vốn ODA số 038/TDNN-TDTW1 ngày 15 tháng 8 năm 2002 và Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn JBIC số 06/2002/UQ/BTC-TCĐN ngày 17 tháng 7 năm 2001 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển và Bộ Tài chính.



<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thông số</b>
Tổng số vốn vay . . . . .	22.768.000.000 JPY
Thời hạn cho vay và trả nợ . . . . .	40 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực
Thời gian ân hạn . . . . .	10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực
Thời gian trả nợ gốc . . . . .	30 năm
Lãi suất cho vay . . . . .	1,6%/năm tính trên số dư nợ cho vay (phí cho vay lại 0,2%/năm trên số dư nợ được trích trong lãi suất cho vay)
Số dư nợ vay đến 31/12/2014 . . . . .	19.738.381.629 JPY

*Khoản vay tín dụng cho Dự án xây dựng nhà ga Quốc tế Nội Bài T2 bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VNXVII-6 ngày 18 tháng 3 năm 2010 giữa Chính phủ Nhật và Chính phủ Việt Nam:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thông số</b>
Tổng số vốn vay . . . . .	12.607.000.000 JPY
Thời hạn cho vay và trả nợ . . . . .	40 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực
Thời gian ân hạn . . . . .	10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực
Thời gian trả nợ gốc . . . . .	30 năm
Lãi suất cho vay . . . . .	0,4%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng; 0,21%/năm cho chi phí tư vấn (phí cho vay lại 0,2%/năm trên số dư nợ được trích trong lãi suất cho vay)
Số dư nợ vay đến 31/12/2014 . . . . .	12.366.016.964 JPY

*Hiệp định số VN11-P6 ngày 30/3/2012 giữa Chính phủ Nhật và Chính phủ Việt Nam về dự án “Xây dựng Nhà Ga Quốc tế Nội Bài T2”:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thông số</b>
Tổng số vốn vay . . . . .	20.584.000.000 JPY
Thời hạn cho vay và trả nợ . . . . .	40 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực
Thời gian ân hạn . . . . .	10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực
Thời gian trả nợ gốc . . . . .	30 năm
Thời gian giải ngân . . . . .	5 năm kể từ ngày hợp đồng vay vốn có hiệu lực
Lãi suất cho vay . . . . .	0,4%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng; 0,21%/năm cho chi phí tư vấn (phí cho vay lại 0,2%/năm trên số dư nợ được trích trong lãi suất cho vay)
Số dư nợ vay đến 31/12/2014 . . . . .	20.453.000.000 JPY

*Hiệp định số VN13-P3 ngày 24/12/2013 giữa Chính phủ Nhật và Chính phủ Việt Nam về dự án “Xây dựng Nhà Ga Quốc tế Nội Bài T2”:*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thông số</b>
Tổng số vốn vay . . . . .	26.062.000.000 JPY
Thời hạn cho vay và trả nợ . . . . .	40 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thông số</b>
Thời gian ân hạn . . . . .	10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực
Thời gian trả nợ gốc . . . . .	30 năm
Thời gian giải ngân . . . . .	5 năm kể từ ngày hợp đồng vay vốn có hiệu lực
Lãi suất cho vay . . . . .	0,3%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng; 0,21%/năm cho chi phí tư vấn (phí cho vay lại 0,2%/năm trên số dư nợ được trích trong lãi suất cho vay)
Số dư nợ vay đến 31/12/2014 . . . . .	15.361.427.444 JPY

**Về khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán hiện thời và thanh toán nhanh trung bình trong giai đoạn 2012 – 2014 ở mức xấp xỉ 2 lần. Để kiểm soát rủi ro khả năng thanh toán, ACV chú trọng thực hiện công tác dự báo các khoản thu chi, chủ động điều hành chặt chẽ và linh hoạt dòng tiền, đảm bảo công tác thanh toán đúng hạn, không phát sinh nợ quá hạn.

**Về khả năng sinh lời:** Kết quả lợi nhuận sau thuế của ACV năm 2013 đạt 2.229 tỷ đồng, năm 2014 đạt 2.437 tỷ<sup>10</sup> đồng, tăng 9,30% so với năm 2013. ROE năm 2014 đạt 12,29%, ROA đạt 5,83%, giảm so với năm 2013 do ACV đang trong giai đoạn mở rộng quy mô sản xuất, cũng như các thay đổi trong tình hình kinh tế vĩ mô đã nêu trên.

## **2.8. Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của ACV trong giai đoạn 2012 - 2015**

### **2.8.1 Thuận lợi**

#### **Sự quan tâm, lãnh đạo của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải và các cơ quan liên quan**

Kể từ khi được hình thành từ sự hợp nhất của 03 Tổng công ty Cảng hàng không vào năm 2012, ACV đã trở thành Tổng công ty duy nhất giữ vai trò quản lý và vận hành toàn bộ hệ thống cảng hàng không, sân bay của Việt Nam. Với vai trò quan trọng trong phát triển giao thông, kinh tế đất nước, ACV đã liên tục nhận được sự quan tâm đầu tư, ưu đãi của Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải và các Bộ, cơ quan liên quan thông qua việc cấp nguồn kinh phí đầu tư và đặc biệt bảo lãnh vay ODA với quy mô lớn giúp cho quá trình đầu tư phát triển của Tổng công ty sau khi hợp nhất diễn ra thuận lợi, tạo nền tảng cho ACV hoạt động kinh doanh có hiệu quả và đạt được vị thế như hiện nay.

#### **Sự tập trung các nguồn lực từ sự hợp nhất 03 Tổng công ty cảng hàng không**

Việc hợp nhất của 03 Tổng công ty Cảng hàng không đã tạo ra sự tập trung nguồn lực của toàn hệ thống cảng hàng không, sân bay của Việt Nam, tạo cơ sở cho ACV kế thừa và sử dụng một cách hiệu quả các nguồn lực này trong phát triển hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hàng không. Sự hợp nhất nguồn lực tài chính, trong đó đặc biệt là sự kế thừa nguồn lực tài chính vững mạnh từ Tổng công ty Cảng hàng không Miền Nam và Tổng công ty Cảng hàng không Miền Bắc đã tạo điều kiện cho ACV dễ dàng điều phối, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính nhân rồi vào xây dựng, phát triển các cảng hàng không, sân bay khác.

<sup>10</sup> Đã bao gồm chênh lệch tỷ do đánh giá lại số dư ngoại tệ nợ phải trả không được phân phối



## Sự phục hồi của kinh tế và du lịch Việt Nam

GDP Việt Nam năm 2014 tăng 5,98% so với năm 2013, vượt mục tiêu 5,8% của Quốc hội và dự báo của nhiều tổ chức trong nước và quốc tế. GDP phục hồi tích cực và với tốc độ tăng dần qua các quý. Cụ thể năm 2014, GDP quý 1 tăng 5,06%; quý 2 tăng 5,34%; quý 3 tăng 6,07%; quý 4 tăng mạnh 6,96%<sup>11</sup>.

Năm 2014 là một năm thành công của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Cụ thể, tổng giá trị vốn FDI giải ngân trong năm 2014 đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm trước và cao hơn 2,9% so với kế hoạch. Tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam ước tính đạt 20,23 tỷ USD trong 2014, dù chỉ bằng 93,5% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng cao hơn 19% so với kế hoạch (17 tỷ USD). Trong đó, FDI đăng ký cấp mới đạt 15,6 tỷ USD, tăng 9,6% so với cùng kỳ 2013; FDI cấp bổ sung đạt 4,5 tỷ USD<sup>12</sup>.

Về ngành Du lịch, ngoại trừ năm 2009 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, doanh thu ngành Du lịch và lượng khách du lịch đã liên tục tăng trong giai đoạn 2008-2014 với tốc độ tăng trung bình hàng năm lần lượt là 22% và 10,57%<sup>13</sup>. Nhu cầu du lịch gia tăng vẫn là yếu tố chính thúc đẩy sự phát triển của ngành Hàng không, do tính chất nhanh chóng và thuận tiện của vận tải hàng không, trong khi chi phí ngày càng tiệm cận với các loại hình vận chuyển thay thế khác như đường bộ và đường sắt.

Với sự phục hồi tích cực của kinh tế và du lịch Việt Nam năm 2014 và 2013 vừa qua, sản lượng hành khách và hàng hóa nội địa luân chuyển qua các cảng hàng không của ACV trong 2 năm này tiếp tục tăng. Cụ thể, tốc độ tăng sản lượng hành khách nội địa luân chuyển qua các cảng luôn ổn định ở mức xấp xỉ 20% so với năm liền trước, trong khi sản lượng hành khách quốc tế năm 2014 tăng 5,5% so với năm 2013 và năm 2013 tăng 13,2% so với 2012.

## Sự phát triển mạnh mẽ của các hãng hàng không giá rẻ

Các hãng hàng không giá rẻ trong khu vực trong những năm qua đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ. Theo báo cáo của CAPA, công suất phục vụ của các hãng hàng không giá rẻ trong khu vực Đông Nam Á đã tăng gấp tám lần trong 10 năm qua, từ khoảng 25 triệu ghế trong năm 2004 lên gần 200 triệu ghế trong năm 2014, trong khi đó công suất của các hãng hàng không truyền thống cùng kỳ trong khu vực chỉ tăng xấp xỉ 45%, từ 180 triệu ghế trong năm 2004 lên 260 triệu ghế trong năm 2014.

Tại thị trường trong nước, hãng hàng không VietJet Air trong vòng ba năm hoạt động đã trở thành hãng hàng không giá rẻ lớn thứ bảy Đông Nam Á (trên Jetstar Asia và Tiger Air) và theo đánh giá của CAPA sẽ có khả năng vượt Indonesia AirAsia và Nok Air về công suất ghế vào thời điểm cuối năm 2015. Cũng cần lưu ý là Nok, Indonesia AirAsia, Jetstar Asia và Tigerair đều là các hãng hàng không được thành lập vào năm 2004 – tám năm trước khi VietJet bắt đầu đi vào hoạt động<sup>14</sup>.

Sự phát triển của dịch vụ hàng không giá rẻ sẽ góp phần kích thích thị trường hàng không, và có khả năng đóng góp vào sự tăng trưởng của doanh thu ACV trong thời gian tới.

<sup>11</sup> Nguồn: Tổng cục thống kê, 2015

<sup>12</sup> Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch đầu tư, 2014

<sup>13</sup> Nguồn: Tổng cục thống kê, 2015

<sup>14</sup> “VietJet Air 2015 outlook: more rapid domestic growth as it defers long-haul plans. IPO late 2015”, CAPA, 2015.

## **Sự thay đổi về các quy định về mức giá và khung giá áp dụng cho các dịch vụ hàng không**

Theo quy định 1992/QĐ-BTC ban hành ngày 15/08/2014 được áp dụng từ ngày 1/10/2014, việc tính phí dịch vụ soi chiếu an ninh hàng không đã được chuyển từ cách tính theo loại máy bay và hành trình sang cách tính theo đầu hành khách. Do đó, doanh thu dịch vụ soi chiếu an ninh hàng không đã tăng 35% trong năm 2014, đạt 259 tỷ đồng. Bên cạnh đó, giá phục vụ hành khách đã và đang từng bước xây dựng lộ trình ban hành để phù hợp với giá của khu vực.

### **2.8.2 Khó khăn**

#### **Các khó khăn liên quan về kinh tế, địa chính trị trong khu vực và thế giới**

Do các sự kiện căng thẳng tại Biển Đông, thị trường vận chuyển hàng không giữa Việt Nam và Trung Quốc; Hồng Kông; Đài Loan đã sụt giảm mạnh. Số lượng chuyến bay điều hành giữa Việt Nam và Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông giảm 34%. Số lượng hành khách đi đến của 3 thị trường này giảm 38% trong năm 2014. Các hãng hàng không như China Southern Airlines, Hongkong Airlines, China Airlines... và Vietnam Airlines đã hủy hoặc cắt giảm các hoạt động khai thác các đường bay từ Việt Nam đi Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan. Các hãng hàng không mới như Transasia Airlines, Lucky Air, Xiamen Airlines... cũng tạm ngừng việc xúc tiến mở đường bay đến Việt Nam. Bên cạnh đó, sự mất giá đồng Rúp và suy thoái kinh tế Liên bang Nga cũng tác động đáng kể tới tăng trưởng lượng khách du lịch tới từ thị trường này (hiện đang chiếm xấp xỉ 6% lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam).

Các biến cố địa chính trị trong năm 2014 nêu trên đã tác động tới hoạt động kinh doanh 2014 của ACV. Tốc độ tăng trưởng sản lượng khách, hàng hóa quốc tế luân chuyển qua cảng cũng như sản lượng cất hạ cánh quốc tế của ACV năm 2014 có sự sụt giảm đáng kể so với năm 2013. Tăng trưởng hành khách quốc tế năm 2014 đạt 5,49% (so với 13,25% của năm 2013); tăng trưởng hàng hóa và bưu kiện 2014 đạt 12,13% (so với 21,44% của năm 2013) và tăng trưởng hạ cất cánh đạt 8,63% (so với 11,08% của năm 2013).

## **2.9. Vị thế và năng lực hoạt động của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ hàng không**

### **2.9.1 Vị thế của công ty trong ngành**

ACV là doanh nghiệp có quy mô khai thác vận chuyển, quản lý đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hàng không lớn nhất cả nước, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực với 9 công ty con, công ty liên kết, liên doanh. ACV trực tiếp khai thác 22 cảng hàng không, bao gồm 07 cảng hàng không quốc tế và 15 cảng hàng không quốc nội.

Quá trình hình thành từ sự hợp nhất ba Tổng công ty Cảng hàng không Bắc, Trung, Nam giúp Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam có khả năng tập trung điều động và phân phối các nguồn nhân lực và vật lực trong hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư, từ đó có vai trò to lớn trong quá trình mở rộng, trùng tu và xây mới hệ thống cảng hàng không trong giai đoạn 2012 – 2015. Danh mục các dự án trọng điểm ACV đã đầu tư, triển khai thành công và đi vào hoạt động trong giai đoạn trên bao gồm:

二一〇〇NH外二

<b>Công trình</b>	<b>Thời điểm đi vào hoạt động</b>
Dự án Cảng hàng không quốc tế Cát Bi - Giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025 . . . . .	2015
Dự án Xây dựng Nhà ga hành khách T2 – CHKQT Nội Bài . . . . .	2014
Dự án mở rộng, nâng cấp sân đậu, nhà ga quốc tế, quốc nội - Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất . . . . .	2013 - 2015
Nâng cấp mở rộng CHKQT Phú Bài . . . . .	2013
Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Pleiku . . . . .	2015
Xây dựng mới Khu hàng không dân dụng, Cảng hàng không Tuy Hòa . . . . .	2015
Dự án xây dựng, mở rộng CHK Vinh . . . . .	2015
Dự án Xây dựng Cảng hàng không quốc tế Phú Quốc . . . . .	2012
Dự án mở rộng nhà ga T1 - Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài . . . . .	2013

## **2.9.2 Triển vọng phát triển ngành hàng không đến năm 2020**

### **a. Thị trường thế giới**

Trong thời kỳ 2016 – 2020, xu hướng toàn cầu hoá tiếp tục diễn ra mạnh mẽ. Các liên minh hàng không toàn cầu tiếp tục được mở rộng, các hãng hàng không thành viên liên minh đều tập trung phát triển mạng bay và hệ thống bán hàng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, nhằm tồn tại và phát triển trong thị trường hàng không ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

Theo phân tích của Airbus, lượng khách đi lại bằng đường không sẽ tăng trưởng gấp đôi sau mỗi 15 năm, trong đó, giai đoạn 2011-2020<sup>15</sup>, tốc độ tăng trưởng bình quân sẽ đạt 5,1%/năm. Bên cạnh đó, 30% lượng khách đi lại bằng đường không là tầng lớp trung lưu (được tính dựa trên mức chi tiêu từ 10 USD-100 USD/người/ngày) và sẽ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tương lai. Số lượng dân số thuộc tầng lớp trung lưu sẽ đạt khoảng 3 tỷ người vào năm 2021 (chiếm khoảng 40% dân số), gấp 1,5 lần sau 10 năm, trong đó khu vực Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất (vào năm 2031 sẽ gấp 5 lần so với năm 2011). Cũng theo Airbus, các hãng hàng không Châu Á – Thái Bình Dương sẽ dần chiếm lĩnh vị trí vận chuyển hàng đầu trên thế giới với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 5,4%/năm.

Trong ngắn hạn, Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA) ước tính ngành công nghiệp hàng không, ngoài đối tượng khách du lịch, nếu tính toán cả lượng khách tham gia hoạt động giao thương, tổng lượng khách sẽ đạt khoảng 3,6 tỷ khách vào năm 2016, so với mức 2,8 tỷ khách đạt được vào năm 2011.

### **b. Thị trường khu vực Châu Á**

Trong khu vực châu Á, đặc biệt là khu vực Bắc Á và Đông Nam Á – châu Á Thái Bình Dương, các hãng hàng không truyền thống vẫn tiếp tục chiến lược giữ vững và nâng cao chất lượng dịch vụ để tạo ra lợi thế cạnh tranh trên cả đường bay quốc tế và đường bay nội địa so với các hãng hàng không khác. Mô hình hàng không giá rẻ có sự tăng trưởng mạnh trong những năm vừa qua, và bất chấp tình hình cạnh tranh khốc liệt tốc độ tăng trưởng đội bay được dự báo ở mức 13%<sup>16</sup> trong năm 2015. Một số hãng hàng không

<sup>15</sup> Global Market Forecast, 2011 - 2030

<sup>16</sup> CAPA, 2015

truyền thống đã thiết lập các công ty con – công ty liên kết hoạt động trong phân khúc giá rẻ như việc Qantas thành lập Jetstar, Singapore Airlines thành lập Silk Air và Scoot, Thai Airways giành quyền kiểm soát lại Nok Air để cạnh tranh với sự phát triển của các hãng hàng giá rẻ.

Các sân bay trung chuyển và sân bay khu vực trên thế giới đang trở nên quá tải, khiến cho việc thu xếp slot (giờ cất/hạ cánh) sẽ ngày càng trở nên khó khăn, đặc biệt là tại các sân bay trung chuyển lớn trên thế giới (Paris, Tokyo, London) và tại khu vực Đông Nam Á (Singapore). Song hành với xu hướng trên, thị trường vận tải hàng không quốc tế sẽ dần chuyển hoạt động khai thác sang các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Việt Nam, tạo ra động lực phát triển nhanh chóng tại các thị trường này.

### c. Thị trường Việt Nam

Theo dự báo của IATA, Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng ngành hàng không nhanh trong giai đoạn 2015 – 2034 với một số lý do chính sau:

- Kinh tế Việt Nam đã phục hồi và thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh. GDP 9 tháng đầu năm 2015 của Việt Nam tăng 6,5% so với cuối 2014 – đây là mức tăng cao nhất từ 2010. ADB cũng đã nâng mức dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên mức 6,5% trong năm 2015 và 6,6% trong năm 2016.
- Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam thông qua việc tham gia các tổ chức ASEAN, APEC, WTO và Hiệp định TPP đã và sẽ tác động tới tiến trình tự do hoá trong chính sách vận tải hàng không của Việt Nam.
- Việc phát triển của các hãng hàng không giá rẻ tại Việt Nam là yếu tố quan trọng để thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành hàng không nhờ việc mở rộng đối tượng khách hàng.

### 2.9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng công ty với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam, mạng cảng hàng không đến năm 2020 (“Quyết định 21”), mạng lưới cảng hàng không tại Việt Nam được quy hoạch trên quan điểm lấy mô hình kết cấu trục nan làm cơ sở chính với Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh là ba điểm gom tụ lưu lượng hành khách, hàng hóa để nối với các đường bay nội địa và quốc tế. Việc quy hoạch mạng CHK đến năm 2020 cũng được cân nhắc nhu cầu phát triển một cách hợp lý các CHK tại các khu vực có vai trò quan trọng về kinh tế và quốc phòng nhằm thúc đẩy sự phát triển của các khu vực này thông qua việc mở các tuyến bay nội địa liên vùng cũng như các tuyến bay quốc tế khu vực khi có nhu cầu.

Triển khai Quyết định 21, Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 2985/QĐ-BGTVT ngày 30/09/2013 về việc Nâng cao hiệu quả và chất lượng quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng hàng không, trong đó đã hoạch định một số mục tiêu và giải pháp cụ thể về định hướng phát triển cảng hàng không tại Việt Nam.

Trên cơ sở quy hoạch phát triển vùng, quy hoạch các địa phương, trong giai đoạn đến năm 2020 ACV đã từng bước nghiên cứu, xây dựng các sân bay phục vụ cho hoạt động hàng không và về căn bản đã hoàn thành hoặc đang triển khai các mục tiêu trên. Cho đến thời điểm hiện tại, định hướng phát triển, đầu

==  
T  
A  
H  
D  
T  
A  
-1

tư Tổng công ty vẫn đang quán triệt triệt để chủ trương, chỉ đạo của Nhà nước, đáp ứng mục tiêu đi lại của người dân.

11/11 2020 10/11

### **3. TÓM LƯỢC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔ HỢP CÔNG TY MẸ - CON CỦA TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA**

#### **3.1. Tổng quan về kết quả hoạt động kinh doanh**

Trong mô hình hoạt động của Tổ hợp công ty mẹ - con Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, ACV là đơn vị đầu tư, quản lý hệ thống kết cấu hạ tầng, đồng thời kinh doanh các dịch vụ hàng không và phi hàng không. Các công ty con của ACV đóng vai trò hỗ trợ cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất, kinh doanh thương mại trong cảng hàng không, từ đó bổ sung, hoàn thiện chuỗi cung cấp dịch vụ của Tổ hợp, tận dụng hiệu quả lợi thế về mặt địa điểm kinh doanh. Cụ thể, trong năm 2014, ACV là chủ lực trong cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổ hợp công ty mẹ - con (75,58%). Cơ cấu doanh thu của Tổ hợp công ty mẹ - con trong năm tài chính 2014 được tổng hợp như sau:

HAZCO



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	ACV	SASCO	SAGS	CRAC	TAPETCO	SATSCO	Doanh thu nội bộ	
							Tổng	Tổng
<b>Giá trị (tỷ đồng)</b>								
Doanh thu phục vụ hàng không và phi hàng không	7,333	3	473	6	-	69	(16)	7.868
Bán hàng	665	2.036	-	86	4	64	(186)	2.669
Dịch vụ khác	-	4	-	42	-	-	-	46
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>7,999</b>	<b>2.044</b>	<b>473</b>	<b>134</b>	<b>4</b>	<b>133</b>	<b>(202)</b>	<b>10.584</b>
<b>Tỷ trọng (%)</b>								
Doanh thu phục vụ hàng không và phi hàng không	93,20%	0,04%	6,01%	0,07%	-	0,88%	(0,20%)	100,00%
Bán hàng	24,93%	76,28%	-	3,23%	0,15%	2,40%	(6,98%)	100,00%
Dịch vụ khác	-	9,32%	-	90,68%	-	-	-	100,00%
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>75,58%</b>	<b>19,31%</b>	<b>4,47%</b>	<b>1,26%</b>	<b>0,04%</b>	<b>1,19%</b>	<b>(1,84%)</b>	<b>100,00%</b>

**3.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của tổ hợp Công ty mẹ - con Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trong 03 năm 2012-2014**

	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm		
	2012	2013	2014
	(tỷ đồng)		
<b>Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</b>			
Tổng tài sản . . . . .	30.189	34.661	43.692
Tài sản ngắn hạn . . . . .	17.843	18.885	18.945
Tài sản dài hạn . . . . .	12.346	15.777	24.747
Vốn chủ sở hữu . . . . .	14.805	16.977	19.833
Nợ phải trả . . . . .	15.311	17.593	23.030
Nợ ngắn hạn . . . . .	7.803	8.906	10.742
Nợ dài hạn . . . . .	7.508	8.687	12.288
Các khoản phải thu . . . . .	6.047	5.408	3.711
Phải thu ngắn hạn . . . . .	5.968	5.408	3.315
Phải thu dài hạn . . . . .	79	-	396
<b>Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Tổng doanh thu và thu nhập khác . . . . .	9.844	12.363	13.172
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ . . . . .	8.011	9.548	10.555
Doanh thu tài chính . . . . .	1.765	2.767	2.481
Doanh thu khác . . . . .	68	47	136
Tổng chi phí . . . . .	7.829	9.238	9.866
Giá vốn hàng bán . . . . .	6.394	7.452	7.546
Chi phí tài chính . . . . .	73	117	505
Chi phí bán hàng . . . . .	328	401	418
Chi phí quản lý doanh nghiệp . . . . .	1.027	1.219	1.294
Chi phí khác . . . . .	7	47	103
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh . . . . .	10	5	2
Lợi nhuận trước thuế . . . . .	2.024	3.130	3.308
Lợi nhuận trước thuế không tính chênh lệch tỷ giá . . . . .	1.358	1.449	1.861
Lợi nhuận sau thuế . . . . .	1.530	2.301	2.511
ROE . . . . .	10,3%	13,5%	12,7%
ROA . . . . .	5,0%	6,6%	5,7%

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, 2012 – 2014*

#### **4. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP**

##### **4.1. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp**

##### **4.1.1 Hệ thống cảng hàng không**

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam là doanh nghiệp kinh doanh duy nhất trong lĩnh vực cảng hàng không tại Việt Nam với các chi nhánh trải rộng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trong cả nước. Điều này dẫn tới việc Tổng công ty sở hữu hệ thống tài sản lớn về quy mô và đặc thù về tính năng sử dụng trong hoạt động khai thác cảng hàng không. Ngoài tài sản là các trụ sở, thiết bị, phương tiện... tài sản có giá trị lớn nhất phục vụ cho hoạt động kinh doanh, có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của ACV là hệ thống cảng hàng không, bao gồm hệ thống nhà ga, đường băng, đường lăn, sân đậu và các hệ thống hỗ trợ hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không.

Trong số 22 cảng hàng không của ACV, 07 cảng được đăng ký với Cục Hàng không Việt Nam hoạt động dưới hình thức cảng hàng không quốc tế, đồng nghĩa với việc các cảng này đã được trang bị đầy đủ để phục vụ các chuyến bay quốc tế và có hệ thống đại diện cơ quan Nhà nước phục vụ hoạt động xuất - nhập cảnh tại cảng phù hợp với pháp luật Việt Nam.

Trong hệ thống quản trị nội bộ của ACV, các cảng được phân cấp thành các chi nhánh cấp I, cấp II và cấp III dựa trên các tiêu chí về quy mô, lưu lượng khách và năng lực cung cấp dịch vụ.

Trong chế độ thu phí hiện hành theo quy định của Bộ Tài chính, các cảng đang được phân loại thành cảng nhóm A và nhóm B.

Bên cạnh đó, tất cả các cảng hàng không tại Việt Nam đều được phân cấp theo tiêu chuẩn quy định của ICAO theo khả năng cung cấp dịch vụ cho tàu bay tương ứng.

Tổng hợp về hệ thống phân loại của toàn bộ 22 cảng hàng không – sân bay dưới sự quản lý của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được tóm lược trong bảng sau<sup>17</sup>:

<sup>17</sup> Cảng Hàng không Nội Bài và Điện Biên chung 01 giấy đăng ký kinh doanh và CHK Nội Bài đang ngưng khai thác.

	<u>Chi nhánh cấp</u>	<u>Nhóm</u>	<u>Hoạt động</u>	<u>ICAO</u>
Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất .	1	A	Quốc tế	4E
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài . . . . .	1	A	Quốc tế	4E
Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng . . . . .	1	A	Quốc tế	4E
Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh . . . . .	2	A	Quốc tế	4D
Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc . . . . .	2	A	Quốc tế	4E
Cảng hàng không Cát Bi . . . . .	2	A	Nội địa <sup>18</sup>	4C
Cảng hàng không Vinh . . . . .	2	A	Nội địa <sup>19</sup>	4C
Cảng hàng không Liên Khương . . . . .	2	A	Nội địa <sup>20</sup>	4D
Cảng hàng không Buôn Mê Thuột . . . . .	2	A	Nội địa	4C
Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài . . . . .	2	A	Quốc tế	4C
Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ . . . . .	2	A	Quốc tế	4E
Cảng hàng không Phù Cát . . . . .	3	B	Nội địa	4D
Cảng hàng không Pleiku . . . . .	3	B	Nội địa	4C
Cảng hàng không Đồng Hới . . . . .	3	B	Nội địa	4C
Cảng hàng không Điện Biên . . . . .	3	B	Nội địa	3C
Cảng hàng không Côn Đảo . . . . .	3	B	Nội địa	3C
Cảng hàng không Tuy Hòa . . . . .	3	B	Nội địa	4C
Cảng hàng không Chu Lai . . . . .	3	B	Nội địa	4C
Cảng hàng không Rạch Giá . . . . .	3	B	Nội địa	3C
Cảng hàng không Thọ Xuân . . . . .	3	B	Nội địa	4C
Cảng hàng không Cà Mau . . . . .	3	B	Nội địa	3C
Cảng hàng không Nà Sản . . . . .	3	B	Nội địa	3C

Hoạt động khai thác dịch vụ cảng hàng không diễn ra chủ yếu tại các cảng hàng không trung tâm tại ba miền Bắc (Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài), Trung (Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng), Nam (Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất). Cụ thể, số lượt khách qua cảng tại ba cảng hàng không Nội Bài, Đà Nẵng và Tân Sơn Nhất trong năm 2014 chiếm 81,33% tổng số lượt khách qua cảng hàng không tại Việt Nam. Ba cảng hàng không trung tâm cũng là điểm đến của đa số khách quốc tế (chiếm 96,23% lượng khách quốc tế qua các cảng tại Việt Nam). Một số cảng hàng không tại các thành phố du lịch trọng điểm mới được đầu tư, mở rộng như Cam Ranh, Phú Quốc, Phú Bài, Vinh đã có tốc độ tăng trưởng nhanh trong những năm gần đây, và dự kiến sẽ là nhóm cảng tạo ra nguồn doanh thu lớn cho ACV trong các năm tới.

Trong định hướng chiến lược kinh doanh tổng quan của ACV, Tổng công ty đã hoạch định rõ vai trò của các cảng hàng không trung tâm miền Bắc, Trung, Nam (Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất) trong công tác hỗ trợ các cảng hàng không vệ tinh về bảo dưỡng trang thiết bị, hỗ trợ kỹ thuật và hoạt động đào tạo. Trên nhu cầu sử dụng dịch vụ thực tế của các hãng hàng không và tiềm năng khai thác tại một số địa bàn, ACV đã thực hiện kế hoạch tập trung đầu tư nâng cao chất lượng và năng lực cung cấp dịch vụ tại

<sup>18</sup> Được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác một số đường bay quốc tế

<sup>19</sup> Được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác một số đường bay quốc tế

<sup>20</sup> Được cấp có thẩm quyền cho phép khai thác một số đường bay quốc tế

những cảng có khả năng cung cấp dịch vụ cảng hàng không quốc tế. Trong năm 2014, 07 cảng hàng không quốc tế trong hệ thống đang đóng góp trên 90% cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của ACV.

Năng lực cung cấp dịch vụ của hệ thống cảng hàng không của ACV tại thời điểm 31/12/2014 được tóm lược trong bảng dưới đây:

	<b>Công suất thiết kế (khách)</b>	<b>Công suất hiện tại (khách)</b>	<b>% công suất khai thác</b>
Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất .....	20.000.000	22.153.349	110,77%
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài .....	25.000.000	14.190.675	56,76%
Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng .....	6.000.000	4.989.687	83,16%
Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh .....	1.500.000	2.062.494	137,50%
Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc .....	2.650.000	1.002.750	37,84%
Cảng hàng không Vinh .....	2.000.000	1.222.698	61,13%
Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài .....	1.500.000	1.159.499	77,30%
Cảng hàng không Cát Bi .....	1.200.000	927.001	77,25%
Cảng hàng không Buôn Mê Thuột .....	1.000.000	695.149	69,51%
Cảng hàng không Liên Khương .....	2.000.000	675.607	33,78%
Cảng hàng không Phù Cát .....	750.000	420.520	56,07%
Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ .....	2.000.000	305.015	15,25%
Cảng hàng không Pleiku .....	600.000	300.471	50,08%
Cảng hàng không Côn Đảo .....	400.000	188.549	47,14%
Cảng hàng không Thọ Xuân .....	600.000	163.270	27,21%
Cảng hàng không Đồng Hới .....	500.000	117.656	23,53%
Cảng hàng không Điện Biên .....	250.000	81.564	32,63%
Cảng hàng không Tuy Hòa .....	550.000	64.037	11,64%
Cảng hàng không Chu Lai .....	500.000	40.198	8,04%
Cảng hàng không Rạch Giá .....	200.000	33.544	16,77%
Cảng hàng không Cà Mau .....	200.000	30.698	15,35%
Cảng hàng không Nà Sản (đã ngừng khai thác từ 2004) ..	-	-	-

a. Năng lực khai thác

Kết quả của hoạt động khai thác tại 22 cảng hàng không – sân bay do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam quản lý được tổng hợp trong bảng sau:

Tổng lượng khách (khách)	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12								
	2012			2013			2014		
	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng
Tân Sơn Nhất-SGN	9.268.872	8.269.481	17.538.353	11.009.906	9.025.246	20.035.152	13.022.911	9.130.438	22.153.349
Nội Bài-HAN	6.512.240	4.828.799	11.341.039	7.468.790	5.356.994	12.825.784	8.673.781	5.516.894	14.190.675
Đà Nẵng-DAD	2.846.304	244.573	3.090.877	3.825.105	551.670	4.376.775	4.101.439	888.248	4.989.687
Cam Ranh-CXR	927.103	168.673	1.095.776	1.143.015	366.197	1.509.212	1.477.312	585.182	2.062.494
Vinh-VII	635.277	-	635.277	917.638	-	917.638	1.214.379	8.319	1.222.698
Phủ Bài-HUI	673.044	-	673.044	427.582	-	427.582	1.159.499	-	1.159.499
Phủ Quốc-PQC	493.434	-	493.434	685.036	-	685.036	987.697	15.053	1.002.750
Cát Bi-HPH	638.502	72	638.574	872.762	-	872.762	926.983	18	927.001
Buôn Ma Thuột-BMV	410.724	-	410.724	535.084	-	535.084	695.149	-	695.149
Liên Khương-DLI	387.925	-	387.925	476.438	-	476.438	675.607	-	675.607
Phù Cát-UIH	236.254	-	236.254	290.832	-	290.832	420.520	-	420.520
Cần Thơ-VCA	199.003	1.748	200.751	241.307	-	241.307	305.015	-	305.015
Pleiku-PXU	319.833	-	319.833	319.994	-	319.994	300.471	-	300.471
Côn Đảo-VCS	191.039	-	191.039	175.574	-	175.574	188.549	-	188.549
Thọ Xuân-THD	-	-	-	90.929	-	90.929	163.270	-	163.270
Đồng Hới-VDH	81.764	-	81.764	105.586	-	105.586	117.656	-	117.656
Điện Biên-DIN	73.372	-	73.372	74.272	-	74.272	81.564	-	81.564
Tuy Hòa-TBB	62.825	-	62.825	63.103	-	63.103	64.037	-	64.037
Chu Lai-VCL	53.753	-	53.753	50.974	-	50.974	40.198	-	40.198
Rạch Giá-VKG	60.180	-	60.180	52.409	-	52.409	33.544	-	33.544
Cà Mau-CAH	37.905	90	37.995	34.400	-	34.400	30.698	-	30.698
Nà Sản-SQH	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>24.109.353</b>	<b>13.513.436</b>	<b>37.622.789</b>	<b>28.860.736</b>	<b>15.300.107</b>	<b>44.160.843</b>	<b>34.680.279</b>	<b>16.144.152</b>	<b>50.824.431</b>

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm**

Lượng khách đi (khách)	2012			2013			2014		
	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng
Tân Sơn Nhất-SGN	4.607.892	4.220.624	8.828.516	5.500.148	4.587.100	10.087.248	6.497.002	4.647.525	11.144.527
Nội Bài-HAN	3.245.581	2.373.476	5.619.057	3.706.529	2.633.002	6.339.531	4.326.693	2.727.337	7.054.030
Đà Nẵng-DAD	1.458.088	121.585	1.579.673	1.953.536	275.170	2.228.706	2.087.135	452.759	2.539.894
Cam Ranh-CXR	467.967	78.893	546.860	577.431	181.671	759.102	746.860	295.276	1.042.136
Vinh-VII	311.697	-	311.697	443.519	-	443.519	597.751	4.330	602.081
Phù Bài-HUI	332.793	-	332.793	208.856	-	208.856	569.704	-	569.704
Phủ Quốc-PQC	251.721	-	251.721	347.604	-	347.604	498.582	7.197	505.779
Cát Bi-HPH	315.034	-	315.034	429.046	-	429.046	456.737	12	456.749
Buôn Ma Thuột-BMV	208.039	-	208.039	270.333	-	270.333	351.688	-	351.688
Liên Khương-DLI	202.693	-	202.693	247.729	-	247.729	347.423	-	347.423
Phù Cát-UIH	117.676	-	117.676	144.430	-	144.430	209.089	-	209.089
Cần Thơ-VCA	101.894	650	102.544	123.209	-	123.209	153.959	-	153.959
Pleiku-PXU	161.754	-	161.754	160.373	-	160.373	149.943	-	149.943
Côn Đảo-VCS	96.262	-	96.262	88.233	-	88.233	94.637	-	94.637
Thọ Xuân-THD	-	-	-	43.873	-	43.873	79.749	-	79.749
Đông Hới-VDH	41.174	-	41.174	51.702	-	51.702	58.568	-	58.568
Điện Biên-DIN	37.364	-	37.364	37.713	-	37.713	40.918	-	40.918
Tuy Hòa-TBB	31.833	-	31.833	31.565	-	31.565	31.565	-	31.565
Chu Lai-VCL	26.471	-	26.471	24.522	-	24.522	19.119	-	19.119
Rạch Giá-VKG	30.186	-	30.186	26.282	-	26.282	16.675	-	16.675
Cà Mau-CAH	18.823	45	18.868	17.013	-	17.013	14.987	-	14.987
Nà Sản-SQH	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.064.942</b>	<b>6.795.273</b>	<b>18.860.215</b>	<b>14.433.646</b>	<b>7.676.943</b>	<b>22.110.589</b>	<b>17.348.784</b>	<b>8.134.436</b>	<b>25.483.220</b>

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm

Lượng khách đến (khách)	2012			2013			2014		
	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng
	4.660.980	4.048.857	8.709.837	5.509.758	4.438.146	9.947.904	6.525.909	4.482.913	11.008.822
3.266.659	2.455.323	5.721.982	3.762.261	2.723.992	6.486.253	4.347.088	2.789.557	7.136.645	
1.388.216	122.988	1.511.204	1.871.569	276.500	2.148.069	2.014.304	435.489	2.449.793	
459.136	89.780	548.916	565.584	184.526	750.110	730.452	289.906	1.020.358	
323.580	-	323.580	474.119	-	474.119	616.628	3.989	620.617	
340.251	-	340.251	218.726	-	218.726	589.795	-	589.795	
241.713	-	241.713	337.432	-	337.432	489.115	7.856	496.971	
323.468	72	323.540	443.716	-	443.716	470.246	6	470.252	
202.685	-	202.685	264.751	-	264.751	343.461	-	343.461	
185.232	-	185.232	228.709	-	228.709	328.184	-	328.184	
118.578	-	118.578	146.402	-	146.402	211.431	-	211.431	
97.109	1.098	98.207	118.098	-	118.098	151.056	-	151.056	
158.079	-	158.079	159.621	-	159.621	150.528	-	150.528	
94.777	-	94.777	87.341	-	87.341	93.912	-	93.912	
-	-	-	47.056	-	47.056	83.521	-	83.521	
40.590	-	40.590	53.884	-	53.884	59.088	-	59.088	
36.008	-	36.008	36.559	-	36.559	40.646	-	40.646	
30.992	-	30.992	31.538	-	31.538	32.472	-	32.472	
27.282	-	27.282	26.452	-	26.452	21.079	-	21.079	
29.994	-	29.994	26.127	-	26.127	16.867	-	16.867	
19.082	45	19.127	17.387	-	17.387	15.711	-	15.711	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>12.044.411</b>	<b>6.718.163</b>	<b>18.762.574</b>	<b>14.427.090</b>	<b>7.623.164</b>	<b>22.050.254</b>	<b>17.331.493</b>	<b>8.009.716</b>	<b>25.341.209</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12, năm

Số lượt hạ cánh (lượt)	2012			2013			2014		
	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng	Nội địa	Quốc tế	Tổng cộng
	73.778	57.932	131.710	77.713	62.043	139.756	89.482	64.457	153.939
46.799	37.505	84.304	49.199	40.636	89.835	56.633	44.231	100.864	
23.392	2.902	26.294	29.013	5.986	34.999	30.686	7.932	38.618	
7.550	954	8.504	8.632	1.646	10.278	10.378	2.740	13.118	
5.526	-	5.526	6.996	-	6.996	8.490	266	8.756	
5.306	-	5.306	3.180	-	3.180	7.976	-	7.976	
8.350	-	8.350	6.914	-	6.914	8.298	188	8.486	
5.392	-	5.392	6.488	-	6.488	6.734	4	6.738	
6.106	-	6.106	5.275	-	5.275	6.043	-	6.043	
4.918	-	4.918	4.044	-	4.044	5.157	-	5.157	
2.852	-	2.852	2.494	-	2.494	2.948	-	2.948	
2.323	11	2.334	2.296	-	2.296	2.620	11	2.631	
5.198	-	5.198	5.330	-	5.330	5.214	-	5.214	
3.562	-	3.562	3.210	-	3.210	3.395	-	3.395	
-	-	-	608	-	608	1.062	-	1.062	
1.034	-	1.034	1.174	-	1.174	1.354	-	1.354	
1.386	-	1.386	1.388	-	1.388	1.532	-	1.532	
1.264	-	1.264	1.178	-	1.178	1.217	-	1.217	
1.082	-	1.082	1.004	-	1.004	838	-	838	
1.320	-	1.320	1.142	-	1.142	680	-	680	
798	8	806	734	-	734	690	-	690	
-	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Tổng</b>	<b>207.936</b>	<b>99.312</b>	<b>307.248</b>	<b>218.012</b>	<b>110.311</b>	<b>328.323</b>	<b>251.427</b>	<b>119.829</b>	<b>371.256</b>

## b. Các Chi nhánh cấp 1

### Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất

Chi nhánh Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất là đơn vị quản lý và khai thác cảng hàng không lớn nhất trong các cảng hàng không của ACV, với tổng doanh thu đạt 3.576 tỷ. Số lượt khách qua Cảng năm 2013 và năm 2014 lần lượt chiếm 45,37% và 43,59% tổng số lượt khách qua cảng tại các cảng hàng không Việt Nam. Tân Sơn Nhất đồng thời cũng là điểm đến của lần lượt 58,99% và 56,56% số lượt khách quốc tế cùng kỳ. Bên cạnh hoạt động cung cấp dịch vụ hàng không, Tân Sơn Nhất có trách nhiệm quản lý, hỗ trợ và cử cán bộ đào tạo cho các cảng hàng không khác thuộc khu vực miền Nam, từ Tuy Hòa tới Cà Mau. Ngoài ra, Tân Sơn Nhất còn có trách nhiệm hỗ trợ các cảng hàng không phía Nam sửa chữa, kiểm tra lại các hoạt động bay trong quá trình chuyển mùa. Cảng đóng vai trò một trung tâm trung chuyển trong hệ thống trục – nan của hệ thống cảng hàng không Việt Nam, phục vụ chủ yếu khách công vụ, khách du lịch và khách thăm thân nhân.

Cảng nằm trong thành phố Hồ Chí Minh, là thành phố đông dân nhất Việt Nam (7,9 triệu người<sup>21</sup>), đồng thời là thành phố đặc biệt trực thuộc trung ương, là trung tâm kinh tế – chính trị – văn hóa của cả nước. Hiện tại, Thành phố Hồ Chí Minh là cửa ngõ lớn nhất và quan trọng nhất của Việt Nam đối với vận tải hành khách quốc tế, có điều kiện về xã hội (đông dân, tầng lớp trung lưu đông, nhu cầu đi lại lớn, nền chính trị ổn định so với nhiều nước khác trong khu vực), kinh tế (đóng góp 21,3%<sup>22</sup> tổng sản phẩm quốc nội), vị trí (phục vụ các đường bay đến các nước trong tiểu vùng CLMV, các nước thuộc Châu Đại Dương và Bắc Á).

Trong năm 2012, 2013 và 2014, Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất đã phục vụ lần lượt 17,53, 20,04 và 22,15 triệu lượt hành khách, tốc độ tăng trưởng trong thời kỳ 2012-2014 đạt 12,38%/năm. Cũng trong 3 năm trên, cơ cấu khách quốc tế – nội địa đã có sự thay đổi nhẹ, trong đó cơ cấu khách quốc tế giảm từ 47,15% năm 2012 xuống 41,21% năm 2014, và cơ cấu khách nội địa tăng tương ứng từ 52,85% lên 58,79%.

Hiện Chi nhánh đang thực hiện cung cấp dịch vụ cho 46 hãng hàng không. Bên cạnh hai hãng hàng không nội địa với quy mô và thị phần hoạt động lớn nhất Việt Nam là Vietnam Airlines và Vietjet Air, nhiều hãng hàng không quốc tế, có tên tuổi và thương hiệu như Singapore Airlines, Emirates, All Nippon Airways, Eva Airways, Korean Air, Asiana Airlines... cũng đang khai thác các đường bay đi và đến từ thành phố Hồ Chí Minh qua Cảng. Trong số 14 đường bay nội địa Cảng đang phục vụ, các đường bay chính, có tần suất khai thác cao là các tuyến trên hệ thống trục-nan SGN-HAN, SGN-DAD, và các tuyến đến các thành phố lớn trong nước như SGN-HUI, SGN-PQC, SGN-HPH. Danh sách 05 đường bay nội địa và quốc tế có tần suất khai thác cao nhất tại Cảng được tổng hợp trong bảng sau:

<sup>21</sup> Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014 lần đầu tiên ở Việt Nam: Thông báo một số kết quả chủ yếu, Tổng cục thống kê, 2014.

<sup>22</sup> GDP theo giá thực tế của thành phố/GDP theo giá thực tế của cả nước, theo số liệu của Tổng cục thống kê và Cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.

Tuyến quốc tế	Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/ năm)	Tuyến nội địa	Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/ năm)
SGN-SIN .....	4.616	SGN-HAN .....	13.398
SGN-KUL .....	3.472	SGN-DAD .....	7.608
SGN-BKK .....	2.552	SGN-HUI .....	2.757
SGN-TPE .....	1.885	SGN-PQC .....	3.056
SGN-HKG .....	2.253	SGN-HPH .....	2.815

Về công suất hoạt động, Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất hoạt động 24 giờ trong ngày. Tài sản trọng yếu phục vụ cho hoạt động hạ cất cánh tại cảng là hệ thống hai đường băng song song 25R/07L có kích thước 3048m × 45,72m, sức chịu tải PCN 85 và 25L/07R kích thước 3800m × 45,72m, sức chịu tải PCN 63, được phủ bê tông polymer, cho phép khai thác thể hệ máy bay thân rộng Boeing 747-400. Khoảng cách giữa hai đường HCC trên đạt 365m. Cả hai đường HCC đều được trang bị hệ thống hạ cất cánh chính xác (Instrument Landing System – ILS CAT II) được sử dụng chủ yếu để trợ giúp phi công hạ cánh trong điều kiện thời tiết xấu.

#### Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài được thành lập năm 1977. Tại thời điểm đó, Cảng thuộc quyền quản lý của Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam thuộc Bộ Quốc phòng. Đến năm 1983, Cảng chuyển đổi mục đích sử dụng thành hoạt động dân sự. Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài là cảng đứng thứ hai về quy mô trong hệ thống cảng hàng không do ACV quản lý, chiếm lần lượt là 29,04% và 27,92% trong cơ cấu tổng lượt khách qua cảng của ACV năm 2013 và 2014. Trong vai trò là cảng trung tâm khu vực phía Bắc, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài hỗ trợ về thiết bị, nhân lực và đào tạo cho các cảng hàng không khác tại khu vực miền Bắc.

Khác với Cảng hàng không Tân Sơn Nhất, Nội Bài hiện đang được khai thác một phần cho mục đích quân sự, trong khi Tân Sơn Nhất chỉ có hoạt động quân sự của trực thăng do có sự hỗ trợ của sân bay Biên Hòa. Tuy nhiên, hoạt động khai thác quân sự tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài cũng như CHKQT Tân Sơn Nhất sẽ không có ảnh hưởng lớn đến hoạt động hàng không dân dụng.

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài nằm trong địa giới hành chính huyện Sóc Sơn, phía Bắc trung tâm thành phố Hà Nội. Đặc thù vị trí đã đem lại cho Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài thuận lợi và trọng trách là cửa ngõ hàng không của thủ đô Hà Nội – trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của cả nước. Đây cũng là địa điểm tập trung dân số lớn thứ hai toàn quốc (6,9 triệu người), thu nhập bình quân cao so với mặt bằng cả nước (75-77 triệu VND/người/năm), nhu cầu đi lại lớn. Đặc biệt, Nội Bài nằm trong khu vực có cơ sở hạ tầng được đầu tư đồng bộ đáp ứng nhu cầu đi lại của khách quốc tế và nội địa, là điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng của Cảng trong thời gian tới. Hệ thống kết nối giao thông trong những năm qua đã có sự đầu tư mới với những tuyến đường cao tốc Hà Nội – Lào Cai, Hà Nội – Thái Nguyên, Hà Nội – Hải Phòng, tăng cường kết nối giữa Hà Nội và các tỉnh lân cận, đưa Nội Bài trở thành một trung tâm vận chuyển đúng nghĩa trong hệ thống giao thông toàn quốc.

Trong năm 2012, 2013 và 2014, sản lượng hành khách qua cảng đạt 11,34; 12,82 và 14,19 triệu khách, tương ứng với tốc độ tăng trưởng 11,86%/năm. Về cơ cấu, trong năm 2014, khách quốc tế chiếm tỷ trọng 38,88% (5,5 triệu), khách nội địa chiếm tỷ trọng 61,12% (8,7 triệu). So với năm 2013, cơ cấu lượng khách quốc tế đã giảm do nhiều nguyên nhân xuất phát từ tình hình chính trị và kinh tế thế giới. Mục đích

qua cảng tại CHKQT Nội Bài tương đối đa dạng, bao gồm khách công vụ, khách du lịch và khách thăm thân nhân.

Hiện tại, Vietnam Airlines, VietJet Air và Jetstar Pacific là ba hãng hàng không chính khai thác các tuyến nội địa đi và đến Hà Nội, chủ yếu qua các đường bay trực kết nối Hà Nội – Sài Gòn, Hà Nội – Đà Nẵng. Trên các đường bay quốc tế đi và đến Hà Nội, Vietnam Airlines vẫn chiếm cơ cấu lớn nhất về tần suất khai thác, tiếp sau đó là VietJet Air, khai thác các tuyến Hà Nội – Bangkok, Hà Nội – Incheon, Hà Nội – Busan và Hà Nội - Siem Riệp. Danh sách 5 đường bay nội địa và quốc tế có tần suất khai thác cao nhất tại Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài được tổng hợp trong bảng sau:

Tuyến quốc tế	Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyên/năm)	Tuyến nội địa	Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyên/năm)
HAN-ICN .....	2.422	HAN-SGN .....	13.600
HAN-HKG .....	2.115	HAN-DAD .....	5.151
HAN-SIN .....	1.721	HAN-CXR .....	1.934
HAN-TPE .....	1.425	HAN-HUI .....	1.233
HAN-REP .....	1.402	HAN-DLI .....	971

Về công suất phục vụ, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài được khai thác 24/24 giờ. Hệ thống đường băng của Cảng bao gồm hai đường hạ cất cánh: Đường HCC 1A (kích thước 3.200m x 45m, kết cấu bê tông xi măng, năm 2014 được cải tạo thêm lớp phủ tăng mật bằng bê tông nhựa polymer) và đường hạ cất cánh 1B (kích thước 3.800m x 45m, kết cấu bê tông xi măng), có thiết bị hỗ trợ hạ cánh chính xác ILS. Hỗ trợ cho việc đưa máy bay tiếp cận hệ thống sân đỗ (apron) là 14 đường lăn, hệ số chịu tải từ PCN 54 đến PCN 65 (bao gồm: S1, S1A, S2, S3, S4, S5, S6A, S7, S1B, S1C, S7A, S1D và 02 đường lăn cao tốc đang chuẩn bị xây dựng vào tháng 4/2015). Hệ thống đường băng, đường lăn của cảng cho phép khai thác các máy bay ATR72, A320/321/330 và tương đương, Boeing 747 chở hàng và A380. Hệ thống sân đỗ máy bay hiện tại của cảng gồm có 56 vị trí đỗ máy bay và dự kiến mở thêm 06 vị trí đỗ nữa trong giai đoạn 2015-2020.

Diện tích khai thác trong nhà ga hiện đạt 257.316 m<sup>2</sup>, bao gồm nhà ga hành khách T1 và T1 mở rộng, diện tích 115.000 m<sup>2</sup>, công suất 15 triệu lượt khách/năm; nhà ga hành khách T2 có diện tích 139.216 m<sup>2</sup>, công suất 10 triệu lượt khách/năm (có thể mở rộng lên 15 triệu lượt khách/năm) và Nhà khách V.I.P có diện tích 3100 m<sup>2</sup>. Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài cũng là cảng vận chuyển và trung chuyển hàng hóa của miền Bắc Việt Nam.

Trong lộ trình mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, nhà ga T2 được khởi công xây dựng ngày 04/12/2011 và đi vào hoạt động ngày 31/12/2014. Nhà ga có công suất khai thác lên tới 10 triệu hành khách với 96 quầy check-in và quầy thủ tục hành lý. Trong thời gian tới, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam sẽ tiếp tục thi công hoàn thiện công trình sân đậu tại nhà ga với tổng mức đầu tư dự kiến 763 tỷ đồng, từ đó dần tiếp tục hoàn thiện năng lực khai thác. Việc đưa nhà ga hành khách T2 đi vào hoạt động cũng đồng nghĩa với việc năng lực tiếp nhận, diện tích khu thương mại và khu vực cho thuê trong cảng cũng có sự mở rộng tương ứng. Đồng thời, giá phục vụ hành khách đã được điều chỉnh phù hợp với các chi phí đầu tư, từ đó góp phần tăng trưởng doanh thu trong thời gian tới.

11 -  
 01 PH  
 04 KH  
 05 AN  
 06 T  
 07 NA  
 08 EM -

### **Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng**

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng được xây dựng từ những năm 1940 và là căn cứ không quân của quân đội Hoa Kỳ trước năm 1975. Sau năm 1975, Cảng được tiếp quản và chuyển sang sử dụng cho mục đích dân dụng trong những năm đầu thập niên 90. Năm 2008, Cảng được đầu tư xây dựng, tu bổ, và nhà ga quốc tế tại Cảng đi vào hoạt động trong năm 2011. Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng là cảng trung tâm của hệ thống cảng hàng không miền Trung. Tương tự như vai trò của các cảng hàng không trung tâm Tân Sơn Nhất và Nội Bài, Cảng thực hiện hỗ trợ các cảng khác trong hệ thống cảng hàng không miền Trung về kỹ thuật, nhân lực và đào tạo.

Cảng đứng thứ 3 trong số hệ thống cảng hàng không do ACV quản lý trên cơ sở lưu lượng khách và doanh thu. Cụ thể, Cảng Đà Nẵng đóng góp lần lượt 9,91% và 9,82% số lượt khách qua cảng của ACV trong các năm 2013 và 2014. Trong số 4,37 triệu lượt khách qua cảng năm 2013, cơ cấu khách nội địa-quốc tế lần lượt là 87,40% và 12,60%. Cơ cấu này đến nay đã có sự thay đổi theo đà phát triển mạnh mẽ của Đà Nẵng trong vai trò cảng hàng không quốc tế. Đến năm 2014, thành phần khách quốc tế tăng lên 17,80% và thành phần khách quốc nội giảm xuống còn 82,20% trong tổng số 4,99 triệu khách qua cảng.

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng nằm ở quận Hải Châu, cách trung tâm thành phố Đà Nẵng 3 km về phía Đông Nam. Đà Nẵng là một trong 15 đô thị loại I, và là 1 trong 5 thành phố trực thuộc trung ương, đóng vai trò trọng yếu cả về kinh tế xã hội và quốc phòng - an ninh. Là một trong những thành phố trọng điểm của chính sách đầu tư công, hệ thống hạ tầng của Đà Nẵng trong thời kỳ 2009 – 2014 đã nhận được sự quan tâm của chính phủ, đưa chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của Đà Nẵng đứng đầu cả nước trong năm 2013. Đà Nẵng là thành phố du lịch điển hình, hệ thống bãi biển và dịch vụ lữ hành là động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng, và dự kiến lượng khách du lịch sẽ tăng từ 1-3 triệu khách trong năm 2015 và sẽ hoạt động tối đa công suất và phục vụ khoảng 6 – 7 triệu hành khách trong giai đoạn 2016 – 2020.

Hiện Chi nhánh đang cung cấp dịch vụ cho 15 hãng hàng không. Trong đó, trên các đường bay nội địa, Vietnam Airlines và Vietjet khai thác các tuyến trực DAD-HAN, DAD-SGN và các đường bay đến các địa phương. Các đường bay quốc tế hiện đang được khai thác bởi 11 hãng hàng không trên các tuyến bay DAD-ICN, DAD-HKG, DAD-SIN. Trong năm 2015, dự kiến sẽ có thêm hãng Hongkong Express Airways mở tuyến HKG-DAD với tần suất 03 tuyến/tuần và hãng Air Busan mở tuyến PUS-DAD với tần suất 02 chuyến/tuần.

Danh sách các đường bay nội địa và quốc tế có tần suất khai thác cao nhất tại Cảng được tổng hợp trong bảng sau:

Tuyến quốc tế	Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/năm)	Tuyến nội địa	Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/năm)
DAD – ICN .....	543	DAD – SGN .....	9080
DAD – Trung Quốc .....	695	DAD – HAN .....	5375
DAD – SIN .....	183	DAD – CXR .....	733
DAD – HKG .....	157	DAD – BMV .....	682
DAD – MFM .....	662	DAD – DLI .....	1152
DAD-NRT .....	102	DAD – VCA .....	150
DAD-REP .....	364		

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng đang được khai thác 24/24 tiếng. Cảng hiện đang duy trì khai thác hai đường băng: đường hạ cất cánh 35R có kích thước 3500m × 45m và đường hạ cất cánh 35L kích thước 3048m × 45m. Cảng sử dụng 18 đường lăn và 16 vị trí đỗ (đã bao gồm 2 vị trí đỗ cho công tác khẩn nguy). Hệ thống cơ sở đường băng, đường lăn và sân đỗ cho phép khai thác thường xuyên các máy bay A321 và Boeing 777 tương đương trở xuống. Diện tích đất trong nhà ga quốc tế đạt 14.338 m<sup>2</sup>, diện tích khu vực nhà ga quốc nội đạt 7.730 m<sup>2</sup>. Cảng cũng là đơn vị vận chuyển và trung chuyển hàng hóa, với khối lượng vận tải năm 2014 đạt 15.731 tấn.

### c. Một số chi nhánh cấp II tiêu biểu

#### Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh tọa lạc ở trung tâm bán đảo Cam Ranh, thuộc địa giới thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Sau thời kỳ khai thác quân sự trong giai đoạn 1975-2002, Cảng được chuyển đổi sang khai thác dân sự vào năm 2004, kế thừa và thay thế vai trò của Sân bay Nha Trang.

Với doanh thu năm 2014 đạt 285 tỷ đồng, Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh đứng thứ 4 trong các cảng hàng không do ACV quản lý về doanh thu và lưu lượng hành khách. Số lượt khách qua cảng trong năm 2013 và 2014 chiếm lần lượt 3,42% và 4,06% tổng lưu lượng khách của ACV.

Sản lượng khách qua Cảng hiện tại vẫn chủ yếu bắt nguồn từ các chuyến bay quốc nội. Cụ thể, số lượt khách qua cảng năm 2013 đạt 1,50 triệu, trong đó 24,26% là khách quốc tế và 75,73% là khách quốc nội. Trong năm 2014, cảng đã có tốc độ tăng trưởng nhanh đến từ nguồn khách quốc tế. Số lượt khách qua cảng đạt 2,06 triệu, tương đương với tốc độ tăng trưởng 36,67% so với năm 2013, trong đó tăng trưởng khách quốc tế đạt mức 59,80%, tăng trưởng khách nội địa đạt 29,25%.

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh cách thành phố Nha Trang 35km về phía Bắc, cách thành phố Cam Ranh 10km về phía Nam. Hiện nay, CHKQT Cam Ranh là cảng hàng không dân sự chính phục vụ cho tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh cực Nam Trung Bộ.

Nha Trang là thành phố du lịch với hệ thống bãi biển dài, vùng vịnh với hệ thống đa dạng sinh học cao và nhiều đảo, hòn là thắng cảnh nổi tiếng. Điều này khiến cho Nha Trang là một trong những địa điểm du lịch được ưa chuộng nhất tại Việt Nam, và cũng sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, đặc biệt là vào mùa du lịch.

Chi nhánh đang cung cấp dịch vụ cho 10 hãng hàng không, trong đó bao gồm 03 hãng hàng không nội địa là Vietnam Airlines, Jetstar Pacific và Vietjet Air. Các tuyến nội địa được khai thác mạnh bởi các hãng hàng không trong nước bao gồm: Cam Ranh - Hà Nội - Cam Ranh; Cam Ranh - Đà Nẵng - Cam Ranh, và Cam Ranh - Hồ Chí Minh - Cam Ranh. Các chuyến quốc tế bay thẳng đến cảng hiện tại do 07 hãng hàng không quốc tế (IKAR Air, Nordwind Airlines, Pegas Airlines, Azu Air, Utair, Tranaero Airlines, Korean Air) khai thác trên các tuyến từ Cam Ranh - các thành phố lớn thuộc Nga - Cam Ranh; từ Cam Ranh - các thành phố lớn thuộc Hàn Quốc - Cam Ranh. Ngoài ra còn một số hãng hàng không quốc tế khai thác các tuyến bay theo mùa từ Cam Ranh – các thành phố lớn thuộc Trung quốc – Cam Ranh như Asiana Airlines, China Southern Airlines và Sichuan Airlines. Tổng hợp tần suất khai thác của các đường bay trọng điểm đi và đến Chi nhánh được tóm lược như sau:

<b>Tuyến quốc tế</b>	<b>Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/ năm)</b>	<b>Tuyến nội địa</b>	<b>Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/ năm)</b>
CXR - các TP Nga .....	1.169	CXR – HAN.....	1.940
CXR - Incheon .....	149	CXR – SGN.....	2.714
		CXR – DAD .....	503

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh đang cung cấp dịch vụ 24/24 tiếng. Phục vụ cho hoạt động hạ cất cánh là đường hạ cất cánh 02/20 có kích thước 3.048m × 45m, sức chịu tải PCN 47/R/B/X/T, đủ năng lực phục vụ Boeing 767/777, Airbus-330 và tương đương. Cảng hiện sử dụng 10 sân đỗ máy bay phục vụ cho hoạt động đậu đỗ. Nhà ga của cảng có công suất tối đa 1,5 triệu khách/năm, công suất giờ cao điểm là 800 khách/giờ.

#### **Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc**

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc là cửa ngõ thông thương của đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và khu vực biên giới biển đảo phía Nam. Do đó, Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của tỉnh Kiên Giang và vùng biển đảo phía Nam Việt Nam. Sau thời kỳ phục vụ cho mục đích quân sự, nhà ga Cảng hàng không Phú Quốc và một số công trình phụ trợ được xây dựng vào năm 1994-1995, đưa Cảng vào thời kỳ khai thác dân sự.

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc xếp thứ 5 trong hệ thống cảng hàng không của ACV quản lý về doanh thu, đóng góp lần lượt 0,7% và 1,21% tổng doanh thu của ACV trong các năm 2013 và 2014. Cảng Phú Quốc là một trong những Cảng hàng không Quốc tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất của ACV trong những năm trở lại đây – chỉ tính riêng năm 2014 doanh thu cảng đạt 99 tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với năm trước đó.

Phú Quốc nằm trong vịnh Thái Lan cách thành phố Rạch Giá 120km, cách thị xã Hà Tiên 45km, là hòn đảo lớn nhất Việt Nam. Phú Quốc cùng với 22 đảo nhỏ xung quanh tạo thành huyện đảo Phú Quốc, trực thuộc tỉnh Kiên Giang, diện tích khoảng 593 km<sup>2</sup>. Phú Quốc là huyện đảo có dân số lớn nhất trong 12 huyện đảo của nước Việt Nam, có lợi thế phát triển du lịch quần thể sinh thái – biển – đảo rất đa dạng. Chính quyền địa phương tỉnh Kiên Giang cũng đã triển khai nhiều giải pháp thu hút đầu tư vào Phú Quốc, đơn giản hóa thủ tục, đẩy nhanh tiến độ thi công hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ cho hoạt động du lịch và thương mại trên đảo.

Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc đang được kết nối với thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, thành phố Cần Thơ và thành phố Rạch Giá bằng các tuyến bay nội địa khai thác bởi VASCO, Vietnam Airlines, Jetstar Pacific và VietJet Air. Một số tuyến bay quốc tế thường xuyên đến Phú Quốc bao gồm Phú Quốc – Siêm Riệp và Phú Quốc - Singapore. Tần suất khai thác các tuyến bay nội địa và quốc tế trọng yếu tại cảng như sau:

<u>Tuyến quốc tế</u>	<u>Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyển/ năm)</u>	<u>Tuyến nội địa</u>	<u>Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyển/ năm)</u>
PQC-REP .....	12	PQC-SGN .....	6.091
PQC-SIN .....	34	PQC-HAN .....	1.344
		PQC-VCA .....	733
		PQC-VKG .....	63

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc có năng lực cung cấp dịch vụ 24/24, sử dụng đường hạ cất cánh 10-28 có kích thước 3.000mx45m, phủ bê tông polymer dày 7cm, hệ số chịu tải PCN 69, có khả năng đáp ứng cho các tàu bay loại B747-400 và các tàu bay tương đương trở xuống. Cảng khai thác 8 vị trí đậu cho máy bay A320- A321 với diện tích 39.400 m<sup>2</sup>. Nhà ga hành khách tại cảng có diện tích 24.325 m<sup>2</sup>, công suất phục vụ 2,65 triệu khách/năm.

#### **Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài**

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài có vị trí, vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế, là cầu nối giữa khu vực Bắc miền Trung với các miền trong nước và quốc tế. Cảng được xây dựng trong thời kỳ Pháp thuộc vào năm 1940. Sau thời kỳ phục vụ mục đích khai thác hỗn hợp dân sự - quân sự trong giai đoạn thập kỷ 1970-1980, ngày 25/4/1994 Thủ tướng Chính phủ ký quyết định 191/TTg phê duyệt phương án cải tạo, nâng khả năng tiếp nhận các loại máy bay của sân bay Phú Bài. Ngày 29/8/2007 Bộ trưởng Bộ GTVT quyết định Cảng hàng không Phú Bài là Cảng hàng không Quốc tế, đưa Cảng trở thành Cảng hàng không Quốc tế thứ 4 của cả nước.

Năm 2014 là năm đánh dấu bước ngoặt tăng trưởng của Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài trong hệ thống cảng hàng không của ACV. Sau 6 tháng tạm đóng cửa để sửa chữa nâng cấp trong năm 2013, cảng Phú Bài vươn lên vị trí thứ 6 trong cơ cấu doanh thu của ACV với tổng doanh thu đạt 86,14 tỷ đồng.

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài nằm bên Quốc lộ 1A, trong địa giới hành chính thuộc thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế, đối diện với nhà ga Phú Bài, cách trung tâm thành phố Huế 13 km (khoảng 20 phút đi ô tô) về phía Đông Nam. Thành phố Huế là đô thị loại I, đóng vai trò là trung tâm văn hoá, chính trị, giáo dục, du lịch của miền Trung. Thuận Hóa - Phú Xuân - Huế có quá trình lịch sử phát triển khoảng gần 7 thế kỷ trong lịch sử Việt Nam cận đại, tạo lập cho thành phố một quần thể kiến trúc, mỹ thuật, âm nhạc, ẩm thực, tôn giáo và lễ hội đặc sắc với hệ thống di sản vật thể - văn hóa được UNESCO ghi nhận. Các yếu tố trên khiến Huế hiện nay là thành phố du lịch văn hóa điển hình của Việt Nam.

Hiện tại, Chi nhánh Cảng HKQT Phú Bài đang cung cấp dịch vụ cho các hãng hàng không Vietnam Airlines, Vietjet Air và Jetstar Pacific khai thác 26 lượt chuyến bay/ngày, bao gồm các đường bay khứ hồi HAN-HUI, SGN-HUI. Tổng hợp tần suất bay khai thác của các tuyến bay qua cảng trọng yếu như sau:



**Tuyến nội địa****Tần suất khai thác năm  
2014 (lần chuyến/ năm)**

HUI-HAN .....	1.230
HUI-SGN .....	2.755

Chi nhánh Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài có năng lực khai thác 24/24 giờ, sử dụng 1 đường cất cánh Đông – Tây 09/27, kích thước 2700mx45m, kết cấu bê tông nhựa Polimer 12,5 dày 7cm, chỉ số PCN 55, đủ khả năng phục vụ các máy bay A321, A320, ATR 72, F70 và các tàu bay khác có trọng tải tương đương. Hệ thống sân đậu tại cảng có 4 vị trí đỗ, giờ cao điểm phục vụ được 03 chuyến bay. Diện tích nhà ga đang khai thác là 4.563 m<sup>2</sup>, đảm bảo khai thác 800 khách/giờ cao điểm và 1,5 triệu hành khách/năm.

Đợt sửa chữa, nâng cấp lớn trong năm 2013 đã mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ của Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài, đáp ứng yêu cầu hạ tầng đồng bộ, phục vụ nhu cầu đi lại của hành khách, phù hợp với định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đã được phê duyệt trong kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ<sup>23</sup>. Bên cạnh công suất được tăng gần gấp đôi từ 800.000 lượt khách/năm lên công suất hiện tại, các hạng mục khác như quầy check-in, máy soi hành lý, cổng kiểm tra an ninh, cửa ra máy bay, nhà chờ taxi, đường giao thông, đèn chiếu sáng và nhiều hệ thống phụ trợ khác đều được trang bị, xây mới hoặc nâng cấp gần như toàn bộ. Các cửa hàng, quầy dịch vụ đều được quy hoạch lại, đảm bảo tiện lợi hơn cho hành khách trong quá trình sử dụng. Phục vụ cho nhu cầu đi lại và du lịch văn hóa, Phú Bài sẽ tiếp tục có nhiều cơ hội để phát triển kiến trúc hạ tầng xứng tầm với tiềm năng khai thác.

**Chi nhánh Cảng hàng không Vinh**

Cảng hàng không Vinh do Pháp xây dựng từ năm 1937 với đường HCC 1400m x 30 bằng đất nện. Năm 1940, quân đội Nhật trong thời gian chiếm đóng Đông Dương đã tu bổ lại sân bay, kéo dài đường HCC thêm 400m. Năm 1954 miền Bắc được giải phóng, Cảng hàng không Vinh là sân bay dã chiến của Không quân Việt Nam do Bộ Quốc phòng quản lý. Cảng đã trải qua quá trình đầu tư, nâng cấp, mở rộng trong các năm 1978, 1993, 2003 và 2013, dần đưa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của Cảng đạt tiêu chuẩn cấp 4C. Năm 2014, Cảng mang lại 52,5 tỷ doanh thu cho Tổng công ty, tương đương với 0,44% trong cơ cấu doanh thu, đứng thứ 7 trong toàn hệ thống cảng hàng không Việt Nam.

Chi nhánh Cảng hàng không Vinh nằm trong địa giới hành chính thuộc xã Nghi Liên thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, phía Bắc giáp xã Nghi Trung và Nghi Trường, phía Nam giáp xã Nghi Phú, phía Đông giáp xã Nghi Ân, phía Tây giáp xã Nghi Liên và đường quốc lộ 1A xuyên quốc gia, cạnh đường sắt Thống Nhất Bắc – Nam, cách bãi biển Cửa Lò 14km. Thành phố Vinh là trung tâm kinh tế, thương mại của khu vực Bắc Trung bộ, gần khu di tích lịch sử Kim Liên và khu du lịch sinh thái Vườn Quốc gia Pù-Mát.

Hiện nay, tại Cảng hàng không Vinh, các hãng hàng không Vietnam Airlines, Vietjet Air và Jestar Pacific đang khai thác bình quân 26 lượt chuyến bay/ngày trên 05 đường bay nội địa và 01 đường bay quốc tế. Trong đó, Vietnam Airlines đang khai thác 4 đường bay khứ hồi Hà Nội-Vinh-Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh-Vinh-Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng-Vinh-Đà Nẵng và Vinh-Vientiane (Lào)-Vinh; Vietjet Air đang khai thác các đường bay khứ hồi thành phố Hồ Chí Minh-Vinh-thành phố Hồ Chí Minh và Vinh-

<sup>23</sup> Quyết định 86/2009/QĐ-TTg, ngày 17/6/2009

Đà Lạt-Vinh; Jestar Pacific đang khai thác đường bay khứ hồi thành phố Hồ Chí Minh-Vinh-thành phố Hồ Chí Minh, Buôn Ma Thuột-Vinh-Buôn Ma Thuột.

Tần suất khai thác của một số đường bay trọng yếu tại Cảng được tổng hợp trong bảng sau:

<u>Tuyến quốc tế</u>	<u>Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/năm)</u>	<u>Tuyến nội địa</u>	<u>Tần suất khai thác năm 2014 (lần chuyến/năm)</u>
VII-VTE .....	129	VII-SGN .....	2.911
		VII-HAN .....	594
		VII-DAD .....	344
		VII-DLI .....	204
		VII-BMV .....	177

Cảng hàng không Vinh đang khai thác đường hạ cất cánh 17/35, có kích thước 2400m x 45m phủ bê tông nhựa, đạt chỉ số PCN 48, đáp ứng phục vụ các loại tàu bay A320, A321, B737-400 và tương đương. Sân đỗ tàu bay rộng 35.567 m<sup>2</sup>, gồm 7 chỗ đỗ với năng lực khai thác từ 3 đến 4 chuyến/giờ cao điểm. Sau dự án đầu tư mở rộng năm 2013, nhà ga hành khách mới tại Cảng đã được khánh thành và đưa vào sử dụng từ ngày 31/01/2015. Nhà ga được thiết kế theo mô hình 2 cao trình đi và đến tách biệt, tổng diện tích sàn 11.706 m<sup>2</sup>, đáp ứng 1.000 hành khách giờ cao điểm, công suất khai thác 2 triệu hành khách/năm, với trang thiết bị hiện đại, gồm 28 quầy làm thủ tục hàng không, 04 cửa ra máy bay, 04 băng chuyền hành lý đi/đến và các khu dịch vụ, thương mại. Các công trình của nhà ga được kết nối với nhau tạo thành hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hoàn chỉnh và đồng bộ.

#### 4.1.2 Giá trị sổ sách của tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 30/06/2014

	<u>Giá trị (đồng)</u>
<b>Tổng tài sản</b> .....	35.562.158.701.996
Tài sản dài hạn .....	19.587.989.108.878
Tài sản cố định <sup>24</sup> .....	17.635.861.738.476
Tài sản cố định hữu hình .....	8.011.242.731.064
Tài sản cố định vô hình .....	53.276.838.136
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang .....	9.571.342.169.276
Tài sản dài hạn khác .....	333.669.989.309
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn .....	1.618.457.381.093
Tài sản ngắn hạn .....	15.974.169.593.118
Tiền .....	1.675.540.014.431
Tiền mặt tại quỹ .....	7.923.501.980
Tiền gửi ngân hàng .....	1.667.616.512.451
Đầu tư tài chính ngắn hạn .....	10.043.556.407.511
Các khoản phải thu ngắn hạn .....	3.539.260.791.407

<sup>24</sup> Đã bao gồm tài sản trong khu bay được tách ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

	<u>Giá trị</u>
	<u>(đồng)</u>
Hàng tồn kho . . . . .	260.291.082.146
Tài sản ngắn hạn khác . . . . .	455.521.297.623

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 30/06/2014, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam*

Tại thời điểm 30/06/2014, tài sản cố định của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam được kiểm kê phân loại thành tài sản cố định phục vụ cho hoạt động hạ cất cánh (tài sản trong khu bay) và tài sản cố định không phục vụ cho hoạt động hạ cất cánh (tài sản ngoài khu bay). Trong đó, tài sản trong khu bay không được tính vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị sổ sách của tài sản trong khu bay là 1.914 tỷ đồng, giá trị sổ sách của tài sản ngoài khu bay là 6.147 tỷ đồng.

#### **4.2. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp**

##### **4.2.1 Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

Theo Công văn số 6757/BGTVT-QLDN ngày 10/06/2014 của Bộ Giao thông Vận tải, điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – ACV là 24h00 ngày 30/06/2014.

##### **4.2.2 Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp**

Theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp có thể áp dụng để thực hiện gồm: Phương pháp tài sản, phương pháp dòng tiền chiết khấu và các phương pháp khác. Theo đó, đơn vị tư vấn đã áp dụng phương pháp tài sản để thực hiện xác định GTDN của ACV

##### **4.2.3 Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Bộ GTVT đã ban hành Quyết định số 5114/QĐ-BGTVT về giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam. Theo đó, giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam để cổ phần hóa như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa là 37.919.024.900.322 đồng (ba mươi bảy nghìn, chín trăm mười chín tỷ, không trăm hai mươi tư triệu, chín trăm nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng). Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là 20.769.430.102.226 đồng (hai mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi chín tỷ, bốn trăm ba mươi triệu, một trăm lẻ hai nghìn, hai trăm hai mươi sáu đồng).

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ - Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam nêu trên không bao gồm giá trị các tài sản trong khu bay có tổng trị giá **1.914.500.092.169** đồng.

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp được tổng hợp trong bảng sau:

Chỉ tiêu	Số liệu	Số liệu	Chênh lệch
	sổ sách kế toán	xác định lại	
	(tỷ đồng)		
<b>A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)<sup>25</sup></b>	<b>35.284</b>	<b>39.834</b>	<b>4.549</b>
I. Tài sản dài hạn	19.583	23.793	4.211
1. Tài sản cố định	8.059	12.338	4.279
a. Tài sản cố định hữu hình	8.008	12.288	4.279
b. Tài sản cố định vô hình (chưa gồm giá trị quyền sử dụng đất)	51	51	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.618	1.640	21
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.571	9.571	-
4. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	43	91	47
5. Tài sản dài hạn khác	290	153	(137)
II. Tài sản ngắn hạn	15.700	15.999	299
1. Tiền	1.676	1.676	-
a. Tiền mặt tồn quỹ	8	8	-
b. Tiền gửi ngân hàng	1.668	1.668	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.044	10.044	-
3. Các khoản phải thu	3.267	3.566	299
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	258	258	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	456	456	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh	-	42	42
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	2	-	(2)
<b>B. Tài sản không cần dùng</b>	<b>272</b>	<b>272</b>	<b>-</b>
I Tài sản ngắn hạn	272	272	-
1. Công nợ không có khả năng thu hồi	272	272	-
<b>C. Tài sản chờ thanh lý, bàn giao</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định chờ thanh lý	1	1	-
2. Tài sản cố định chờ bàn giao	-	-	-
3. Hàng tồn kho	2	2	-
<b>D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (không sử dụng cho sản xuất kinh doanh)</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>-</b>
<b>Tổng giá trị tài sản của Doanh Nghiệp (A+ B+ C+ D)</b>	<b>35.562</b>	<b>40.111</b>	<b>4.549</b>
<i>Trong đó: Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp</i>	<i>35.284</i>	<i>39.834</i>	<i>4.549</i>
E1. Nợ thực tế phải trả (không bao gồm quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ)	18.027	17.150	(877)
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	1	-	(1)
<b>Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp {A- (E1+E2)}</b>	<b>17.257</b>	<b>22.684</b>	<b>5.427</b>
Giá trị các tài sản trong khu bay không cổ phần hóa	1.915	1.915	-
<b>Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp để cổ phần hóa</b>	<b>15.342</b>	<b>20.769</b>	<b>5.427</b>

#### 4.2.4 Tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp

Theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 192/2014/DV.ĐG-AASC.KT7 ngày 23 tháng 12 năm 2014, tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán tại ngày 30/06/2014) có giá trị 275.521.499.215 đồng, bao gồm:

Hạng mục	Giá trị
Công nợ loại trừ tại ALC2. ....	272.400.000.000 đồng
Tài sản chờ thanh lý . . . . .	3.121.499.215 đồng
Tài sản chờ bàn giao <sup>26</sup> . . . . .	-

#### 4.3. Thực trạng sử dụng đất

Hiện nay, ACV đang quản lý 59 cơ sở đất với diện tích là 3.104,68 ha, được phân loại như sau:<sup>27</sup>

*Các khu đất bên ngoài khu vực sân bay:* 35 cơ sở đất, với tổng diện tích 13,67 ha, trong đó:

- Đất được nhà nước cho đơn vị thuê trả tiền hàng năm: 21 địa điểm (*Trung tâm giao dịch hàng không, nhà nghỉ, phòng vé, nhà xưởng, trung tâm đào tạo huấn luyện...*), diện tích 5,39 ha
- Đất được nhà nước giao sử dụng không thu tiền sử dụng đất: 14 cơ sở đất (có vị trí ngoài khu vực cảng hàng không, sân bay nhưng nằm trong bản đồ quy hoạch sân bay bao gồm các dải dẫn đường bay K1,K2, các công trình vệt đèn tín hiệu phục vụ HCC), diện tích 8,28 ha

*Các khu đất bên trong khu vực sân bay gồm:* 24 cơ sở đất, diện tích 3.091,02 ha, trong đó:

- Đất sử dụng trả tiền thuê đất hàng năm (*nhà ga HK, bến bãi...*): 196,54 ha
- Đất được giao sử dụng không thu tiền (*trong khu bay*) : 2.892,47 ha
- Đất sẽ hoàn trả lại cho địa phương (*sân bay Nha Trang, địa điểm cũ trong thành phố Nha Trang*): 2,01 ha

Phần lớn diện tích đất ngoài khu vực sân bay là thuê dài hạn (50 năm) của Nhà nước trả tiền thuê hàng năm, số còn lại bên ngoài khu vực sân bay đa phần là đất phục vụ cho công tác hàng không được Nhà nước giao đất và không thu tiền sử dụng đất.

<sup>25</sup> Bao gồm tài sản trong và ngoài khu bay

<sup>26</sup> Bao gồm xưởng bảo dưỡng kỹ thuật; nhà ở và làm việc đại đội kỹ thuật; nhà ăn phi công sẽ bàn giao cho Sở Công an tỉnh Khánh Hòa

<sup>27</sup> Từ thời điểm đệ trình Phương án Cổ phần hóa đến thời điểm công bố thông tin, ACV đã chuyển giao 01 lô đất tại CHK Liên Khương có diện tích 8.836,1 m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Thửa 258, 333, 350, tờ bản đồ số 26 (năm 2007), thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng cho UBND huyện Đức Trọng quản lý theo QĐ số 491/QĐ-UBND ngày 14/02/2015 của UBND Tỉnh Lâm Đồng.

Đối với đất trong khu vực sân bay, ngoài các công trình phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm nhà ga hành khách, các công trình phụ trợ, sân đỗ xe khách, các công trình phục vụ mặt đất (nhà để xe, thiết bị phục vụ mặt đất) được cơ quan quản lý Nhà nước theo thẩm quyền chức năng (Cảng vụ Hàng không) ký hợp đồng cho thuê đất và thu tiền thuê hàng năm. Phần diện tích đất trong khu bay sẽ thuộc quyền quản lý của Bộ Giao thông Vận tải và ACV sẽ được giao quyền khai thác các công trình, tài sản phục vụ công ích trong khu vực này như đường hạ cất cánh, đường lăn sân đỗ, các công trình phục vụ an ninh an toàn hàng không, các công trình phụ trợ phục vụ công ích (trạm điện, nước, khí tượng, đèn tín hiệu, thiết bị HCC, quan trắc khí tượng, nhà xe cứu hỏa...). Toàn bộ phần diện tích đất giao và cho thuê khu vực trong sân bay được thực hiện căn cứ theo Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; và thông tư 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/06/2010 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay của Bộ Giao thông Vận tải.

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100

## PHẦN 5. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

### 1. GIỚI THIỆU VỀ DOANH NGHIỆP HÌNH THÀNH SAU CỔ PHẦN HÓA

#### 1.1. Tên gọi và các thông tin cơ bản

Tên Tiếng Việt .....	Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP
Loại hình công ty .....	Công ty cổ phần
Tên Tiếng Anh .....	Airports Corporation of Vietnam
Tên viết tắt .....	ACV
Trụ sở chính .....	58 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại .....	(84.8) 38485383
Website .....	<a href="http://www.vietnamairport.vn/">http://www.vietnamairport.vn/</a>
Mã số thuế .....	0311638525
Biểu trưng (logo) .....	



#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

##### 1.2.1 Cơ cấu doanh thu

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của ACV sau cổ phần hóa dự kiến như sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay; Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không & sân bay; Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng), và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ hàng không, dịch vụ công cộng khác tại các cảng hàng không sân bay;
- Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;
- Xây dựng, tư vấn xây dựng, sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các công trình xây dựng, các trang thiết bị, điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng.



### 1.3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Căn cứ các quy định pháp lý hiện hành, Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở đánh giá nhu cầu vốn đầu tư mở rộng, nâng cấp các dự án cảng hàng không hiện có và năng lực tự tài trợ vốn từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần, Tổng công ty dự kiến sẽ phát hành thêm để huy động khoảng 1.662 tỷ đồng nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư.

#### 1.3.1 Quy mô vốn điều lệ

Chỉ tiêu	Giá trị theo mệnh giá
Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước cổ phần hóa . . . . .	20.769.430.102.226 đồng
Giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước cổ phần hóa (làm tròn lên) .	20.769.430.110.000 đồng
Quy mô phát hành thêm . . . . .	1.661.554.930.000 đồng
Vốn điều lệ lần đầu . . . . .	22.430.985.040.000 đồng
Mệnh giá một cổ phần . . . . .	10.000 đồng/cổ phần
Số lượng cổ phần . . . . .	2.243.098.504 cổ phần

*Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam*

#### 1.3.2 Cơ cấu sở hữu dự kiến trong vốn điều lệ

Quy mô và cơ cấu vốn điều lệ dự kiến lần đầu được thể hiện trong bảng sau:

Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
Nhà nước . . . . .	1.682.323.878	16.823.238.780.000	75,00%
CBCNV . . . . .	31.347.800	313.478.000.000	1,40%
<i>Cổ phần chào bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên công tác . . . . .</i>	<i>9.220.000</i>	<i>92.200.000.000</i>	<i>0,41%</i>
<i>Cổ phần chào bán ưu đãi cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần . . . . .</i>	<i>22.127.800</i>	<i>221.278.000.000</i>	<i>0,99%</i>
Cổ phần chào bán ưu đãi cho Tổ chức công đoàn . . . . .	3.003.003	30.030.030.000	0,13%
Cổ phần chào bán cho nhà đầu tư chiến lược . . . . .	448.619.701	4.486.197.010.000	20,00%
Cổ phần chào bán đầu giá công khai . . . . .	77.804.122	778.041.220.000	3,47%
<b>Tổng cộng . . . . .</b>	<b>2.243.098.504</b>	<b>22.430.985.040.000</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: Phương án Cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam*

#### 1.3.3 Đặc điểm của cổ phần

Tất cả cổ phần của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam – Công ty cổ phần tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của điều lệ Tổng công ty sau cổ phần hóa và các văn bản pháp luật khác có liên quan.





#### **1.4. Mô hình tổ chức hoạt động dự kiến**

Sau cổ phần hóa Tổng công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty dự kiến như sau:

##### **1.4.1 Đại hội cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền.

##### **1.4.2 Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý ACV, có toàn quyền nhân danh ACV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ACV không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có tối thiểu là 05 thành viên và không quá 07 thành viên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên không điều hành và thành viên độc lập, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng Cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc của ACV. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ

##### **1.4.3 Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành ACV,

thực trạng tài chính của ACV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu, trong đó có hơn một nửa tổng số thành viên thường trú tại Việt Nam. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của ACV và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của ACV.

Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **1.4.4 Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc**

Tổng Giám đốc (TGD) là người điều hành hoạt động hàng ngày của ACV.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của ACV và về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

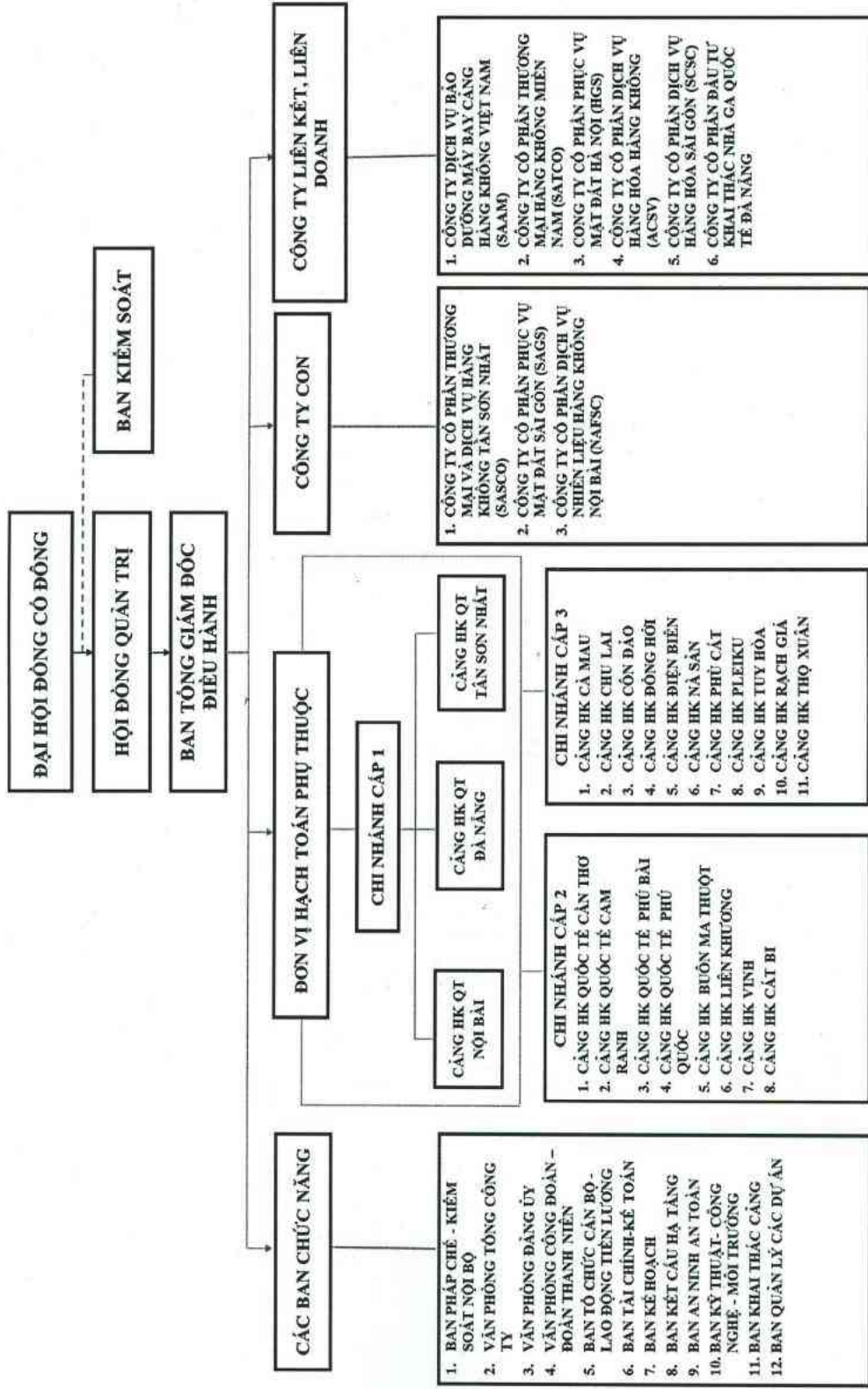
Bộ máy giúp việc của TGD bao gồm các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc TGD trong quản lý, điều hành công việc.

H  
K  
G  
T  
N  
1  
1

### 1.4.5 Bộ máy tổ chức

Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của ACV bao gồm: Văn phòng Tổng công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh với 12 ban tham mưu; 22 chi nhánh cảng hàng không, và các công ty con và công ty liên kết trong đó ACV góp vốn.

Với phương án tổ chức như trên, sơ đồ cơ cấu tổ chức của ACV sau có phần hóa dự kiến như sau:



### 1.5. Danh sách công ty con của ACV

Tại thời điểm 30/06/2015, ACV sở hữu trực tiếp 04 công ty con cùng hoạt động trong các lĩnh vực dịch vụ liên quan tới ngành Hàng không. Danh sách các công ty con của ACV cùng thông tin sơ lược về tỷ lệ sở hữu và lĩnh vực kinh doanh được thể hiện trong bảng dưới đây:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của ACV	Tỷ lệ biểu quyết của ACV	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>					
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	670,65	51,00%	51,00%	Dịch vụ thương mại mặt đất tại sân bay
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, P.2, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	78,00	55,51%	55,51%	Dịch vụ phục vụ mặt đất tại sân bay
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Sân bay Quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội	60,00	60,00%	60,00%	Cung cấp nhiên liệu hàng không
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Cam Ranh	Số 1 Mê Linh, P. Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam	5,10	51,00%	51,00%	Dịch vụ thương mại mặt đất tại sân bay

### 1.6. Danh sách công ty liên kết của ACV

Tại thời điểm 30/06/2015), ACV đầu tư trực tiếp vào 05 công ty liên kết và đầu tư dài hạn vào 01 đơn vị khác. Danh sách các công ty ACV liên kết sở hữu trực tiếp của ACV cùng thông tin sơ lược về tỷ lệ sở hữu và lĩnh vực kinh doanh được thể hiện trong bảng dưới đây:

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Giá trị đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của ACV	Tỷ lệ biểu quyết của ACV	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
<b>Các công ty liên kết sở hữu trực tiếp</b>					
Công ty TNHH Dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam	Phòng 401, Tòa nhà SCSC, 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	15,30	51,00%	50,00% <sup>28</sup>	Bảo dưỡng máy bay
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	112B Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	4,93	29,53%	29,53%	Sản xuất nước uống đóng chai
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	1A Hồng Hà - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP Hồ Chí Minh.	13,05	30,00%	30,00%	Vận tải hành khách đường bộ
Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Hà Nội	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	30,00	20,00%	20,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không (Phục vụ mặt đất)
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa hàng không	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội	50,00	20,00%	20,00%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
<b>Đầu tư dài hạn</b>					
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Tòa nhà SCSC, 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	75,00	15,63%	15,63%	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

<sup>28</sup> Tỷ lệ biểu quyết dựa trên thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn

### **1.7. Góp vốn đầu tư dài hạn từ thời điểm 30/06/2015 đến thời điểm công bố thông tin**

Ngày 09/07/2015, Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng (AHT) được thành lập với tổng vốn điều lệ 300.000.000.000 đồng, trong đó ACV tham gia góp 10% vốn điều lệ. Công ty sẽ thực hiện đầu tư xây dựng, khai thác Nhà ga hành khách Quốc tế tại Cảng HKQT Đà Nẵng. Dự kiến Nhà ga hành khách quốc tế hoàn thành và công ty bắt đầu có doanh thu trong Quý IV/2017.

Dự kiến ACV sẽ tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Bay kiểm tra hiệu chuẩn hàng không Việt Nam với tổng mức vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó ACV tham gia dưới 30% vốn điều lệ. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là cung cấp dịch vụ bay kiểm tra hiệu chuẩn các thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không, bay kiểm tra đánh giá phương thức dẫn đường theo tính năng PBN. Dự kiến công ty được thành lập vào quý IV/2015.

### **1.8. Thoái vốn tại các công ty con, công ty liên kết từ thời điểm 30/06/2015 đến thời điểm công bố thông tin**

Theo Công văn số 1849/BGTVT-QLDN ngày 10/02/2015 về việc Thoái vốn tại Công ty Cổ phần thương mại hàng không Cam Ranh (CRAC), Bộ Giao thông vận tải đã thống nhất chủ trương thoái vốn nhà nước tại CRAC. Theo đó, ACV đã thoái 100% phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Thương mại hàng không Cam Ranh trong tháng 7/2015.

Theo Nghị Quyết số 333 ngày 04/08/2015 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương mại hàng không Miền Nam, ACV dự kiến sẽ thoái 9,53% vốn điều lệ tại Công ty trong Quý I/2016.

### **1.9. Các dự án xã hội hóa Cảng hàng không chuẩn bị triển khai**

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ GTVT tại Công văn số 13123/BGTVT-QLDN ngày 01/10/2015 về Xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng hàng không, Tổng công ty dự kiến sẽ đầu tư một số dự án theo đề án xã hội hóa đầu tư kết cấu hạ tầng cảng hàng không, cụ thể như sau:

#### **1.9.1 Dự án đầu tư xây dựng, khai thác Nhà ga hành khách quốc tế tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh**

- Thời gian dự kiến bắt đầu: Tháng 12/2015
- Hình thức đầu tư: Thành lập công ty cổ phần trong đó có vốn góp của ACV tối đa không quá 30%.
- Phạm vi hoạt động: Đầu tư xây dựng, khai thác, cung cấp dịch vụ trong Nhà ga hành khách quốc tế tại Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh.
- Thời gian dự kiến bắt đầu khai thác có doanh thu: Năm 2018. Dự kiến sau thời điểm này, chi nhánh cảng hàng không quốc tế Cam Ranh sẽ chi khai thác các dịch vụ quốc nội và các dịch vụ ngoài nhà ga quốc tế.

#### **1.9.2 Dự án đầu tư xây dựng khai thác Nhà để xe ga quốc nội tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất**

- Thời gian dự kiến bắt đầu: Tháng 11/2015

- Hình thức đầu tư: Thành lập công ty cổ phần trong đó vốn góp của ACV tối đa không quá 30%.
- Phạm vi hoạt động: Đầu tư xây dựng, khai thác, cung cấp dịch vụ Nhà để xe ga quốc nội tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Thời gian dự kiến bắt đầu khai thác có doanh thu: Năm 2017. Kể từ thời điểm này, chi nhánh cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất sẽ không có doanh thu giữ xe tại ga quốc nội – Cảng HKQT Tân Sơn Nhất.

### **1.9.3 Dự án đầu tư xây dựng, khai thác Nhà ga hàng hóa Cảng hàng không Cát Bi và Dự án đầu tư, xây dựng Nhà để xe ô tô T2 Nội Bài – Cảng HKQT Nội Bài**

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty sẽ thực hiện đầu tư 2 dự án này theo hình thức xã hội hóa, tuy nhiên, vẫn chưa xác định hình thức đầu tư. Các dự án nêu trên có thể sẽ thực hiện sau thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Khi đó, việc đầu tư sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

## 2. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG LAO ĐỘNG SAU CỔ PHẦN HÓA

Trong định hướng phát triển của mình, một mặt, ACV tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động; mặt khác, để hạn chế bất ổn về mặt xã hội, ACV xác định việc sắp xếp, bố trí lao động, kiện toàn đội ngũ cán bộ các cấp là công việc thường xuyên của doanh nghiệp chứ không chỉ thực hiện khi tiến hành cổ phần hóa. Mục tiêu của ACV là không có lao động dôi dư do không bố trí được công việc khi cổ phần hóa. Chính vì vậy, giai đoạn sau cổ phần hóa, ACV sẽ tập trung cung cấp các khóa đào tạo cần thiết và bố trí lại lao động nhằm nâng cao năng suất lao động của doanh nghiệp, phát huy năng lực của người lao động sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của ACV và nhu cầu lao động của ACV sau cổ phần hóa, phương án sắp xếp lao động của ACV sau cổ phần hóa như sau:

STT	Nội dung	Số lượng
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa . . . . .	8.443
1	Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động . . . . .	29
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ . . . . .	8.414
	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn . . . . .	5.463
	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng . . . . .	2.705
	Làm việc theo mùa vụ hoặc một công việc nhất định dưới 12 tháng (bao gồm cả Hợp đồng thử việc và hợp đồng học nghề) . . . . .	246
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của cơ quan, đơn vị . . . . .	-
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa . . . . .	959
1	Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành . . . . .	25
2	Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động . . . . .	934 <sup>29</sup>
	Hết hạn hợp đồng lao động . . . . .	-
	Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động . . . . .	11
	Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật . . . . .	923
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp . . . . .	-
	Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP . . . . .	-
	Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm . . . . .	-
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần . . . . .	7.484 <sup>30</sup>
1	Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn . . . . .	7.484
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội . . . . .	-
	Ôm đầu . . . . .	-

<sup>29</sup> Đã cập nhật số lượng lao động chuyển sang HGS, ACSV, SAGS và dự kiến số lao động chuyển giao cho Tổng công ty Quản lý bay. Số lượng lao động thực tế sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần có thể thay đổi tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

<sup>30</sup> Chỉ xét trên số lao động đã khảo sát tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.



STT	Nội dung	Số lượng
	Thai sản .....	-
	Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp .....	-
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động .....	-
	Nghĩa vụ quân sự .....	-
	Nghĩa vụ công dân khác .....	-
	Bị tạm giam, tạm giữ .....	-
	Do hai bên thỏa thuận .....	-

Số lượng viên chức quản lý, cán bộ công đoàn, người lao động ký hợp đồng lao động với Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 31/12/2014 là 8.443 người. Tổng số lao động không chuyển sang làm việc trong công ty cổ phần là 959 người. Tổng số viên chức quản lý, người lao động, cán bộ Công đoàn sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần là 7.484 người. Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, Tổng công ty không có lao động dôi dư.

Chế độ người lao động sẽ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành khi thực hiện chuyển giao. Người lao động dự kiến chuyển giao vẫn thuộc đối tượng được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước nhưng không được mua cổ phần theo thời gian cam kết làm việc trong công ty cổ phần.

Hiện tại, chi phí trợ cấp mất việc làm đã chi cho người lao động theo Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH và Bộ Luật Lao động là 2.334.066.355 đồng (trong đó chưa bao gồm chi phí cho người lao động dự kiến chuyển sang Tổng công ty Quản lý bay). Tổng công ty sẽ hoàn tất nghĩa vụ chi trả còn lại cho người lao động phù hợp với quy định trước khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Cơ cấu lao động của doanh nghiệp dự kiến sẽ chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần được tổng hợp trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo giới tính .....	7.484	100%
<i>Nam</i> .....	5.227	69,84%
<i>Nữ</i> .....	2.257	30,16%
Theo trình độ .....	7.484	100%
<i>Tiến sỹ, thạc sỹ</i> .....	181	2,42%
<i>Đại học</i> .....	2.746	36,69%
<i>Cao đẳng, trung cấp</i> .....	3.045	40,69%
<i>Công nhân kỹ thuật</i> .....	1.214	16,22%
<i>Lao động chưa qua đào tạo</i> .....	299	3,99%
Theo tuổi .....	7.484	100%
<i>Từ 30 tuổi trở xuống</i> .....	2.814	37,60%
<i>Từ 31-45 tuổi</i> .....	3.332	44,52%
<i>Từ 46-55 tuổi</i> .....	1.047	13,99%
<i>Trên 56 tuổi</i> .....	290	3,88%

### 3. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT

Theo quy định tại Điều 6, Thông tư 16/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2010 về việc Quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay (“Thông tư 16”), trong đó nêu rõ tiêu chí phân loại, quản lý đất đai cảng hàng không, sân bay, toàn bộ diện tích đất ACV sử dụng sẽ phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh và đảm bảo an ninh, an toàn trong cảng hàng không – sân bay.

Hiện Tổng công ty đang sử dụng 3.104,68 ha đất để cung cấp các dịch vụ hàng không và phi hàng không, trong đó phần diện tích đất trong khu vực cảng hàng không là 3.091,02 ha, phần diện tích đất ngoài khu vực sân bay là 13,67 ha. Toàn bộ diện tích đất ACV hiện đang sử dụng và dự kiến tiếp tục sử dụng là đất thuê trả tiền hàng năm (bao gồm diện tích đất trong sân bay nhưng ngoài khu bay và diện tích đất ngoài sân bay) và đất ACV được giao quản lý sử dụng nhưng không thu tiền thuê đất (diện tích đất trong khu bay theo quy định tại Thông tư 16).

==  
C  
X  
U  
I  
F  
V  
/A  
==

#### **4. KẾ HOẠCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA**

##### **4.1. Định hướng phát triển của ACV**

##### **4.1.1 Định hướng phát triển tổng quát**

Trong giai đoạn 2016 – 2020, trên cơ sở đánh giá về môi trường kinh doanh, Tổng công ty xác định quan điểm và mục tiêu thực hiện chiến lược kinh doanh như sau:

- Thực hiện theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2016-2020 với tốc độ tăng trưởng nhanh, bền vững góp phần thúc đẩy việc tăng trưởng ngành hàng không nói riêng và kinh tế cả nước nói chung.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. Thực hiện tối ưu hóa doanh thu, đa dạng hóa các dịch vụ tại cảng hàng không, nâng cao chất lượng dịch vụ tại các cảng hàng không.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng, tăng cường năng lực khai thác các cảng hàng không hiện hữu và tập trung nguồn lực đầu tư Cảng HKQT Long Thành. Đến năm 2020, đầu tư cơ bản hoàn chỉnh hệ thống mạng cảng hàng không trong cả nước đảm bảo hoàn thành 02 nhiệm vụ chiến lược là phát triển kinh tế, và đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức, đủ các kiến thức, kỹ năng, tiêu chuẩn để tiếp quản, ứng dụng, vận hành các công nghệ mới.

Các chiến lược phát triển cụ thể như sau:

##### **a. Chiến lược về thị trường và sản phẩm, dịch vụ**

- Xây dựng chiến lược quảng bá, phát triển thương hiệu, xúc tiến thương mại, kêu gọi các hãng hàng không khai thác các đường bay mới đến Việt Nam.
- Hoàn thiện các dịch vụ hàng không; nghiên cứu cải tiến, đơn giản hóa thủ tục, quy trình vận hành khai thác để nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ các hãng hàng không và phục vụ hành khách.
- Phát triển và mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng hình thức và lĩnh vực đầu tư để kêu gọi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia góp vốn đầu tư; cung ứng nhiều dịch vụ phi hàng không nhằm nâng dần tỷ trọng doanh thu dịch vụ phi hàng không trong tổng doanh thu;

##### **b. Chiến lược quản trị doanh nghiệp**

- Xây dựng chiến lược quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính phù hợp điều kiện phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo kinh doanh có lãi, và hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí, tăng nguồn thu cho doanh nghiệp.
- Tăng cường chính sách quản lý công nợ: theo dõi chặt chẽ chi tiết từng đối tượng công nợ, trích lập dự phòng đầy đủ theo đúng quy định, thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ;

- Tăng cường cơ chế giám sát tài chính, kiểm soát - quản lý dự án chặt chẽ, tuân thủ các quy định của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản

**c. Chiến lược đầu tư**

Xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp với mục tiêu, định hướng quy hoạch phát triển ngành giao thông vận tải đến 2020 và định hướng đến năm 2030; quy hoạch cảng hàng không sân bay. Đặc biệt sẽ tập trung và ưu tiên mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng và phát triển CHK mang tính chiến lược như Long Thành nhằm hình thành điểm trung chuyển hành khách và hàng hóa cạnh tranh trong khu vực và để giảm tải cho Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất.

**d. Chiến lược về vốn**

- Huy động mọi nguồn lực cũng như nguồn vốn tích lũy của doanh nghiệp cho các dự án trọng điểm. Tăng cường công tác giám sát quản lý dự án, không triển khai các dự án chưa cần thiết, kém hiệu quả nhằm tận dụng tối đa nguồn lực cho các dự án thiết thực, đạt hiệu quả cao hoặc phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội vùng miền và đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Tổ chức phân kỳ đầu tư một cách hợp lý, đạt hiệu quả cao hoặc phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội vùng miền và đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng cảng hàng không địa phương.
- Xây dựng phương án xã hội hóa đầu tư một số công trình hàng không: Khu hàng không dân dụng như nhà ga, sân đậu ô tô và các dịch vụ phi hàng không để tăng cường huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước.

**e. Chiến lược về công nghệ**

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành khai thác và cung cấp các dịch vụ; Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu triển khai, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong và ngoài ngành vào công việc hàng ngày.
- Khẩn trương hoàn tất chương trình New CNS/ATM theo lộ trình chung của toàn ngành hàng không.

**f. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực**

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực bằng cách đa dạng hóa các hình thức, phương thức đào tạo ngắn hạn, dài hạn, đào tạo trong nước, đào tạo ngoài nước và tự đào tạo. Xây dựng các trung tâm huấn luyện, đào tạo của Tổng công ty có đủ cơ sở vật chất, giáo viên... để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực.
- Bố trí lại lực lượng lao động cho phù hợp với yêu cầu của công việc và năng lực quản lý của cán bộ. Cơ cấu lao động đồng bộ, số lượng lao động hợp lý gắn với chất lượng cao.
- Chú trọng công tác quy hoạch cán bộ nguồn để làm cơ sở đào tạo, rèn luyện, bố trí, sắp xếp cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ phải được căn cứ vào tiêu chuẩn, vào hướng

phát triển của từng cán bộ và định kỳ phải khảo sát đánh giá lại đội ngũ cán bộ hiện có để đảm bảo chất lượng công tác quy hoạch cán bộ.

- Áp dụng chế độ tuyển dụng công khai thông qua thi tuyển, thủ việc trên cơ sở hệ thống tiêu chuẩn chặt chẽ, khoa học và công bằng cho mọi đối tượng. Ưu tiên sử dụng, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ và thực hiện chế độ ưu đãi đối với các đối tượng lao động tại các cảng hàng không.

#### 4.1.2 Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Tổng công ty có thể chia làm ba định hướng chủ đạo sau:

- Quán triệt tinh thần chính sách phát triển ngành Giao thông vận tải của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giao thông Vận tải, thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt trong giai đoạn đến 2020, tầm nhìn đến 2030;
- Mở rộng, tăng cường năng lực khai thác, giải quyết vấn đề quá tải tại các cảng hàng không trung tâm, đồng thời xây mới, mở rộng tại các khu vực có tiềm năng tăng trưởng kinh tế - du lịch tốt, kết hợp với cơ quan chủ quản và các hãng hàng không mở thêm tuyến bay mới, nhanh chóng lấp đầy công suất;
- Cải tạo các tài sản đã xuống cấp, đảm bảo an toàn hàng không và quá trình cung cấp dịch vụ thông suốt.

Dự kiến tổng mức đầu tư cho các dự án trong và ngoài khu bay trong giai đoạn 2015 – 2020 là khoảng 43.374 tỷ (chưa bao gồm đầu tư dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành), trong đó:

- Nhu cầu vốn của các dự án trong khu bay là 24.663 tỷ đồng, được tài trợ bằng nguồn vốn nhà nước
- Nhu cầu đầu tư cho các dự án ngoài khu bay là 18.711 tỷ. Nhu cầu tham gia của vốn chủ sở hữu với các dự án ngoài khu bay nêu trên là 15.944 tỷ đồng (phần còn lại chủ yếu là vốn vay ODA và vốn ngân sách chờ hoàn lại). Riêng nguồn vốn ODA đến tháng 09/2015 về cơ bản đã được giải ngân xong.

Chi tiết một số dự án đầu tư điển hình phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong giai đoạn 2015 – 2020 bao gồm:

#### Kế hoạch đầu tư Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành

Dự án cảng hàng không quốc tế Long Thành đã được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 94/2015/QH13 ngày 25/06/2015.

Theo đó, mục tiêu xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành đạt cấp 4F theo phân cấp của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), công suất 100 triệu hành khách/năm, 05 triệu tấn hàng hóa/năm, là cảng hàng không quốc tế quan trọng của quốc gia, hướng tới trở thành một trong những trung tâm trung chuyển hàng không quốc tế của khu vực.

Với mục tiêu trên, tổng mức đầu tư khái toán cho toàn bộ Dự án là 336.630 tỷ đồng (tương đương 16,03 tỷ USD, theo tỷ giá năm 2014). Dự án được sử dụng một phần vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của ngành hàng không,

vốn doanh nghiệp (ACV), vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư và các loại vốn khác phù hợp quy định. Dự án được phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn cụ thể như sau:

*Giai đoạn 1:* Xây dựng 01 đường HCC và 01 Nhà ga hành khách cùng các hạng mục phụ trợ đồng bộ với công suất 25 triệu khách/năm, 1,2 triệu tấn hàng hóa/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 5,45 tỷ USD bằng các nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, vốn vay ODA, vốn của ACV và vốn huy động từ các thành phần kinh tế thông qua hợp tác đầu tư. Dự kiến thời gian triển khai trong giai đoạn 2018-2025 (phần đầu hoàn thành sớm dự án, dự kiến vào 2022).

*Giai đoạn 2:* Tiếp tục đầu tư xây dựng đường HCC số 2 độc lập, cầu hình mở và 01 nhà ga hành khách để đáp ứng công suất 50 triệu khách/năm, 1,5 triệu tấn hàng hóa/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 4 tỷ USD, dự kiến triển khai trong giai đoạn 2030-2035.

*Giai đoạn 3:* Hoàn thành các hạng mục của Dự án để đạt công suất 100 triệu khách/năm, 5,0 triệu tấn hàng hóa/năm theo mục tiêu quy hoạch. Tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 6,58 tỷ USD. Dự kiến triển khai trong giai đoạn 2040-2050.

Hiện tại, ACV đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi đối với giai đoạn 1 của Dự án trình Bộ Giao thông vận tải để báo cáo Quốc hội thông qua trước khi quyết định đầu tư. Dự kiến, báo cáo Quốc hội thông qua Quý II/2017.

Trên cơ sở nhu cầu vốn đầu tư cho Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1, ACV đã dự kiến quy mô vốn điều lệ cho từng giai đoạn chi tiết tại phần Kế hoạch tăng vốn điều lệ của Bản công bố thông tin này.

#### **Kế hoạch đầu tư tại Cảng HKQT Tân Sơn Nhất**

*Mở rộng, cải tạo sân đậu máy bay:* Các dự án đầu tư tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất sẽ chủ yếu giải quyết hiện trạng quá tải tại nhà ga. Hiện tại, phương án khả thi nhất là mở rộng sân đậu máy bay và nhà ga. Việc xây dựng bổ sung thêm một đường băng hiện chưa có tính khả thi do quỹ đất trong sân bay hiện không cho phép mở rộng thêm 1 đường băng có đủ khoảng cách so với hai đường băng còn lại để đảm bảo khai thác hạ cất cánh hai máy bay cùng lúc. Việc mở rộng, cải tạo sân đậu máy bay thêm 20 vị trí đậu máy bay để đáp ứng nhu cầu khai thác tại CHKQT Tân Sơn Nhất nhằm:

- Đáp ứng một phần nhu cầu khai thác của Cảng HKQT Tân Sơn Nhất trong giai đoạn năng lực khai thác vượt công suất thiết kế;
- Bố trí thêm được một vệt lăn song song với đường lăn NS có tác dụng tạo thành đường hai chiều, từ đó xây dựng một đường vào và một đường ra cho sân đỗ máy bay;
- Giải tỏa ách tắc tại khu vực nút cổ chai dưới chân đài chỉ huy.

Bên cạnh đó, Thủ tướng đã có văn bản số 1646/TTg-NN yêu cầu Bộ Quốc phòng chuyển giao 14,3 ha đất do nhà máy A41/QCPK-KQ đang quản lý sử dụng tại khu vực Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất cho ACV để mở rộng sân đậu máy bay, tạo điều kiện khai thác tối đa công suất hoạt động của nhà ga.

*Mở rộng Nhà ga Quốc tế:* Nhà ga Quốc tế hiện hữu đã được Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn thành và đưa vào khai thác từ tháng 09/2007. Nhà ga này đã đóng vai trò lớn trong việc nâng cao chất lượng phục vụ hành khách tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất. Công suất nhà ga được thiết kế là 8-10 triệu khách/năm. Năm 2014 sản lượng hành khách đạt trên 9,1 triệu khách, gần đạt công suất thiết kế tối đa của nhà ga. Hiện nay, sản lượng hành khách

đã vượt công suất thiết kế của nhà ga. Do đó, nhà ga quốc tế xảy ra tình trạng chật chội vào giờ cao điểm. Số liệu dự báo này là phù hợp với quy hoạch điều chỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 08/04/2013 của Thủ tướng chính phủ, Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất sẽ được cải tạo, nâng cấp để đạt công suất 23,5 triệu hành khách/năm và 600.000 tấn hàng hóa/năm vào năm 2015 để phục vụ đón đầu sản lượng hành khách của các năm sau.

Dự kiến trong các năm tới, nhà ga quốc tế Tân Sơn Nhất vẫn là nhà ga chủ lực để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách quốc tế bay đến khu vực miền Nam. Trước mắt, trong giai đoạn 2015 - 2017, cảng HKQT Tân Sơn Nhất sẽ tiến tới đầu tư, cải tạo và sửa chữa tại ba khu vực trong nhà ga, cụ thể như sau:

- Mở rộng phần phân cách (concourse) nhà ga về phía Đông thêm 8.780 m<sup>2</sup>, tổng chiều dài phần mở rộng là 160m, đủ để lắp thêm 2 ống lồng đôi.
- Mở rộng phần thân nhà ga về 2 phía, diện tích mở rộng mỗi bên là 6.810 m<sup>2</sup> (cả 4 tầng). Khu vực phục vụ hành khách đi lắp thêm 2 đảo thủ tục hàng không, khu vực hành khách đến lắp đặt thêm 2 băng chuyền hành lý.
- Mở rộng các khu thông tầng không cần thiết bên trong nhà ga hiện hữu để tăng thêm các quầy làm thủ tục công an cửa khẩu và quầy thủ tục an ninh hải quan. Diện tích mở rộng khoảng 207 m<sup>2</sup>.

Sau khi mở rộng, nhà ga dự kiến có thông số như sau:

<b>Thông số khai thác nhà ga sau mở rộng</b>	<b>Trước mở rộng</b>	<b>Sau mở rộng</b>
Diện tích nhà ga .....	93.228 m <sup>2</sup>	115.834 m <sup>2</sup>
Năng lực phục vụ hành khách .....	8 - 10 triệu khách	13 triệu khách
Tổng số quầy check-in .....	80 quầy	120 quầy
Phân bố quầy check-in .....	4 đảo x 20 quầy	6 đảo x 20 quầy
Tổng số cầu ống .....	8 cái	10 cái
Tổng số cửa ra máy bay .....	12 cổng	19 cổng
Tổng số băng chuyền hành lý đến .....	6 băng chuyền	8 băng chuyền
Tổng số quầy xuất /nhập cảnh .....	36/40	54/48
Tổng số quầy kiểm tra an ninh soi chiếu hành khách .....	6 quầy	10 quầy

### **Kế hoạch đầu tư tại Cảng HKQT Đà Nẵng**

*Hệ thống đường lăn sân đỗ:* Tổng công ty đang đầu tư cải tạo, nâng cấp đường lăn song song E6 đoạn từ nút E1 đến E4 - Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng nhằm tiếp nhận an toàn các loại máy bay đang hoạt động trên Cảng Hàng không theo quy hoạch, đồng thời đảm bảo sự đồng bộ của kết cấu sân đường trong vận hành khai thác. Việc sửa chữa nâng cấp hệ thống đường lăn Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng là cần thiết và cấp bách, phù hợp với quy hoạch được phê duyệt nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác. Quá trình đầu tư cũng sẽ được thực hiện đồng bộ với việc nâng cấp, mở rộng sân đỗ thêm 10 vị trí trong giai đoạn 2015 – 2020.

*Nhà ga hành khách:* Trong năm 2011, Cảng HKQT Đà Nẵng đã đưa vào sử dụng nhà ga hành khách với công suất 4 triệu khách/năm. Tuy nhiên, lượng khách qua cảng trong giai đoạn 2011-2014 đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ, trong quá trình khai thác đã có thời điểm xảy ra quá tải. Theo đó, để

dảm bảo năng lực khai thác, tốc độ tăng trưởng nhanh về sản lượng hành khách qua Cảng HKQT Đà Nẵng và thực hiện chủ trương xã hội hóa kết cấu hạ tầng hàng không của Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, ACV đã tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp để đầu tư xây dựng mới Nhà ga hành khách quốc tế tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng với công suất thiết kế dự kiến đạt 4 triệu hành khách/năm. Dự kiến Nhà ga hành khách Quốc tế sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác Quý IV/2017, kể từ thời điểm này Nhà ga hành khách hiện hữu sẽ khai thác các chuyến bay quốc nội.

#### **Kế hoạch đầu tư tại Cảng HKQT Cam Ranh**

*Dự án thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách địa phương - Xây dựng đường hạ cất cánh:* Ngày 14/7/2009, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch CHKQT Cam Ranh giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với khả năng tiếp nhận các loại máy bay: Airbus 320, 321, và 300-600; Boeing 767, 777, 747 và tương đương; sử dụng 2 đường cất, hạ cánh. Việc xây dựng đường hạ cất cánh thứ hai là điều kiện tiên quyết cho việc đưa Cảng HKQT Cam Ranh trở thành đơn vị chi nhánh cấp I, tận dụng cơ hội tiềm năng phát triển kinh tế - du lịch tại Nha Trang.

*Dự án thực hiện bằng nguồn vốn của ACV - Mở rộng nhà ga hành khách hiện hữu:* Nhà ga hành khách hiện hữu có công suất thiết kế 1,5 triệu khách/năm. Tuy nhiên, trong năm 2014, với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ đặc biệt là khách quốc tế do đó, sản lượng hành khách vượt công suất thiết kế, đạt 2,06 triệu hành khách và dự kiến năm 2015 đạt 2,5 triệu hành khách, công suất giờ cao điểm phục vụ hơn 800 hành khách/giờ, xảy ra tình trạng quá tải. Do đó, để giải quyết tình trạng quá tải trước mắt, hiện ACV đang đầu tư mở rộng Nhà ga hành khách hiện hữu với tổng mức đầu tư gần 80 tỷ đồng nhằm nâng công suất khai thác lên 2,5 triệu hành khách/năm (tăng 1 triệu hành khách/năm so với công suất thiết kế hiện tại).

*Dự án thực hiện qua hình thức góp vốn - Xây dựng Nhà ga hành khách quốc tế mới:* Song song với việc mở rộng nhà ga hành khách hiện hữu, thực hiện chủ trương xã hội hóa kết cấu hạ tầng hàng không của chính phủ và đáp ứng tốc độ tăng trưởng trong thời gian tới, ACV sẽ tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp để đầu tư xây dựng mới Nhà ga hành khách quốc tế tại Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh với tổng mức đầu tư dự kiến 2.000 tỷ đồng, công suất thiết kế của nhà ga mới đạt 2 triệu hành khách/năm. Dự kiến Nhà ga hành khách khởi công Quý II/2016 và đưa vào khai thác năm 2018, kể từ thời điểm này Nhà ga hành khách hiện hữu sẽ khai thác các chuyến bay quốc nội.

#### **Kế hoạch đầu tư tại Cảng HKQT Phú Quốc**

*Mở rộng 8 vị trí sân đỗ máy bay:* Căn cứ quy hoạch tổng thể giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1608/QĐ-TTg ngày 10/11/2008. Đảo Phú Quốc được định hướng phát triển trở thành khu kinh tế mở, phát triển hài hòa giữa kinh tế và bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa và bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng, từng bước xây dựng trở thành một thành phố biển đảo, trung tâm du lịch và dịch vụ cao cấp; trung tâm khoa học công nghệ của quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Theo quy hoạch Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc đã được Thủ tướng phê duyệt thì Cảng hàng không Phú Quốc đạt cấp 4E theo tiêu chuẩn ICAO, đáp ứng nhu cầu khai thác 7 triệu khách/năm đến giai đoạn 2030. Các đường bay quốc tế sẽ chủ yếu tập trung vào đường bay du lịch nối Phú Quốc với Singapore, Campuchia, Trung Quốc, Thailand, Malaysia... phục vụ cho nhu cầu luân chuyển khách du lịch trọn gói đến Phú Quốc như một điểm đến mới trong chương trình trọn gói của các công ty lữ hành có nguồn khách lớn và ổn định. Một số đường bay nối Phú Quốc đến các nước không có biển hoặc có mùa đông kéo dài với nhu cầu tránh đông, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, dưỡng lão từ châu Âu như Nga, Ukraina, Đông Âu, Tây Âu, từ Bắc Á như Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan cũng có tính khả thi cao với loại hình bay charter hoặc bay trực tiếp đến Phú Quốc.



Hiện nay, CHKQT Phú Quốc đã được Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam đầu tư xây dựng giai đoạn 1 với quy mô xây dựng đường HCC hoàn chỉnh, một số đường lăn nối và sân đỗ máy bay đáp ứng 2,65 triệu hành khách/năm với 8 vị trí đậu máy bay. Trong năm 2014, cảng đã thông qua 1 triệu hành khách và dự kiến năm 2015 đạt 1,5 triệu hành khách (tăng 50% so với cùng kỳ), vào ngày cao điểm sân bay phục vụ hơn 4.602 lượt hành khách. Với tốc độ tăng trưởng vận chuyển hành khách của CHK Phú Quốc nói riêng trong năm qua cùng với nhu cầu đầu tư xây dựng phát triển huyện đảo Phú Quốc theo Nghị quyết của Chính phủ, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ cho CHK Phú Quốc đúng theo quy hoạch được duyệt (giai đoạn đến năm 2020) là việc làm rất cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, phát triển kinh tế của đảo Phú Quốc.

*Mở rộng Nhà ga hành khách:* Để đáp ứng tốc độ tăng trưởng rất nhanh trong thời gian tới của Cảng HKQT Phú Quốc, ACV đang thực hiện các thủ tục để đầu tư mở rộng nhà ga hành khách với tổng mức đầu tư dự kiến 1.000 tỷ đồng, nâng công suất khai thác của Nhà ga từ 2,6 triệu hành khách/năm lên 4 triệu hành khách/năm. Một số thông số chính sau khi mở rộng nhà ga:

<u>Thông số khai thác nhà ga sau mở rộng</u>	<u>Trước khi mở rộng</u>	<u>Sau khi mở rộng</u>
Diện tích Nhà ga .....	24.325 m <sup>2</sup>	36.167 m <sup>2</sup>
Năng lực phục vụ hành khách .....	2,6 triệu HK/năm	4 triệu HK/năm
Tổng số ống lồng .....	-	4 cái
Tổng số cửa ra máy bay .....	4 cửa	12 cửa
Tổng số băng chuyền đi đến .....	5 băng chuyền	6 băng chuyền

#### **Kế hoạch đầu tư tại cảng HKQT Phú Bài**

*Xây dựng 02 vị trí đỗ máy bay (về phía Đông sân bay hiện hữu), mở rộng sân đỗ máy bay:* Thời gian qua, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam đã đầu tư nâng cấp đường hạ cất cánh, đường lăn và đưa vào khai thác sử dụng vào tháng 3/2013. Tuy nhiên, việc khai thác sân đỗ máy bay hiện hữu được thiết kế cho máy bay A320 từ năm 2001 đến nay đã bị lão hóa và hư hỏng nặng do phải thường xuyên khai thác các loại máy bay A321-200 và tương đương. Hiện nay, ACV đang thực hiện mở rộng thêm 02 vị trí đậu cho các loại máy bay A321-200, B777-200RL là cần thiết nhằm đáp ứng quy hoạch tổng thể giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó Cảng HKQT Phú Bài sẽ phục vụ các chuyến bay quốc tế trong khu vực và các hoạt động bay liên vùng Bắc Bộ - Bắc Trung Bộ - Nam Bộ với tính chất sử dụng là sân bay dùng chung cho dân dụng và quân sự. Quy mô Cảng dự kiến sẽ đạt cấp 4E theo tiêu chuẩn ICAO và sân bay quân sự cấp II, đảm bảo phục vụ 24/24 giờ các loại máy bay B777 hoặc tương đương.

#### **4.2. Kế hoạch tăng vốn điều lệ**

*Căn cứ Nghị quyết số 94/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội về Chủ trương đầu tư dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành;*

*Căn cứ Nhu cầu vốn đầu tư theo khái toán Tổng mức đầu tư Giai đoạn I của Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành đã được Ủy ban Kinh tế Quốc hội thẩm định.*

Theo đó, dự kiến ACV sẽ tăng vốn điều lệ trong giai đoạn 2018 – 2020 nhằm phục vụ nhu cầu đầu tư một số hạng mục của Giai đoạn I Dự án Cảng hàng không Quốc tế Long Thành trong giai đoạn 2018-2020. Quy mô vốn điều lệ theo mệnh giá dự kiến như sau:

<u>2018</u>	<u>2019</u>	<u>2020</u>
(tỷ đồng)		

Quy mô vốn điều lệ .....	22.431	23.900	26.847
Quy mô vốn điều lệ tăng thêm .....	1.469	2.947	2.947
Quy mô vốn điều lệ sau bổ sung .....	23.900	26.847	29.794

Nhu cầu vốn và Tổng mức đầu tư có thể thay đổi sau khi Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Cảng HKQT Long Thành được phê duyệt. Quy mô và cơ cấu Vốn điều lệ thực tế sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định.

#### 4.3. Dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020

Với các kế hoạch kinh doanh, đầu tư và phát triển nguồn nhân lực nêu trên, kết quả hoạt động của ACV trong giai đoạn 2016 – 2020 dự kiến như sau:

<b>Kết quả hoạt động kinh doanh dự kiến</b>	<b>2016F</b>	<b>2017F</b>	<b>2018F</b>	<b>2019F</b>	<b>2020F</b>
			(tỷ đồng)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	9.403	9.681	9.779	10.154	10.546
Các khoản giảm trừ doanh thu .....	52	54	56	59	61
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	9.351	9.627	9.723	10.095	10.485
Giá vốn hàng bán .....	7.664	7.965	7.915	8.060	8.167
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	1.687	1.662	1.808	2.035	2.318
Doanh thu hoạt động tài chính .....	561	623	683	796	908
Chi phí tài chính .....	93	91	89	87	85
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> .....	93	91	89	87	85
Chi phí bán hàng .....	56	58	58	60	63
Chi phí quản lý doanh nghiệp .....	595	615	628	652	677
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh .	1.503	1.521	1.715	2.031	2.401
Thu nhập khác .....	49	50	51	53	55
Chi phí khác .....	49	51	50	51	52
Lợi nhuận (lỗ) khác .....	0	0	0	1	3
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế <sup>31</sup> .....	1.503	1.520	1.716	2.032	2.404
Thuế TNDN phải nộp .....	301	304	343	406	481
Thuế TNDN hoãn lại .....					
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN .....	<u>1.203</u>	<u>1.216</u>	<u>1.372</u>	<u>1.626</u>	<u>1.923</u>
<b>Một số chỉ tiêu hoạt động dự kiến</b>					
Vốn điều lệ .....	22.431	22.431	23.900	26.847	29.794
Tổng số lao động (người) .....	8.437	8.724	8.905	9.205	9.502
Tổng quỹ lương .....	1.892	1.958	2.001	2.081	2.164
Thu nhập bình quân 1 người/tháng (triệu đồng)	18,68	18,70	18,73	18,84	18,98
Tổng doanh thu .....	9.960	10.300	10.457	10.943	11.448
Tổng chi phí .....	8.457	8.780	8.741	8.911	9.044
Tỷ lệ cổ tức .....	5%	5%	5%	5%	5%

<sup>31</sup> Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế đã bao gồm ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng dưới hình thức góp vốn đầu tư, và không bao gồm ảnh hưởng của biến động của tỷ giá

#### 4.4. Kế hoạch trả cổ tức

Trên cơ sở cân đối nguồn vốn, dòng tiền của Tổng công ty với nhu cầu đầu tư vào các dự án trong giai đoạn 2016 – 2020, Tổng công ty dự kiến mức chi trả cổ tức hàng năm sẽ là 5% trên quy mô vốn điều lệ trong suốt giai đoạn 2016 – 2020. Mức chi trả cổ tức thực tế sẽ do ĐHĐCĐ Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam quyết định trên cơ sở kết quả kinh doanh thực tế và nhu cầu đầu tư hàng năm của ACV.

11/11/2016

## 5. PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, VẬN HÀNH TÀI SẢN TRONG KHU BAY

Căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, tổng giá trị các tài sản thuộc khu bay không trong phạm vi cổ phần hóa là **1.914.500.092.169 đồng**. Tuy nhiên, đến thời điểm chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, giá trị tài sản trong khu bay sẽ có sự thay đổi do Tổng công ty đã trích khấu hao cũng như đã đầu tư bổ sung nhiều tài sản, hạng mục thuộc khu bay.

Để đảm bảo hoạt động được liên tục và an toàn bay, đảm bảo tính ổn định, sự kế thừa trong hoạt động quản lý vận hành tài sản trong khu bay, Tổng công ty sẽ được tiếp tục khai thác để cung cấp dịch vụ Hạ cất canh dưới hình thức cho thuê tài sản và chịu trách nhiệm vận hành, bảo trì, duy tu, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn đối với các tài sản thuộc khu bay.

Để triển khai được phương án này, Bộ Giao thông vận tải đã được Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế, quản lý vận hành tài sản trong khu bay và tiến hành ký kết hợp đồng thuê hoạt động đối với tài sản trong khu bay và thời điểm hợp đồng có hiệu lực là thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần.

11/2017

## 6. NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Sau khi thực hiện chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng và hoàn tất việc chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, ACV sẽ là công ty đại chúng quy mô lớn. ACV dự kiến sẽ thực hiện niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tập trung trong nước ngay sau khi đáp ứng đủ điều kiện niêm yết và được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo quy định.

## PHẦN 6. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

### 1. CÁC RỦI RO DỰ KIẾN

Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó gián tiếp có thể ảnh hưởng tới giá cổ phiếu của Tổng công ty.

#### 1.1. Rủi ro trong chính sách pháp luật

*Hoạt động kinh doanh của ACV, ngoài yếu tố thị trường còn gắn với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng miền và các định hướng, chính sách của Chính phủ*

Vai trò đặc thù của cảng hàng không trong sự phát triển của kinh tế - xã hội vùng miền và các định hướng, chính sách của Chính phủ có thể làm giảm hiệu quả đầu tư của Tổng công ty.

*Hoạt động kinh doanh dịch vụ hàng không của ACV nằm trong sự điều chỉnh của chính sách quy định về mức giá và khung giá của chính phủ Việt Nam*

Các mảng hoạt động chịu sự điều chỉnh của cơ chế mức giá – khung giá đóng góp 80,13% trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của ACV năm 2014. Các quy định về mức giá và khung giá sẽ do Nhà nước quyết định và điều chỉnh từng thời điểm, và ACV không chủ động trong việc quyết định điều chỉnh các mức giá, khung giá này. Do đó, khuôn khổ quy định pháp lý về mức giá và khung giá có thể chưa kịp thời điều chỉnh, chưa tương xứng với các chi phí do ACV đã đầu tư và có thể ảnh hưởng đến tính chủ động trong kế hoạch doanh thu của ACV.

#### 1.2. Rủi ro địa chính trị

*Các sự kiện bất khả kháng trên trường quốc tế nói chung có thể có tác động tiêu cực đến sản lượng vận chuyển quốc tế của ACV. Đặc biệt, các tranh chấp về lãnh thổ, chủ quyền trong khu vực châu Á trong các năm gần đây, điển hình là vấn đề Biển Đông giữa Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á đã và có thể sẽ tiếp tục gây nhiều bất ổn trong khu vực và có thể ảnh hưởng đến hoạt động của ACV.*

Một phần đáng kể của doanh thu của ACV được hình thành từ các dịch vụ hàng không và phi hàng không tại các cảng hàng không quốc tế. Trong quá khứ, các sự kiện như xung đột vũ trang tại Ukraine, khủng hoảng kinh tế tại Hy Lạp, sự bùng phát của dịch bệnh (SARS, MERS, Ebola...) và các sự kiện tương tự đều đã gây ra ảnh hưởng bất lợi cho ngành hàng không nói chung và lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng hàng không tại Việt Nam nói riêng, thể hiện qua sự sụt giảm nhu cầu đi lại trên các tuyến bay quốc tế.

Đặc biệt, các căng thẳng về lãnh thổ, chủ quyền giữa các quốc gia trong khu vực, trong đó trực tiếp và quan trọng nhất là vấn đề Biển Đông tiếp tục leo thang đã ảnh hưởng tiêu cực tới các hoạt động bay tới Việt Nam của các hãng hàng không của Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông. Đây là các quốc gia, khu vực chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hàng năm.

Nếu các vấn đề tương tự tiếp diễn biến theo chiều hướng gia tăng sẽ dẫn tới giảm sản lượng hành khách, hàng hóa từ các khu vực này tới Việt Nam và ảnh hưởng tiêu cực tới nguồn thu và kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của ACV.

### 1.3. Rủi ro kinh tế và tài chính

*Ngành Hàng không nói chung và lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng hàng không nói riêng là lĩnh vực nhạy cảm với những biến động của kinh tế toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng.*

Những diễn biến khó dự báo chính xác của nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng trong thời gian tới có thể làm giảm nhu cầu đi lại trong nước và quốc tế, giảm nhu cầu xuất nhập khẩu và nhu cầu vận tải, từ đó tác động trực tiếp đến nguồn doanh thu hàng không và phí hàng không của Tổng công ty.

*Do nguồn vốn vay cho một số dự án trọng điểm của ACV trong quá khứ và dự kiến trong tương lai là nguồn vốn ODA Nhật Bản, ACV sẽ chịu rủi ro lỗ chênh lệch tỷ giá nếu đồng JPY tăng giá so với VND.*

Đồng Yên Nhật liên tục giảm giá trong năm 2013 và 2014 đã tạo ra lợi nhuận chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện cho Tổng công ty. Tuy nhiên, lợi nhuận chênh lệch tỷ giá được đánh giá là nguồn lợi nhuận khó dự báo do tỷ giá JPY/VND phụ thuộc vào quan hệ tương quan giữa kinh tế Việt Nam và thế giới, quan hệ tỷ giá hối đoái giữa các loại tiền tệ. Trong tương lai, nếu giá trị đồng JPY tiếp tục biến động mạnh có thể gây ra lỗ chênh lệch tỷ giá cho ACV.

*Thu nhập từ hoạt động tài chính của ACV chịu ảnh hưởng của mặt bằng lãi suất Việt Nam*

Một trong những lợi thế của ACV là được sử dụng nguồn vốn vay ODA Nhật Bản với lãi suất ưu đãi và thời gian trả nợ dài, do đó, trong thời gian qua cũng như trong thời gian tới, ACV tiếp tục sử dụng nguồn tiền nhân rồi để đầu tư tài chính ngắn hạn, tăng nguồn thu cho Tổng công ty. Các biến động giảm lãi suất nếu xảy ra trong tương lai có thể sẽ làm giảm nguồn thu từ lãi tiền gửi của ACV.

### 1.4. Rủi ro đặc thù

*Theo thông lệ quốc tế và yêu cầu của chính phủ Việt Nam, các cảng hàng không ACV đang quản lý có thể được trưng dụng cho mục đích quốc phòng trong trường hợp cần thiết*

Như đã trình bày về lịch sử hình thành và phát triển Tổng công ty, ngành hàng không dân dụng Việt Nam được tách ra khỏi quân đội và được chuyển sang Bộ Giao thông Vận tải quản lý từ những năm 1990, và vì vậy đến nay vẫn có sự sử dụng đan xen các cơ sở hạ tầng hàng không giữa mục đích dân dụng và quân sự tại một số cảng hàng không của ACV. Do tính bất thường, khó dự báo của bối cảnh địa chính trị quốc tế và khu vực, các cảng hàng không đang vận hành và hoạt động kinh doanh vì mục đích dân sự của ACV có thể được trưng dụng cho mục đích quốc phòng. Điều này có thể làm gián đoạn và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

*Doanh thu của ACV chủ yếu được hình thành từ ba chi nhánh cấp I*

Trong cơ cấu doanh thu theo đơn vị, trên 75% doanh thu của ACV được hình thành từ 03 chi nhánh cấp 1 là các CHKQT Tân Sơn Nhất, Nội Bài và Đà Nẵng. Bất kỳ sự gián đoạn nào trong hoạt động khai thác của các cảng hàng không nêu trên đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Để hạn chế các rủi ro này, ACV thường xuyên áp dụng, triển khai các chương trình SMS, ban hành và diễn tập các kế hoạch dự phòng, kế hoạch khẩn nguy nhằm kịp thời xử lý các rủi ro, hạn chế tối đa các tổn thất khi sự cố xảy ra nhằm nhanh chóng đưa cảng hàng không, sân bay vào hoạt động trở lại bình thường.

### **1.5. Rủi ro của đợt chào bán**

*Đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của ACV không có đơn vị bảo lãnh phát hành và do đó có thể không thành công như kỳ vọng. Điều này có thể gây ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính của ACV sau cổ phần hóa*

Đợt chào bán này là đợt bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam, một phần của quá trình cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam. Tổng giá trị cổ phần chào bán theo mệnh giá là 778.041.220.000 đồng. Do không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt bán đấu giá này có thể không thành công như kỳ vọng, tổng khối lượng cổ phần được mua có thể thấp hơn khối lượng chào bán. Khi đó, số cổ phần không chào bán hết sẽ tiếp tục được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản liên quan.

Rủi ro của đợt chào bán, nếu xảy ra, có thể làm thay đổi quy mô và cơ cấu vốn điều lệ thực tế của Tổng công ty so với dự kiến, đồng thời, làm giảm thặng dư vốn cổ phần, qua đó phần nào ảnh hưởng tới việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty sau khi cổ phần hóa.

### **1.6. Rủi ro khác**

*Cổ phiếu của ACV có thể không đủ điều kiện niêm yết trên thị trường chứng khoán do không đáp ứng được đầy đủ các điều kiện niêm yết theo quy định của pháp luật hiện hành.*

Theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, để được niêm yết trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện đối với công ty niêm yết. Sau khi cổ phần hóa, không có gì đảm bảo rằng Tổng công ty có thể đáp ứng được đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành.

#### *Các rủi ro bất khả kháng*

Bên cạnh các rủi ro trên, hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như hỏa hoạn, lũ lụt, bão, thiên tai, bãi công, nổi loạn, rối loạn, đảo chính, đình công, chiến tranh, tai nạn,... là các sự kiện bất khả kháng nằm ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa, dự kiến của Tổng công ty. Các rủi ro này, nếu xảy ra, chắc chắn sẽ gây thiệt hại về con người, tài sản,... cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, trong đó có Tổng công ty.

*Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro nêu trên, cùng với các thông tin trong Bản Công bố Thông tin này. Hoạt động của Tổ chức Chào bán có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ rủi ro nào đã hoặc chưa được liệt kê bên trên. Danh mục các yếu tố rủi ro nêu trên không phải là bảng liệt kê hay giải thích đầy đủ về tất cả các rủi ro liên quan tới việc đầu tư vào cổ phiếu. Nhà đầu tư nên nghiên cứu và cân nhắc cẩn trọng các thông tin, bao gồm cả các thông tin từ những nguồn đáng tin cậy khác, đồng thời tham vấn ý kiến của các tư vấn chuyên môn, trước khi ra quyết định đăng ký tham gia đầu giá.*



## 2. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN

Đợt phát hành cổ phần lần đầu ra công chúng phục vụ cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty bao gồm ba cấu phần (i) Chào bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng, (ii) Chào bán cho người lao động và (iii) Chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược với cơ cấu vốn điều lệ dự kiến như sau:

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u> (cổ phần)	<u>Giá trị cổ phần</u> <u>theo mệnh giá</u> (đồng)	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà nước .....	1.682.323.878	16.823.238.780.000	75,00 %
CBCNV .....	31.347.800	313.478.000.000	1,40%
<i>Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo thâm niên công tác .....</i>	<i>9.220.000</i>	<i>92.200.000.000</i>	<i>0,41%</i>
<i>Cổ phần bán ưu đãi cho CBCNV theo cam kết làm việc tiếp cho công ty cổ phần .....</i>	<i>22.127.800</i>	<i>221.278.000.000</i>	<i>0,99%</i>
Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức công đoàn .....	3.003.003	30.030.030.000	0,13%
Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược .....	448.619.701	4.486.197.010.000	20,00 %
Cổ phần bán đấu giá công khai .....	77.804.122	778.041.220.000	3,47%
<b>Tổng cộng .....</b>	<b>2.243.098.504</b>	<b>22.430.985.040.000</b>	<b>100%</b>

### 2.1. Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO)

#### 2.1.1 Đối tượng chào bán

Đối tượng IPO trong nước sẽ là các nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm các tổ chức, cá nhân (kể cả người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa) theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011, những đối tượng sau không được tham gia đấu giá mua cổ phần lần đầu bao gồm:

- Thành viên Ban Chi đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, trừ các thành viên là đại diện của doanh nghiệp cổ phần hóa;
- Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá trị doanh nghiệp, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá.
- Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tổng công ty và Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

### 2.1.2 Phương thức chào bán

Cổ phần phát hành lần đầu ra công chúng trong nước thông qua phương thức bán đấu giá công khai, dự kiến được tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung:

Cổ phần phát hành:	Cổ phần của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.
Loại cổ phần:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	11.800 đồng/cổ phần
Tổng số cổ phần chào bán:	77.804.122 cổ phần (3,47% vốn điều lệ)
Đối tượng chào bán:	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng điều kiện theo quy định của Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam được tham gia đăng ký và đấu giá cổ phần của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP
Phương thức đấu giá:	Cổ phần được chào bán theo hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 115/QĐ-UBCK ngày 13/02/2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu về bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán
Thời gian và địa điểm đăng ký:	Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam do Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ban hành
Tổ chức đấu giá:	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Phương thức và thời hạn thanh toán:	Theo quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Chi tiết các nội dung có liên quan đến việc thực hiện đấu giá cổ phần sẽ được thể hiện tại “Quy chế đấu giá Cổ phần của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam” do Tổ chức thực hiện bán đấu giá (Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) ban hành và công bố.

### 2.2. Chào bán cổ phần cho người lao động

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59, đối tượng mua cổ phần bao gồm người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của ACV tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa ngày 31/12/2014.

Việc chào bán cổ phần với giá ưu đãi cho CBCNV cho người lao động được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách được phê duyệt, gồm 02 hình thức như sau:

## **2.2.1 Chào bán cổ phần cho người lao động theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước**

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là:

“... Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)...”

Theo đó:

- Tổng số lao động người Việt Nam có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp – 31/12/2014 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam là 8.443 người.
- Tổng số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo thâm niên công tác: 7.587 người.
- Tổng số năm làm việc của lao động người Việt Nam trong khu vực nhà nước tương ứng của số người đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi: 92.200 năm
- Tổng số cổ phần ưu đãi của 7.587 cán bộ công nhân viên đã đăng ký mua theo số năm làm việc trong khu vực nhà nước: 9.220.000 cổ phần, chiếm 0,41% vốn điều lệ.

## **2.2.2 Chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần**

Người lao động trong danh sách thường xuyên của ACV tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá, thuộc đối tượng CTCP ACV cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho ACV trong thời hạn ít nhất là 3 năm (kể từ ngày ACV được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp tại ACV nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần. Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Giá bán cho các đối tượng trên bằng giá đấu thành công thấp nhất khi ACV đấu giá công khai.

Tiêu chí xác định của ACV cho đối tượng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua cổ phần ưu đãi theo cam kết làm việc tiếp là các cán bộ có trình độ từ cử nhân trở lên, có ít nhất 3 năm kinh nghiệm trong khu vực Nhà nước. Tổng số cổ phần dự kiến chào bán theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần là 22.127.800 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ;

### 2.2.3 Tổng hợp phương án phát hành cho người lao động

<u>Đối tượng</u>	<u>Số cổ phần (cổ phần)</u>	<u>Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ/VĐL</u>
Đối tượng được mua ưu đãi cổ phần theo quy định .....	31.347.800	313.478.000.000	1,40%
Bán ưu đãi theo thâm niên công tác .....	9.220.000	92.200.000.000	0,41%
Bán ưu đãi theo cam kết làm việc .....	22.127.800	221.278.000.000	0,99%

### 2.3. Bán cổ phần cho tổ chức công đoàn

Thực hiện theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, theo đó:

- Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ.
- Số cổ phần này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng.
- Giá cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.
- Tổ chức công đoàn sử dụng nguồn tiền hợp lệ để thực hiện đầu tư trong đợt chào bán theo quy định của pháp luật hiện hành.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, số cổ phần chào bán cho tổ chức công đoàn tại Tổng công ty là 3.003.003 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ.

### 2.4. Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược sẽ được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Việc lựa chọn Nhà đầu tư chiến lược sẽ thực hiện sau đấu giá công khai cổ phần lần đầu ra công chúng. Dự kiến, ACV sẽ bán cổ phần chiến lược cho Nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng các tiêu chí được Bộ GTVT phê duyệt.

## 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA

Theo quy định tại khoản 3a) Điều 42 Nghị Định 59, với ACV là trường hợp Trường hợp bán phần vốn nhà nước kết hợp phát hành thêm, số tiền thu được từ cổ phần hóa sẽ được xử lý như sau:

“... a) Tiền thu từ cổ phần hóa để lại doanh nghiệp phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá; phần thặng dư vốn được sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư, nếu thiếu được xử lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này..”

Để thuận tiện cho công tác tính toán, Tổng công ty giả định giá bán thành công cho nhà đầu tư đại chúng, nhà đầu tư tài chính và nhà đầu tư chiến lược bằng giá chào bán ở mức tối thiểu 11.800 đồng/cổ phần, là mức giá đấu giá tối thiểu dự kiến. Với đặc điểm và quy mô của đợt phát hành nêu trên, số tiền thu được từ đợt cổ phần hóa dự kiến như sau:

Nội dung	Ghi chú	Giá trị	Đơn vị
Quy mô vốn điều lệ trước CPH .....	(a)	20.769,43	tỷ đồng
Quy mô vốn điều lệ sau CPH .....	(b)	22.430,99	tỷ đồng
Giá khởi điểm bán đấu giá .....	(c)	11.800	đồng/CP
Tổng số cổ phần chào bán và phát hành thêm .....	(d)	560.774.626	cổ phần
Số tiền thu được từ Cổ phần hóa .....	(e) = (f) + (g) + (h) + (k)	6.559,45	tỷ đồng
Thu từ bán cổ phần cho CBCNV .....	(f)	324,24	tỷ đồng
Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước .....		65,28	tỷ đồng
Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		258,96	tỷ đồng
Thu từ bán cổ phần cho công đoàn .....	(g)	21,26	tỷ đồng
Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài .....	(h)	920,23	tỷ đồng
Thu từ bán cổ phần và phát hành tăng vốn cho cổ đông chiến lược .....	(k)	5.293,71	tỷ đồng
Thu từ bán cổ phần cho cổ đông chiến lược .....		3.333,08	tỷ đồng
Thu từ phát hành tăng vốn cho cổ đông chiến lược .....		1.960,63	tỷ đồng
Phần giá trị cổ phần Nhà nước bán bớt theo mệnh giá .....	(i)	3.946,19	tỷ đồng
Phần giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm theo mệnh giá để lại doanh nghiệp .....	(k)	1.661,55	tỷ đồng
Chi phí cổ phần hóa <sup>32</sup> .....	(l)	12,87	tỷ đồng
Thực hiện chính sách với người lao động dôi dư .....	(m)	-	tỷ đồng
Thặng dư vốn để lại doanh nghiệp .....	(n)=[(b-a)/b] × [e-i-k-l-m]	69,54	tỷ đồng
<b>Số tiền thu từ CPH dự kiến nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định .....</b>	<b>(p) = (e) - (k) - (l) - (m) - (n)</b>	<b>4.815,48</b>	<b>tỷ đồng</b>

<sup>32</sup> Mức dự toán chưa bao gồm tỷ lệ phí thành công trả cho (các) nhà tư vấn chào bán cổ phần cho (các) nhà đầu tư chiến lược

## PHẦN 7. KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp cho nhà đầu tư nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở Phương án Cổ phần hóa đã được duyệt của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam và các thông tin, số liệu do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam cung cấp, đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư. Việc đánh giá, lựa chọn thông tin và ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên các số liệu và thông tin do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam cung cấp.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đầu giá cổ phần của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2015

### NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hoá



*Nguyễn Nguyễn Hùng*

Đại diện Doanh nghiệp cổ phần hoá



*Nguyễn Nguyễn Hùng*

Đại diện Tổ chức Tư vấn Bán đầu giá



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Đỗ Huy Hoài*

## PHẦN 8. PHỤ LỤC

### 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

#### 1.1. Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO)

Là đơn vị kinh doanh dịch vụ thương mại phi hàng không chủ lực tại Cảng hàng không lớn nhất Việt Nam, SASCO luôn khẳng định vị thế của doanh nghiệp dẫn đầu có tiềm lực vững mạnh, tăng trưởng ổn định và bền vững với các loại hình kinh doanh truyền thống tại sân bay Tân Sơn Nhất. Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- *SASCO Duty Free*: Là thương hiệu chi nhánh trực thuộc Sasco với chức năng chính là tổ chức kinh doanh hàng miễn thuế tại CHKQT Tân Sơn Nhất. Bằng việc hợp tác cùng các tập đoàn cung cấp hàng miễn thuế hàng đầu thế giới, Sasco Duty Free đã nâng tổng số sản phẩm kinh doanh lên khoảng 12.000 sản phẩm đến từ các thương hiệu cao cấp. Một số ngành hàng kinh doanh miễn thuế tiêu biểu nằm trong danh mục hàng tiêu dùng của Công ty bao gồm rượu, thuốc lá, thực phẩm, hàng thời trang, mỹ phẩm, nước hoa.
- *Hệ thống cửa hàng bán hóa mỹ nghệ*: Kinh doanh hơn 10.000 mặt hàng lưu niệm chất lượng cao đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, gồm các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thổ cẩm, sơn mài, các loại mỹ phẩm, hàng da, giả da, hàng gốm sứ, hàng bạc, hàng điêu khắc, các loại thực phẩm, trái cây, đặc sản, hải sản phong phú, đa dạng, đặc trưng của từng vùng miền Việt Nam... tại nhà ga quốc nội và quốc tế CHKQT Tân Sơn Nhất.
- *Hệ thống các nhà hàng, quầy bar*: Chuỗi hệ thống nhà hàng, cửa hàng ăn uống tại khu công cộng và khu cách ly của ga quốc nội và quốc tế và các nhà hàng hợp tác kinh doanh được nhượng quyền thương hiệu quốc tế như Café Espressamente, Illy, Burger King, Star Café và Fin bar.
- *Hệ thống phòng khách hạng thương gia*: Hệ thống phòng khách hạng thương gia tại ga đi quốc nội và quốc tế phục vụ hành khách hạng thương gia, hành khách bay thường xuyên của Vietnam Airlines và 43 các hãng hàng không quốc tế khác

Một số chỉ tiêu hoạt động chủ yếu của SASCO được tổng hợp trong bảng sau:

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Doanh thu thuần	1.809.667	2.008.381	2.040.069
Lợi nhuận trước thuế	109.627	122.519	145.846
Lợi nhuận sau thuế	98.920	92.360	111.774
Tổng tài sản	1.571.088	1.563.393	1.973.634
Vốn chủ sở hữu	797.937	887.000	1.313.272
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.937	887.000	1.202.352
ROA	6%	6%	6%
ROE	12%	10%	9%

1  
CỔ  
Đ  
TÂN  
H  
PH  
VIỆ  
KIẾ

## 1.2. Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn (SAGS)

Trải qua 10 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn đã trở thành một thương hiệu tốt, uy tín trong lĩnh vực kỹ thuật thương mại mặt đất tại Việt Nam. Công ty hiện đang cung cấp dịch vụ trọn gói cho hơn 20 hãng hàng không tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất (chiếm khoảng 50% tổng số các hãng hàng không hiện đang khai thác tại đây). Đơn vị đã không ngừng xây dựng và phát triển nguồn lực vững chắc, đạt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, luôn sẵn sàng cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất cũng như hỗ trợ các cảng hàng không khác. Công ty cung cấp dịch vụ phục vụ mặt đất (ground service) được thực hiện theo hợp đồng chuẩn của IATA, bao gồm những nội dung sau:

- *Dịch vụ phục vụ kỹ thuật sân đỗ máy bay:* Bao gồm các hoạt động: bốc dỡ, chất xếp và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện từ máy bay đến nhà ga hành khách/hàng hóa và ngược lại bằng trang thiết bị chuyên dùng; điều phối chuyển bay; cân bằng trọng tải chuyển bay; hướng dẫn chất xếp chuyển bay; dịch vụ chuyên chở hành khách, tổ bay từ máy bay đến nhà ga.
- *Dịch vụ phục vụ hành khách:* Bao gồm dịch vụ thủ tục hàng không cho khách đi, đến và chuyển tiếp; dịch vụ thu tiền hành lý quá cước và bán vé giờ chót tại sân bay; dịch vụ kiểm soát, hướng dẫn hành khách tại cửa khởi hành; dịch vụ hỗ trợ cho các hành khách cần sự giúp đỡ đặc biệt, hành khách VIP/CIP.
- *Dịch vụ phục vụ hành lý:* Bao gồm dịch vụ hành lý đi, đến và chuyển tiếp; dịch vụ hành lý thất lạc.
- *Các dịch vụ liên quan khác:* Bao gồm các dịch vụ huấn luyện, đào tạo chuyên ngành, dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị chuyên ngành, dịch vụ công nghệ thông tin chuyên ngành.

Một số chỉ tiêu hoạt động chủ yếu của SAGS trong năm 2014 được tổng hợp trong bảng sau:

Chỉ tiêu	2013 <sup>33</sup>	2014
	(triệu đồng)	
Doanh thu thuần	–	472.876
Lợi nhuận trước thuế	–	98.066
Lợi nhuận sau thuế	–	75.781
Tổng tài sản	128.879	452.432
Vốn chủ sở hữu	–	140.507
Vốn điều lệ	–	140.507
ROA	–	17%
ROE	–	54%

<sup>33</sup> Công ty mới chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty TNHH từ 06/01/2014



### 1.3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu hàng không Nội Bài (NAFSC)

NAFSC thành lập vào tháng 05/2014, hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận hành hệ thống tra nạp nhiên liệu ngầm tại nhà ga T2 – Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài. Tuy nhiên, NAFSC chính thức hoạt động kinh doanh và có doanh thu từ tháng 01/2015.

11/11/11  
CH  
TI  
IAI  
11

## 2. DANH MỤC ĐẤT ACV ĐANG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

STT	Thông tin về lô đất				Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
1	ACV	Khu đất nhà điều hành Tổng công ty	58 Trường Sơn - P.2, Q. Tân Bình, TPHCM	4.527,60		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
2	CHKQT Tân Sơn Nhất	Khu nhà làm việc đội DVKT - CHK.QT.TSN	59 Cửu Long - F2 - Q. Tân Bình - TPHCM	2.207,10		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
3	CHKQT Tân Sơn Nhất	Khu nhà đội KTKB - CHK. QT.TSN	23C Yên Thế - F2 - Q. Tân Bình - TPHCM	2.017,70		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
4	CHKQT Tân Sơn Nhất	Khu nhà Trung Tâm huấn luyện An Ninh - ( Nhà khách B cũ)	118 Hồng Hà - F2, Q. Tân Bình - TPHCM	1.418,60		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
5	CHKQT Tân Sơn Nhất	Khu nhà đang do JAC sử dụng	Số 02 - Sông Đáy - F2, Q. Tân Bình - TPHCM	567,5		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
6	ACV	Showroom Nissan - Trung tâm Kiểm Định Ôtô IA Hồng Hà	IA Hồng Hà - F2. Q. Tân Bình - TPHCM	6.347,40	50 năm (hết 01/09/2060)	0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
7	CHKQT Tân Sơn Nhất	Khu đất IA Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình - Bãi xe taxi ( tạm thời ) + vườn ươm cây cảnh	IA Hồng Hà - F2. Q. Tân Bình - TPHCM	8.518,80		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
8	CHKQT Tân Sơn Nhất	K1 25L, P.10, Q. Gò Vấp, TPHCM	P10.Gò Vấp. TPHCM	1.095,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		Liên hệ UBND thành phố thực hiện thủ tục kê khai 09
9	CHKQT Tân Sơn Nhất	K1 25R, P.3, Q. Gò Vấp, TPHCM	P3. Q. Gò Vấp. TPHCM	1.378,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		Liên hệ UBND thành phố thực hiện thủ tục kê khai 09

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
10	CHKQT Tân Sơn Nhất	K2 25L, P.Linh Đông, Q.Thủ Đức, TPHCM	P. Linh Đông . Q. Thủ Đức . TPHCM	921,5	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ UBND thành phố thực hiện thủ tục kê khai 09
11	CHKQT Tân Sơn Nhất	K2 25R, P.Linh Tây, Q.Thủ Đức, TPHCM	P. Linh Tây . Q. Thủ Đức . TPHCM	1.059,30	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ UBND thành phố thực hiện thủ tục kê khai 09
12	CHKQT Tân Sơn Nhất	Đất khu vực sân bay Tân Sơn Nhất	Sân bay QT TSN - P2. Q. Tân Bình - TPHCM	5.207.382,92	0	0			
		Khu nhà ga HK, nhà điều hành sân đấu ô tô		127.184,31	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Thực hiện thủ tục thuế đất với CVHK
		Khu bay (Đường HCC, Đường lán, Đường công vụ...)		70.059,89	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Thực hiện thủ tục thuế đất với CVHK
		Sân đậu máy bay		4.576.939,79	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ UBND thành phố thực hiện thủ tục kê khai 09
		Giao thông nội cảng		380.000,00	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ UBND thành phố thực hiện thủ tục kê khai 09
13	CHK Buôn Ma Thuột	TTGDHK	65 Nguyễn Tất Thành, Tân An, BMT, Dak Lak	108,4	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Thực hiện thủ tục giao quản lý đất với CVHK
14	CHK Buôn Ma Thuột	TTGDHK	67 Nguyễn Tất Thành, Tân An, BMT, Dak Lak	287,76	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
15	CHK Buôn Ma Thuột	Đài dẫn đường K2	K2 194 Đinh Tiên Hoàng, BMT, Dak Lak	2.988,60	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
16	CHK Buôn Ma Thuột	Đài dẫn đường K1	K1 79 Nguyễn Lương Bằng, BMT, Dak Lak	1.693,00	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
17	CHK Buôn Ma Thuột	CHK Buôn Ma Thuột	Cảng hàng không Buôn Ma Thuột, Thôn 3, Hòa Thắng, tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	1.627.679,00	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu bay		1.593.000,00	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đất giao thông nội cảng		4.000,00	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà M&E		450	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà ga cũ		1.500,00	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Thực hiện thủ tục thuê đất; giao quản lý đất với CVHK
		Khu nhà điều hành, nhà xe ngoại trường, nhà xe cũ		3.729,00	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Bãi xe ô tô		9.000,00	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga hành khách		7.100,00	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đường nội bộ khu vực nhà ga		8.900,00	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
18	CHK Liên Khương	TTGDHK	40 Hồ Tùng Mậu, TP Đà Lạt	1.526,40	01/07/2014 đến 01/07/2064	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
	CHK Liên Khương	Đài điểm cũ	Đài điểm cũ Tổ 8, TT Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Giấy CNQSDĐ AN	8.836,10	0	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Trả cho địa phương

STT	Thông tin về lô đất		Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý	
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất		Mục đích sử dụng đất
			949308; Chưa sử dụng						
19	CHK Liên Khương	CHK Liên Khương	Cảng hàng không Liên Khương, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	2.451.281,00		0			
		Khu bay		2.345.339,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đất giao thông		47.195,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu nhà ga hành khách mới, nhà để xe 2 bánh, nhà xe ngoại trường		26.822,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
		Bãi đậu xe ô tô		9.720,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực nhà ga cũ		19.160,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Trạm xử lý nước thải, nhà máy điện, Trạm điện, trạm nước, trạm bơm cứu hoả, bể cứu hoả		3.045,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
20	CHK Côn Đảo	CHK Côn Đảo	Cảng hàng không Côn Đảo, Tiểu khu 1, TT. Côn Đảo, H. Côn Đảo, Tỉnh BR VT	1.012.249,79		0			
		Khu bay		978.663,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Thực hiện thủ tục thuế đất; giao quản lý đất với CVHK

STT	Thông tin về lô đất				Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
		Khu nhà làm việc, bãi đỗ ô tô, bãi đỗ xe máy, nhà ga hành khách, nhà ga tạm, nhà xe ngoại trường		30.912,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Đất giao thông nội cảng		2.674,79		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
21	CHKQT Phú Quốc	Blue Lagoon Resort, Khu 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc	Khu 1, Thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc	5.040,00	08/05/2002 đến hết 08/05/2052	0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09	
22	CHKQT Phú Quốc	Cảng hàng không Quốc Tế Phú Quốc	Tổ 2, ấp Dương Tơ, Xã Dương Tơ, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	3.736.122,48		0				
		Khu bay		3.449.538,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Bãi đỗ xe		128.180,38		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Nhà ME		2.815,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Nhà ga hành khách		14.338,70		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Nhà ga hàng hóa		4.738,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Nhà để xe hành khách		1.369,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Trạm xử lý nước thải		230,2		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Thực hiện thủ tục thuê đất; giao quản lý đất với CVHK	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Trạm thu phí 2 đầu		265,2		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Đất giao thông nội cảng		134.648,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
23	CHK Rạch Giá	Trung tâm giao dịch hàng không	180 Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, tp Rạch Giá	323	Đang xử lý	0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
24	CHK Rạch Giá	CHK Rạch Giá	418 CMT8, Phường Vĩnh Lợi, TP. Trách Giá, Tỉnh Kiên Giang	363.930,94		0			
		Khu bay		192.681 (Thay đổi thành 359.622 theo đề xuất của CVMN trong CV 1023/CVMN-QLC ngày 11/11/2014)		0		Công ích	
		Sân đậu máy bay (120m x 60m) = 7.200m <sup>2</sup>		7.200,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
		Đường CHC (1.500m x 30m)		45.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường lán (85m x 15m) = 1.275m <sup>2</sup>		1.275,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Dải bảo hiểm đầu (90m x 90m) x 2 = 16.200m <sup>2</sup>		16.200,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Dải bảo hiểm hai bên sườn đường		120.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		CHC: 1.500m x 80m							
		Bãi đậu xe		2.744,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà bảo vệ ngay công vào sân bay		12		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Đường vào sân bay		250		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực nhà ga và nhà công vụ		4.308,94		0	Hình thức gì	Công ích	
		Diện tích xây dựng trụ sở nhà ga mới		2.895,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực nhà ga cũ		1.196,60		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà máy phát điện, nhà đặt máy NDB, cầu rửa xe, bể nước cứu hỏa		217,34		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
25	CHK Cà Mau	CHK Cà Mau	93 Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	424.967,08		0			Thực hiện thủ tục thuê đất, giao quản lý đất với CVHK
		Khu bay		404.811,38		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu vực nhà ga hành khách, nhà xe, bãi đỗ ô tô		11.389,79		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Giao thông nội cảng		3.262,70		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu vực mương thoát nước nhà ga, khu bay và ao chứa nước thải		1.014,97		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	



STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		sinh hoạt, nhà chứa rác thải nguy hại							
		Khu vực giải tỏa giai đoạn 1, giai đoạn 2 (Cảng vụ chưa được cấp số đó)		4.488,24		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
26	CHKQT Cần Thơ	CHKQT Cần Thơ	179B Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ	2.838.446,00		0			
		Khu bay		2.680.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu nhà M&E		7.919,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu vực nhà ga, nhà ga tạm, nhà xe ngoài trường, bãi đậu ô tô		23.113,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực nhà xe ngoài trường phần hạ tầng phục vụ công tác khẩn nguy		2.010,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Bãi đỗ ô tô		3.244,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Đất giao thông nội cảng		28.086,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đất cảnh quan cây xanh, chiếu sáng, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật ngầm		88.614,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	

Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Khu thể thao		5.460,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
27	CHK QT Đà Nẵng	Khách sạn Thái Phiên	số 50 Thái Phiên, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, tp Đà Nẵng	2.083	Lâu dài	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
28	CHK QT Đà Nẵng	Đài K1, Cảng HK Quốc tế Đà Nẵng	Phường Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng.	1.764,60		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Thực hiện thủ tục giao quản lý đất với CVHK
29	CHK QT Đà Nẵng	Đài K2, Cảng HK Quốc tế Đà Nẵng	Xã Hòa Tiến, H. Hòa Vang, TP. Đà Nẵng	15.316,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Thực hiện thủ tục giao quản lý đất với CVHK
30	CHK QT Đà Nẵng	Vệt đèn tín hiệu đầu nam CHKQT Đà Nẵng	phường Khê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	16.028,80		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Đất thuộc quy hoạch sân bay do CVMT quản lý
31	CHK QT Đà Nẵng	CHKQT Đà Nẵng	Cảng hàng không Quốc Tế Đà Nẵng, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	1.626.922,70		0			Thực hiện thủ tục thuê đất; giao quản lý đất với CVHK
		Đường CHC 35R/17L và hệ thống đường lân phía Đông		1.140.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Sân đỗ máy bay		315.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trụ sở nhà điều hành Cảng HKQT Đà Nẵng		6.400,80		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga hành khách Cảng HKQT Đà Nẵng (mới) +		14.879,90		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Trạm kỹ thuật phục vụ nhà ga							
		Nhà ga hành khách Cảng HKQT Đà Nẵng (cũ).		7.730,20		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu văn hóa thể thao		4.129,20		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đổ ô tô		36.160,20		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Đường dẫn khu chức năng, đường giao thông		90.411,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm điện (tại khu xăng dầu)		190		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà trực cứu hỏa		338		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm điện dự phòng khu bay (41m2)+ Trạm khí tượng (103m2)+Nhà làm việc đội kỹ thuật, xưởng sửa chữa (240m2), (Trạm cứu hỏa 2.238 m2)		2.622,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà xe ngoại trường		1.329,40		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà kho Trung tâm Khai thác khu bay		355,4		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Y tế hàng không + Trung tâm Huấn luyện đào tạo		961,9		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu xử lý hàng hóa		1.907,40		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Trung tâm Điều hành sân bay + Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật		1.802,40		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà hàng Trung tâm Dịch vụ hàng không (theo trích đo là 2239,3m <sup>2</sup> + phần diện tích 165,6m <sup>2</sup> khu nhà điều hành chuyên sang)		2.404,90		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe trang thiết bị Trung tâm Khai thác ga		300		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
32	CHKQT Phú Bài	Trung tâm giao dịch Hàng không	20 Hà Nội, Phú Nhuận, Huế, TT-Huế	713,5	Từ 29/05/2009 đến 29/05/2059	0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	Đã có quyết định theo 09
33	CHKQT Phú Bài	Đài K1, Sân bay QT Phú Bài	Xã Thủy Tân, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế	10.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Đã có quyết định theo 09
34	CHKQT Phú Bài	Đài K2, Sân bay QT Phú Bài	Thôn Mong B, xã Vĩnh Thái, huyện Phú Vang, Tỉnh TTH	3.726,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Đã có quyết định theo 09
35	CHKQT Phú Bài	CHKQT Phú Bài	Khu 8, thị trấn Phú Bài, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.	1.641.248,70		0			Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09

STT

Đơn vị quản lý	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
	Đất khu bay (gồm đường CHC, đường lán, sân đỗ)		khoảng 160ha		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
	Trụ sở nhà điều hành		6.461,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Nhà ga hành khách (hiện tại)		4.563,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Trạm nguồn (trạm điều dòng)		4.484,70		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
	Khu nhà làm việc các bộ phận thuộc cảng (điện nước, an ninh, vệ sinh).		432		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Nhà để xe phương tiện phục vụ bay		1.475,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Nhà đặt máy phát điện và nhà chứa nước cứu hỏa (Trạm điện 550KVA, bể nước cứu hỏa 200m <sup>3</sup> , Trạm biến áp 250KVA)		150		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
	Sân đỗ ô tô		6.622,10		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Đường giao thông nội bộ cảng		14.633,90		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	01 nhà bếp và 03 dãy nhà ở CBNV		673		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Nhà làm việc và chế biến suất ăn của Cty MASCO		722		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		

STT	Thông tin về lô đất				Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
36	CHKQT Cam Ranh	Nhà ở CBCNV Cảng HKQT Phú Bài		332		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Sân bãi bê tông xi măng		700		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
37	CHKQT Cam Ranh	Sân bay Nha Trang		20.995,00		0	Không phân loại	Công ích	Hoàn trả cho địa phương	
		CHKQT Cam Ranh	Phường Cam Nghĩa, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà	3.820.248,40		0				
		Đường hạ cất cánh (HCC)		311.105,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Đường lán		188.972,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Sân đỗ tàu bay		318.104,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Lê bảo hiểm		282.936,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Các đài bảo hiểm		2.604.849,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Khu Chức năng HKDD		103.283,00		0		Công ích		
		Nhà ga hành khách (hiện tại)		9.035,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Sân đỗ ô tô		33.000,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Đường giao thông nội bộ Cảng		61.248,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		02 nhà làm việc cũ (nhà cấp 2, cấp 4), hiện đang tạm sử dụng làm nhà điều hành cảng và khu tập thể CBCNV Cảng HKQT Cam Ranh		2.871,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga hành khách (cũ)		1.650,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe ngoại trường, sân bê tông (cũ 3.812m <sup>2</sup> + mới 520m <sup>2</sup> )		4.332,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe cứu hỏa		256,2		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Cửa hàng xăng dầu hàng không		1.860,20		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà đặt máy phát điện		30		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
38	CHK Chu Lai	CHK Chu Lai	Xã Tam Nghĩa, Huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam	50.101,00		0			Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
		Sân đỗ tàu bay		37.153,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà ga hành khách (hiện tại)		2.100,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đỗ ô tô		3.519,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà tập thể CBCNV		3.956,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	

STT		Thông tin về lô đất		Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp		Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý	
Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
	Nhà xe ngoại trường		1.508,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Nhà xe cứu hỏa		465		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
	Khu vực trạm điện, trạm nước		691		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
	Nhà để xe CBCNV		229		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Nhà trực, ở, sinh hoạt (trên đồi)		345		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
	Các khu đất khác:						Công ích		
	Vườn khí tượng		25		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
	Bê cát và bê nước cứu hỏa		57		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
	Tổ trực ANKS và PCCC		53		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
39	CHK Pleiku	Trung tâm giao dịch Hãng không Pleiku	Đại lý vé máy bay, 55 Quang Trung, Hội Thương, Pleiku, Gia Lai	382,2	0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
40	CHK Pleiku	CHK Pleiku	Cảng hàng không Pleiku, Đường 7/3, P.Thống Nhất, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	29.130,50	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
	Sân đỗ tàu bay		11.400,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		



STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Nhà ga hành khách (hiện tại)		1.432,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe ngoại trường (số 1)		514,5		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà điều hành		315		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà kho xăng dầu		28		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà căn tin (đã tính thêm phần mở rộng từ năm 2012)		199,5		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe		61,5		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đỗ ô tô		7.875,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe ngoại trường (số 2)		168		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe máy tại nhà điều hành		60		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà đặt máy và nhà trực đài NDB		50		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường giao thông nội bộ Cảng		6.843,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà đặt máy nổ dự phòng, máy bơm nước		84		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà điều khiển hệ thống đèn phụ trợ		100		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
41	CHK Phù Cát	Trung tâm giao dịch Hàng không	01 Nguyễn Tất Thành, Lý Thường Kiệt, Quy Nhơn, Bình Định	13.015,90	Từ 23/08/2011 đến 25/06/2060	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
42	CHK Phù Cát	Đài K2	Nhom Hòa, An Nhơn, Bình Định	9.216,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
43	CHK Phù Cát	Đài K1	Nhom Thành, An Nhơn, Bình Định	8.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
44	CHK Phù Cát	CHK Phù Cát	Cát Tân, Phù Cát, Bình Định	74.466,00		0		Công ích	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
		Sân đỗ máy bay		67.860,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà ga hành khách (hiện tại)		1.620,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe ngoại trường		300		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà nghỉ trực ca		126		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đỗ ô tô		2.870,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe cứu hỏa		330		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà để máy nổ		15		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà điều dòng		120		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Bể nước cứu hỏa		30		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		05 chòi gác an ninh		25		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Vườn khí tượng (cách sân đỗ tàu bay hiện tại 100m về phía Bắc)		36		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà ga hành khách cũ		800		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		02 nhà đặt máy thông tin B2 và B3 (đài Bắc bay và nhà đặt đài DVOR cũ)		127		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà làm việc đội kỹ thuật		60		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà giữ xe máy		100		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Bể nước cứu hỏa (Cảnh nhà ga hành khách cũ)		30		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu xử lý rác		17		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
45	CHK Tuy Hòa	Trung tâm giao dịch Hàng không Tuy Hòa	TT giao dịch hàng không (183-185 Hùng Vương, Phường 5, TP. Tuy Hòa.)	200	50 năm ( đến hết ngày 22/09/2061)	0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	Đã có quyết định 09. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định pháp luật
46	CHK Tuy Hòa	CHK Tuy Hòa	Ph. Phú Thạnh, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	54.453,00		0			Thực hiện thủ tục thuê đất, giao quản lý đất với CVHK
		Nhà ga hành khách (hiện tại)		4.092,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để phương tiện, TTB phục vụ mặt đất		332		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Sân đổ ô tô		1.420,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà khách nguy cứu hỏa		200		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Hệ thống đường giao thông, vỉa hè và cây xanh		46.700,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà cơ điện		400		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Bể nước cứu hỏa (bể ngầm)		153		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Hệ thống xử lý nước thải		200		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu văn phòng làm việc		182		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe máy		160		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà bảo vệ, nghỉ ca		614		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
47	CHKQT Nội Bài	Nhà nghỉ Hàng không Tam Đảo	Vĩnh Phúc	1.125,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	Phúc lợi (của tổ chức Công đoàn)	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
48	CHKQT Nội Bài	CHKQT Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Hà Nội		3.269.890,70		0		Công ích	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
		Diện tích kê khai nộp tiền thuê đất, thuế sử dụng đất PNN		1.047.769,70		0		Công ích	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Nhà ga hành khách T1		23.524,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đỗ ô tô P3		17.620,70		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đỗ trước nhà ga T1		13.680,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga T1 mở rộng (sanh E)		9.200,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đỗ nhà ga T1 mở rộng		7.996,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga hành khách T2 và sân đỗ.		896.970,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga hành khách (VIP A)		5.700,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu nhà ga hàng hóa		20.480,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân đỗ Ga hàng hóa.		14.682,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu Kho hàng Nội Bài		4.000,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu BQL công trình		110		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu văn phòng làm việc (Khu nhà văn hóa)		15.037,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Trạm cấp nhiên liệu T2		10.430,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật HK - Cảng HKQT Nội Bài		8.340,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Diện tích đất thuộc đối tượng được		2.169.153,00		0		Công ích	



STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp		Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý	
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất		Mục đích sử dụng đất
		<i>miễn tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.</i>							
		Trạm biến áp điện 35/06KV - Trung tâm DVKT Nội Bài		2.411,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm nước + Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật HKNB.		5.220,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường giao thông nội cảng		19.275,70		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Sân đỗ tàu bay		85.559,30		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Sân đỗ tàu bay A3		21.840,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đất mở rộng kéo dài đường băng, lẻ bảo hiểm IB		1.196.547,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đất khu đường lan, lẻ bảo hiểm		498.300,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đất cải tạo và mở rộng đầu tây Cảng HKQT Nội Bài		340.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu ở TT CBNV Cảng HKQT Nội Bài		52.968,10		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		<i>Đất sử dụng với mục đích khác</i>		15.145,00		0			

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Khu đất Công ty CP Suất ăn hàng không Nội Bài		5.071,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Xi nghiệp thương mại mặt đất Nội Bài (NIAGS)		6.830,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài		3.244,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
49	CHK Cát Bi	Khu tập thể A1 - Làm nhà ở, kho cho CBCNV		2.085,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
50	CHK Cát Bi	Đài dẫn đường K2	Ph. Đa Phúc, Q. Dương Kinh, TP. Hải Phòng	9.622,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
51	CHK Cát Bi	CHK Cát Bi	CHK Cát Bi, Đường Lê Hồng Phong, P. Thành Tô, Q. Hai An, Tp. Hải Phòng	304.497,39		0		Công ích	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
		<i>Diện tích kê khai nộp tiền thuê đất, thuế sử dụng đất PNN</i>		15.024,72		0			
		Nhà ga hành khách.		3.378,08		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực nhà điều hành bay.		433,13		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ăn tập thể CB, CNV, căng tin và khuôn viên.		605,91		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ăn tập thể và khuôn viên.		150		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Căng tin và khuôn viên.		455,91		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Bãi đỗ ô tô.		4.800,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe đạp, xe máy của khách và CBNV.		320		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe đạp, xe máy của khách.		190		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe đạp, xe máy của CB, CNV.		130		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Trạm thuế vụ.		45		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực văn phòng.		564		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực văn phòng mới (Nhà chế biến suất ăn cũ), nhà nghỉ giản ca của CB, CNV Cảng HK Cát Bi.		300		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu văn phòng mới.		94,68		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà nghỉ giản ca của CB, CNV.		87,12		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu phụ.		118,2		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Vườn hoa Thanh niên của Cảng HK Cát Bi.		110		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Hồ nước.		2.076,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực nhập, trả hàng hóa.		625		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực đảo hành lý.		176		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	



STT	Thông tin về lô đất				Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
		Khu vực nhà để xe ngoài trường.		423		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Nhà để xe.		237		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Vị trí để 03 xe khách nguy.		106		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Nhà trực tổ VAECO.		40		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Nhà kho tổ vệ sinh.		40		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Sân đỗ Contner (Khu vực tập kết phương tiện mặt đất giáp sân đỗ tàu bay)		908,6		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Khu vực đỗ Dolly hàng hóa.		165		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		Nhà trực ngoại trường (Nhà trực tổ NIAGS).		95		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD		
		<i>Diện tích đất thuộc đối tượng giao không thu tiền.</i>		289.472,67		0		Công ích		
		Đường giao thông nội Cảng.		2.500,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Trạm điện và khuôn viên.		500		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Khu vực tiếp giáp giữa nhà trực cứu hỏa và thông tin.		120		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Nhà để xe cứu hỏa.		233,57		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm khí tượng.		100		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu bay (đường CHC, đường lán, sân đỗ, lễ bảo hiểm).		281.542,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường CHC 07/25		120.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường lán		2.412,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Sân đỗ tàu bay (gồm 2 vị trí đỗ số 1 và số 2)		15.130,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Lễ bảo hiểm		144.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường công vụ, sân đỗ tàu bay		2.357,30		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu vực tiếp giáp sân đỗ với nhà ga.		2.100,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu vực tiếp giáp giữa nhà trực cứu hỏa - thông tin và sân đỗ tàu bay		257,3		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	

STT	Thông tin về lô đất				Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH	Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
		Sân đỗ kỹ thuật (trước nhà xe ngoại trường).		1.177,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
52	CHK Điện Biên	Đại lý vé Điện Biên	Nhà vé 14 Trần Đăng Ninh, Thanh Bình, Điện Biên	942,8		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
53	CHK Điện Biên	Nhà vé Nà Sản	Tỉnh Sơn La	392,2		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
54	CHK Điện Biên	Sân bay Nà Sản	Tỉnh Sơn La	27.392,20		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
55	CHK Điện Biên	CHK Điện Biên	CHK Điện Biên, Tổ dân phố 10, P. Thanh Trường, Tp. Điện Biên, Tỉnh Điện Biên	328.752,50		0		Công ích	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
		<i>Diện tích đất thuộc đối tượng cho thuê sử dụng</i>		7.730,50		0		Công ích	
		Nhà ga hành khách.		1.600,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	
		Sân đỗ ô tô		3.071,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	
		Nhà để xe đạp, xe máy hành khách.		182		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	
		Nhà để xe Ngoại trường Cán bộ CNV.		108		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	
		Nhà điều hành (Nhà ga hành khách cũ).		500		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	
		Nhà làm việc số 1 (Nhà làm việc cũ).		154		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXXD	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Trạm kiểm soát vé.		18		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân trước cửa nhà điều hành (KT 72x23).		1.656,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Điểm đỗ Taxi		297,5		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà tập thể.		144		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		<i>Diện tích đất thuộc đối tượng giao không thu tiền</i>		321.022,00		0		Công ích	
		Nhà để xe cứu hỏa + nhà xe khẩn nguy (Nhà xe ngoại trường cũ).		325		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà máy nổ 250KVA.		34		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà Trạm bơm nước + Nhà đặt máy biến áp đặt máy biến áp + Khuôn viên (Trạm điện + trạm nước cũ).		320		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Hệ thống Mương nước xây đã hộc.		1.636,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Vườn khí tượng + đường ra vườn +Khu vực ăng ten đài dẫn đường NDB +Khu vực		11.777,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	

STT	Thông tin về lô đất				Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
		Âng ten dài dẫn đường NDB.								
		Đường lán (Bê tông xi măng).		1.635,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Sân đỗ máy bay mới.		6.552,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Sân đỗ máy bay cũ.		5.225,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Đường cất hạ cánh.		54.900,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Nhà đặt dài dẫn đường, đường vào nhà dài NDB.		89		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Bảo hiểm sừn phía Đông, Tây 2x (1.830x40).		146.400,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Bảo hiểm đầu Bắc Đầu 16 (110 X 165m).		18.150,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Bảo hiểm đầu Nam Đầu 34 (120 X 250m).		30.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Mương thoát nước đường cất hạ cánh.		38.369,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Sân đường nhà ga (Trước, sau)		2.360,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Đường giao thông nội cảng		3.250,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
56	CHK Vinh	CHK Vinh	CHK Vinh, Xã Nghi Liên, Tp Vinh, Tỉnh Nghệ An	553.202,16		0		Công ích	Liên hệ UBND tỉnh thực hiện thủ tục kê khai 09
		<i>Diện tích đất thuộc đối tượng cho thuê sử dụng</i>		110.079,95		0		Công ích	
		Khu văn phòng.		1.810,04		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe máy CB, CNV.		187,83		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà làm việc văn phòng.		193,54		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân bóng.		356		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Sân trụ sở nhà làm việc.		520		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe ngoại trường mới		486,54		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Diện tích đất xung quanh các công trình trên.		480,67		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga quốc tế tạm.		795,6		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ga quốc nội.		1.455,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Đất xây dựng nhà ga hành khách mới.		98.741,20		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ăn tập thể và công trình phụ.		121,76		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp		Phương án sử dụng đất sau CPH	Phương hướng xử lý		
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)		Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất
		Sân đỗ ô tô cũ		1.319,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu vực phù điêu Bắc Hồ		3.906,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Ao cá		154,2		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Mương nước.		163		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khu nhà dịch vụ (Nhà ga cũ không sử dụng)		1.342,15		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà dịch vụ (Nhà ga cũ không sử dụng).		303,6		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe ngoại trường cũ (Nhà cũ không sử dụng).		312,35		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Diện tích đất xung quanh công trình.		726,2		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà để xe máy của khách		272		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Diện tích đất thuộc đối tượng giao đất không thu tiền sử dụng đất		443.122,21		0		Công ích	
		Nhà xe cứu hỏa.		165,49		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Các công trình nhỏ lẻ khác.		230,59		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp		Phương án sử dụng đất sau CPH	Phương hướng xử lý		
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VNĐ)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
		Trạm bơm công cộng (2 nhà)		52,02	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Tháp nước công cộng.		4,2	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Bể nước công cộng.		42	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm điện công cộng.		31,54	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà khí tượng		43,6	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm điện cũ		57,23	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Vườn khí tượng, đường ra vườn khí tượng.		524,54	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà điều dòng công cộng.		150,93	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà điều dòng mới.		295,8	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Bãi đổ rác công cộng.		38,4	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Bể nước cứu hỏa.		127,26	0	0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	



STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Đường vào Cảng HK Vĩnh.		162.416,50		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Hệ thống thiết bị dẫn đường ILS (hai đầu CHC).		78.295,70		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường cất hạ cánh		108.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Sân đỗ máy bay hiện tại		20.877,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Hai đầu bảo hiểm		72.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đài K1 và K2			Đất quản sự				
57	CHK Đồng Hới	CHK Đồng Hới, Xã Lộc Ninh, Tp. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình		1.399.762,41		0		Công ích	Liên hệ BTC thực hiện thủ tục kê khai 09
		<i>Diện tích đất thuộc đối tượng cho thuê sử dụng</i>		19.443,60		0		Công ích	
		Nhà ga hành khách		2.540,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà điều hành sân bay và khuôn viên		728,63		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ăn và khuôn viên		1.065,94		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà ăn		230		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Khuôn viên nhà ăn		835,94		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Bãi đỗ ô tô		4.788,00		0	Thuế đất trả tiền hàng năm	SXKD	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Gara ô tô nhà điều hành		172		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Nhà xe ngoại trường, nhà để xe và sân.		3.308,00		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		Vườn hoa, cây xanh trước nhà ga hành khách và xung quanh nhà điều hành (đã trừ diện tích nhà điều hành, khuôn viên và Gara ô tô nhà điều hành).		6.841,03		0	Thuê đất trả tiền hàng năm	SXKD	
		<i>Diện tích đất thuộc đối tượng giao đất không thu tiền sử dụng đất</i>		1.380.318,81		0		Công ích	
		Đường giao thông nội cảng.		10.704,65		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường giao thông trước vườn hòa cây xanh, nhà điều hành, hai bên nhà ga.		8.487,29		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường giao thông trước nhà trạm bơm, trạm điện, nhà điều dòng		2.217,36		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Khu vực sân đỗ (đã trừ diện tích nhà xe ngoại trường).		50.920,06		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	

STT	Thông tin về lô đất			Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp			Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	
		Khu bay (phần dùng chung với quân sự do HKDD quản lý.		1.140.000,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Phần đất xây dựng đường CHC. dài GP (đầu 29) và hệ thống đèn tín hiệu hàng không, bố trí góc an ninh, cột gió.		1.104.504,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường tuần tra an ninh		35.496,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Đường tuần tra an ninh phía ngoài khu bay (đá trừ phần diện tích tại mục 2.2)		23.281,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm khí tượng		265,85		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Trạm Điện, trạm xử lý nước và khuôn viên.		911,74		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Nhà điều dòng và khuôn viên (Hệ thống ILS).		687,39		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Hầm xử lý bom mìn.		7,4		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	
		Bãi tập kết rác thải.		544,34		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	



STT	Thông tin về lô đất		Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp		Phương án sử dụng đất sau CPH		Phương hướng xử lý			
	Đơn vị quản lý	Tên	Địa chỉ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn sử dụng đất	Giá trị (VND)		Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
		Đất bổ sung xây dựng hệ thống thiết bị ILS và hệ thống đèn tín hiệu hàng không (Đã bao gồm diện tích dải LOC/ILS đầu 11: 45 m <sup>2</sup> ).		124.382,60		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
		Hồ nước Bàu tuần.		28.613,78		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích		
58	CHK Thọ Xuân	CHK Thọ Xuân		ĐẤT QUẢN SỬ					Công ích	
59	CHK Thọ Xuân	Trạm điện, hệ thống đèn tín hiệu Cảng hàng không Thọ Xuân	Thị trấn sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	47.050,00		0	Giao quản lý không thu tiền sử dụng đất	Công ích	Thực hiện thủ tục giao quản lý đất với CVHK	

